



UNODC

United Nations Office on Drugs and Crime

**NGHIÊN CỨU VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ
TƯ PHÁP HÌNH SỰ HIỆN NAY
DÀNH CHO NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH Ở
VIỆT NAM**

**Tài liệu thảo luận của dự án UNODC “Tăng cường năng lực
cho cơ quan hành pháp và tư pháp phòng chống bạo lực
gia đình tại Việt Nam (VNM/T28)”**

Hà Nội, 2011



UNODC

United Nations Office on Drugs and Crime

Tài liệu thảo luận này chưa được chính thức chỉnh sửa

Tài liệu thảo luận này nằm trong chương trình hoạt động của dự án VNM/T28 “Tăng cường năng lực cho cơ quan hành pháp và tư pháp phòng chống bạo lực gia đình tại Việt Nam”.

Những phát hiện, giải thích và kết luận trong tài liệu thảo luận này không phản ánh quan điểm của Liên hiệp quốc hay của chính phủ Việt Nam

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT VÀ CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

CEPEW	Trung tâm hỗ trợ giáo dục và nâng cao năng lực cho phụ nữ
CIPH	Công ty tư vấn đầu tư Y tế
CSAGA	Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học về giới-gia đình-phụ nữ và vị thành niên
CWD	Trung tâm phụ nữ và phát triển
GBV Sub-Working group	Tiểu nhóm làm việc về bạo lực trên cơ sở giới của Liên hiệp quốc tại Việt Nam
GSO	Tổng cục Thống kê
HEUNI	Viện Châu âu về kiểm soát và phòng chống tội phạm
Bộ VHHTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Dự án T28	Dự án “Tăng cường năng lực cho các cơ quan hành pháp và tư pháp chống bạo lực gia đình ở Việt nam”
PyD	Hòa bình và Phát triển
RCGAD	Trung tâm nghiên cứu về Giới và Phát triển
UNDP	Chương trình phát triển Liên Hiệp quốc
UNFPA	Quỹ dân số Liên Hiệp quốc
UNODC	Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm Liên Hiệp quốc
VWU	Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới

LỜI NÓI ĐẦU

Ở Việt Nam, gia đình được nhìn nhận như là “một tổ ấm”, nền tảng của xã hội, mang lại hạnh phúc cho mỗi cá nhân và sự ổn định của xã hội. Nhưng, “tổ ấm” này có thể trở thành “chốn lạnh lẽo”, chứa chất bạo lực và không còn là nơi an toàn cho các thành viên trong gia đình.

Bạo lực gia đình là một vấn đề phổ biến ở khắp nơi trên thế giới, ở tất cả các nền văn hóa và nhóm xã hội. Nó có ảnh hưởng nghiêm trọng về thể chất, tinh cảm, tài chính và xã hội đối với nạn nhân, gia đình và cộng đồng. Nạn nhân phần lớn là phụ nữ, những người gặp rất nhiều khó khăn khi tiếp cận với các dịch vụ pháp lý và các biện pháp bảo vệ. Ở nhiều xã hội trong đó có Việt Nam, bất bình đẳng giới từ bao đời nay và nền văn hóa phụ hệ đã khiến người phụ nữ phải chấp nhận, cam chịu và thậm chí giải thích một cách duy lý BLGD và giữ im lặng khi bị BLGD.

Quốc tế đã nhận thấy sự cần thiết phải có phương pháp tiếp cận toàn diện và đa dạng để giải quyết vấn đề xã hội phức tạp này, trong đó các cơ quan hành pháp và tư pháp có vai trò vô cùng quan trọng.

Hệ thống pháp luật hiện thời ở Việt Nam đã hình thành khung pháp lý để xử lý BLGD, cụ thể là Luật Phòng chống bạo lực gia đình đã được thông qua, gửi một thông điệp rõ ràng là bạo lực cần được xử lý và không còn là “chuyện riêng” của gia đình nữa. Ở Việt Nam, rất nhiều cơ quan chính phủ và các tổ chức quần chúng khác nhau có vai trò đảm bảo sự phối hợp nhanh toàn diện về nhiều mặt trong việc xử lý bạo lực gia đình. Theo kinh nghiệm của những nạn nhân nữ về hệ thống tư pháp, các cơ quan hành pháp và tư pháp đóng vai trò chính, vì họ sẽ là những người cần phải hoạt động hiệu quả hơn trong việc bảo vệ nạn nhân, chấm dứt việc không bị trừng phạt, cung cấp khả năng tiếp cận hệ thống tư pháp, và phản ứng lại với các nhu cầu đặc biệt và đối tượng dễ bị tổn thương.

Để nâng cao việc thực hiện có hiệu quả khung pháp lý trong việc xử lý bạo lực gia đình ở Việt Nam, UNODC đã khởi động một dự án 3 năm, VNM/T28, vào cuối năm 2008. Mục tiêu cụ thể của dự án là tăng cường năng lực cho cán bộ của cơ quan hành pháp và tư pháp trong việc xử lý các vụ việc bạo lực gia đình và đối tác chính phủ chính của dự án là Bộ Công an và Bộ Tư pháp Việt Nam. Dự án đã xây dựng rất nhiều các chương trình hoạt động khác nhau nhưng mục đích chính vẫn là tăng cường cơ cấu bảo vệ và xử lý bạo lực gia đình ở Việt Nam và bao gồm cả các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức về bạo lực gia đình thông qua cộng đồng, và hậu quả nghiêm trọng của nó lên các nạn nhân và gia đình của họ.

Dữ liệu đầy đủ là yếu tố quyết định đến việc xây dựng chính sách và can thiệp hiệu quả, một trong những hoạt động của dự án VNM/T28 là tập trung vào nghiên cứu thực tiễn của hệ thống hành pháp hiện thời liên quan đến bạo lực gia đình, các dịch vụ tư pháp dành cho nạn nhân của bạo lực gia đình và việc áp dụng hòa giải để ngăn chặn bạo lực.

Năm 2009, Trung tâm nghiên cứu và Phát triển thuộc trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội (RCGAD), cùng với Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO) và Hội Phụ nữ Việt Nam (VWU) đã thực hiện nghiên cứu về thực tế hệ thống hành pháp hiện thời và hỗ trợ pháp lý cũng như hỗ trợ xã hội dành cho phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình, vai trò của chính quyền địa phương trong việc xử lý những vụ việc này. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 900 nạn nhân nữ, nhóm trọng điểm đã tiến hành các buổi thảo luận giữa chính quyền và các nạn nhân tại 9 tỉnh. Tất cả các hoạt động trên được Viện Châu Âu về kiểm soát và phòng chống tội phạm (HEUNI) hỗ trợ, đặc biệt trong việc xây dựng hệ thống câu hỏi và cung cấp đầu vào cho những phát hiện cũng như phần góp ý xây dựng của tập tài liệu thảo luận này.

Tập tài liệu thảo luận này là nghiên cứu đầu tiên về phản ứng của cơ quan hành pháp và các dịch vụ tư pháp đối với các vụ việc bạo lực gia đình tại Việt Nam. Sự nhạy cảm văn hóa của vấn đề đòi hỏi phải có sự chuẩn bị cẩn thận và trình bày rõ ràng. Nghiên cứu tương tự có thể được thực hiện trong tương lai nhằm đánh giá sự cải thiện tại Việt Nam trong việc xử lý và ngăn chặn bạo lực gia đình.

Những phát hiện, cùng với những gợi ý chính, nhằm mục đích nâng cao nhận thức về khoảng cách hiện thời trong việc phản ứng lại các vấn đề bạo lực gia đình tại Việt Nam và hy vọng sẽ khuyến khích các cơ quan hành pháp và tư pháp cũng như các tổ chức xã hội và tổ chức quần chúng xây dựng chính sách dựa trên cơ sở bằng chứng. Khuyến khích các tổ chức quốc tế và các cơ quan trong nước sử dụng những phát hiện và gợi ý trong chương trình của họ.

Không dễ dàng có thể phụ nữ tham gia vào nghiên cứu này và chia sẻ những kinh nghiệm buồn của họ về bạo lực gia đình chính vì thế chúng ta cần đảm bảo rằng những phát hiện này được sử dụng theo đúng cách và đóng góp một bước quan trọng vào việc bảo vệ nạn nhân tốt hơn và tăng trách nhiệm cho người gây bạo hành.

LỜI CẢM ƠN

Tài liệu thảo luận về thực tiễn hành pháp và hỗ trợ pháp lý cho nạn nhân nữ của bạo lực gia đình tại Việt Nam được xem như để tưởng nhớ đến Ms. Jenni Viitala, nguyên Điều phối viên quốc tế của dự án VNM/T28, đã qua đời tháng 10/2009. Là một trong những người đi tiên phong, cô Jenni đã khởi động và kết hợp phần lớn trong quá trình tiến hành nghiên cứu và động viên mọi thành viên bằng sự chuyên nghiệp và nhiệt tình của mình để cải thiện tình trạng bạo lực gia đình tại Việt Nam.

Việc tiến hành nghiên cứu và hoàn thành tài liệu thảo luận này sẽ không thể thực hiện được nếu thiếu sự cam kết của rất nhiều chuyên gia và các nhà tài trợ. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tới:

- 900 phụ nữ đã đồng ý tham gia phỏng vấn và chia sẻ kinh nghiệm bản thân về bạo lực gia đình với nhóm nghiên cứu và 50 người phỏng vấn tham gia các buổi thảo luận của nhóm nạn nhân trọng điểm. Nói chuyện về những nỗi đau, sự tổn thương với người lạ là một việc làm vô cùng khó, nó liên quan đến rất nhiều ký ức đau buồn không muốn bị nhắc lại. Chúng tôi vô cùng cảm ơn sự nỗ lực của những người tham gia phỏng vấn khi phải trả lời những câu hỏi rất riêng tư và giúp cho việc tiến hành nghiên cứu được hoàn thiện.
- 30 đồng chí công an và nhân viên tư pháp tham gia vòng phỏng vấn sâu đã có những đóng góp rất giá trị bổ sung cho những phát hiện nhạy cảm cho phần nghiên cứu định lượng.
- Giáo sư Lê Thị Quý, Giám đốc RCGAD, người đã tiến hành nhóm trọng điểm phỏng vấn nạn nhân của bạo lực gia đình và cán bộ hành pháp, tư pháp, đồng thời phân tích dữ liệu thu thập được và người soạn thảo tài liệu thảo luận này cũng như cảm ơn Cô Nguyễn Thị Tuyết Nga, Trưởng phòng dự án của RCGAD.
- Bà Nguyễn Thị Thúy, nguyên Giám đốc, và bà Lê Thị Phương Thúy, Trưởng phòng dự án của Trung tâm phụ nữ và phát triển, người đã giúp xác định nạn nhân tại các tỉnh được chọn, tham gia phỏng vấn các nạn nhân của bạo lực gia đình và cung cấp đầu vào cho bản nháp của tài liệu thảo luận.
- Bà Nguyễn Thị Việt Nga, Bà Nguyễn Thị Loan, Bà Đoàn Thuận Hòa, các chuyên gia đến từ phòng Môi trường và Xã hội của GSO Việt Nam trong việc tổ chức đào tạo cho người phỏng vấn trước khi đi thực tiễn, tham gia phỏng vấn nạn nhân của bạo lực gia đình tại các địa được chọn và xử lý dữ liệu cũng như đóng góp ý kiến cho bản nháp của tài liệu thảo luận.
- Bà Nguyễn Thị Hoài Linh, Trưởng phòng tài chính và kế hoạch của VWU, trong việc biên dịch tài liệu thảo luận này từ tiếng Anh sang tiếng Việt đồng thời đóng góp ý kiến bổ sung đầu vào.
- Ông Markku Heiskanen, nhà nghiên cứu cao cấp và Bà Natalia Ollus, nhân viên chương trình cao cấp của HEUNI trong việc xây dựng kế hoạch nghiên cứu, phương pháp và bảng hỏi, cung cấp khóa đào tạo cho những nhân viên chủ chốt đến từ các cơ quan trong nước tham gia nghiên cứu và thiết kế bảng hỏi, đồng thời cung cấp hướng dẫn và đầu vào cho tài liệu thảo luận, đặc biệt là trong việc đóng góp ý kiến và tìm ra những phát hiện.
- Bà Sarah de Hovre, chuyên gia quốc tế, trong việc chỉnh sửa báo cáo nghiên cứu nhằm đảm bảo tính chính xác, trong sạch và hợp với bối cảnh Việt Nam cũng như phản ánh được kỳ vọng của quốc tế về vấn đề bạo lực lên phụ nữ.
- Các đối tác của dự án UNODC VNM/T28, Bộ Công an và Bộ Tư pháp, đặc biệt là Cục trợ giúp pháp lý, đã cung cấp những đầu vào có giá trị nhằm nâng cao chất lượng của bản nháp tài liệu thảo luận. Đồng thời cảm ơn các chính quyền địa phương và Hội phụ nữ Việt Nam tại 9 tỉnh và thành phố những người đã giúp đỡ nhiệt tình trong việc tổ chức khu vực phỏng vấn và thảo luận, đồng thời hỗ trợ xác định nạn nhân của bạo lực gia đình.
- CSAGA, CEPEW, CIPH, PyD, Trường đại học khoa học xã hội, đã đóng góp ý kiến cho phần phỏng vấn sâu và đưa ra những nhận xét về báo cáo nghiên cứu, để củng cố tính chính xác và phù hợp với bối cảnh Việt Nam.
- Tiểu nhóm làm việc về bạo lực trên cơ sở giới tại Việt Nam và Bộ phận tư pháp hình sự của UNODC tại văn phòng chính đã đóng góp ý kiến và đầu vào cho bản nháp của tài liệu thảo luận này.
- Văn phòng UNODC Việt Nam, bao gồm Bà Zhuldyz Akisheva, Giám đốc văn phòng; Ông Chris Batt, Cố vấn khu vực chương trình toàn cầu chống rửa tiền; Bà Daria Hagemann, Tư vấn quốc tế; Ông Nguyễn Tuấn Anh, Điều phối viên quốc gia; và Cô Trần Thị Thanh Vân, trợ lý dự án đã tham gia tích cực trong suốt quá trình nghiên cứu.

NỘI DUNG	Trang
Danh sách hình	8
Danh sách biểu	9
CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU VỀ TÌNH HÌNH BẠO LỰC GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM	14
Phần I. Phát hiện từ các nghiên cứu trong nước về hình thức và tỷ lệ bạo lực gia đình	14
I.1. Bối cảnh	14
I.2. Dữ liệu hiện có về bạo lực gia đình	14
Phần II. Khung pháp lý	15
II.1. Luật pháp Việt Nam	15
II.2. Lý thuyết và thực tiễn	17
CHƯƠNG II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	19
Phần I. Cơ sở lý luận và mục tiêu	19
Phần II. Phạm vi nghiên cứu	19
II.1. Yếu tố định lượng	19
II.2. Yếu tố định tính	20
Phần III. Quá trình và diễn biến	20
III.1. Công cụ nghiên cứu	20
III.2. Thu thập dữ liệu	20
III.3. Nghiên cứu	21
CHƯƠNG III. Những phát hiện	23
Phần I. Đặc điểm xã hội-nhân khẩu học của người trả lời	23
Phần II. Các hành vi bạo lực gia đình và hậu quả	28
Phần III. Phản ứng của công an trước vấn đề bạo lực gia đình	31
III.1. Các vụ bạo lực gia đình được trình báo công an	31
III.2. Phản ứng của công an khi phụ nữ trình báo vụ việc bạo lực gia đình	38
III.3. Sự hài lòng của nạn nhân với cách công an xử lý vụ việc	40
III.4. Tác động do sự can thiệp của công an và các biện pháp được áp dụng	41
III.5. Những thách thức mà lực lượng công an gặp phải	46
Phần IV. Hỗ trợ pháp lý cho các nạn nhân bạo lực gia đình	48
IV.1. Những vụ bạo lực gia đình mà cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý cần lưu ý	48
IV.2. Lý do không trình báo bạo lực gia đình với cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý	50
IV.3. Những thách thức mà cán bộ tư pháp gặp phải	52
Phần V. Hòa giải như một biện pháp đối với bạo lực gia đình	53
V.1. Các vụ bạo lực gia đình được hòa giải	53
V.2. Kết quả hòa giải và sự hài lòng của nạn nhân	56

Phần VI. Hỗ trợ của các tổ chức khác cho nạn nhân bạo lực gia đình	59
VI.1. Liên hệ với các tổ chức chuyên trách	59
VI.2. Liên hệ với Hội Phụ nữ	59
VI.3. Chăm sóc y tế cho các nạn nhân bạo lực gia đình	62
CHƯƠNG IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	63
Phần I. Kết luận	63
I.1. Thông tin cơ sở	63
I.2. Trợ giúp của công an cho nạn nhân	64
I.3. Trợ giúp pháp lý cho nạn nhân	65
I.4. Hòa giải	66
I.5. Các hỗ trợ khác	67
Phần II. Khuyến nghị	67
II.1. Khuyến nghị với lực lượng công an	68
II.2. Khuyến nghị với cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý	68
II.3. Khuyến nghị với các tổ chức khác	68
II.4. Khuyến nghị về nghiên cứu tiếp theo	69
PHỤ LỤC	
Phụ lục 1. Tài liệu tham khảo	70
Phụ lục 2. Hội thảo lập kế hoạch nghiên cứu – Chương trình	72
Phụ lục 3. Tập huấn cán bộ khảo sát – Chương trình	79
Phụ lục 4. Mẫu bảng hỏi phỏng vấn có cấu trúc với các nạn nhân	76
Phụ lục 5. Hướng dẫn thảo luận nhóm các nạn nhân	92
Phụ lục 6. Hướng dẫn phỏng vấn sâu dành cho công an và cán bộ trợ giúp pháp lý	95

DANH SÁCH HÌNH

	Trang
Hình 1	
a. Tuổi của người được phỏng vấn	24
b. Tuổi của phụ nữ Việt Nam (%)	24
Hình 2. Tình trạng hôn nhân của người được hỏi (%)	25
Hình 3. Phân bố người được hỏi theo tỉnh (%)	25
Hình 4. Phân bố người được hỏi theo miền (%)	26
Hình 5. Phân bố người được hỏi theo tiêu chí nông thôn và thành thị (%)	26
Hình 6. Khả năng quyết định cách chi tiêu thu nhập (%)	27
Hình 7. Người gây bạo lực gia đình (%)	28
Hình 8. Thương tích do bạo lực (%)	30
Hình 9. Hậu quả về tâm lý của bạo lực gia đình (%)	30
Hình 10. Những nguyên nhân quan trọng nhất khiến nạn nhân không trình báo vụ việc bạo lực gia đình lên công an (%)	34
Hình 11. Phụ nữ kể về bạo lực gia đình với ai (không tính công an)	35
Hình 12. Ai báo tin cho công an về các vụ bạo lực gia đình (%)	37
Hình 13. Các hình thức trình báo vụ việc bạo lực gia đình với công an (%)	38
Hình 14. Phản ứng của công an khi được nạn nhân bạo lực gia đình đề nghị giúp đỡ (%)	39
Hình 15. Hành động của công an khi xử lý vụ việc bạo lực gia đình (%)	41
Hình 16. Sự bỏ sót trong quá trình xử lý các vụ bạo lực gia đình: tổng số nạn nhân (tổng số nạn nhân bị bất kỳ dạng bạo lực gia đình nào trong phạm vi khảo sát này), tỷ lệ vụ việc được công an ghi nhận, tỷ lệ vụ việc thủ phạm bị buộc tội, tỷ lệ kết tội tại tòa án (%)	42
Hình 17. Sự nghiêm minh trong các biện pháp xử lý của công an đối với những người gây ra bạo lực gia đình theo quan điểm của đối tượng phỏng vấn (%)	43
Hình 18. Sự hài lòng của nạn nhân với kết quả làm việc của công an (% người trả lời)	44
Hình 19. Lý do vì sao nạn nhân không hài lòng với kết quả công việc của công an (% n=189)	44
Hình 20. Nạn nhân mong muốn công an phải làm những điều gì khác (%)	45
Hình 21. Các vụ bạo lực gia đình được cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý biết đến (% người trả lời)	48
Hình 22. Ai báo cho cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý biết (% n=74)	51
Hình 23. Sự hài lòng của người trả lời về dịch vụ tư pháp/trợ giúp pháp lý (% trong tổng số những người đã sử dụng dịch vụ, n=74)	52
Hình 24. Tỷ lệ cá vụ việc được hòa giải (% tổng số người trả lời)	53
Hình 25. Ai đã tiến hành hòa giải (%)	55
Hình 26. Kết quả hòa giải (%)	56
Hình 27. Sự hài lòng của nạn nhân với việc hòa giải (%)	57
Hình 28. Lý do không hài lòng với hòa giải (% những người trả lời không hài lòng với hòa giải, n=148)	57

Hình 29. Đến thăm sau hòa giải (%)	58
Hình 30. Sự quan tâm của tổ hòa giải tới độ nghiêm trọng của vụ việc và sự an toàn của nạn nhân (%)	58
Hình 31. Liên hệ với các tổ chức chuyên trách (% tất cả những người trả lời)	59
Hình 32. Đánh giá của nạn nhân về những dịch vụ của hội phụ nữ (% những người đã sử dụng dịch vụ)	60
Hình 33. Tỷ lệ nạn nhân được chăm sóc y tế (% người trả lời)	62

DANH SÁCH BIỂU

Bảng 1. Trình độ giáo dục của người được phỏng vấn (%)	27
Bảng 2. Hình thức bạo lực và tỷ lệ phổ biến (%) trong số 900 phụ nữ được phỏng vấn (những phương án trả lời trình bày theo thứ tự trong bảng hỏi)	29
Bảng 3. Hành vi bạo lực tâm lý (%) những phương án trả lời trình bày theo thứ tự trong bảng hỏi)	31
Bảng 4. Các vụ bạo lực gia đình mà công an biết (%)	32
Bảng 5. Các hình thức bạo lực nạn nhân gặp phải mà công an biết (vụ nghiêm trọng nhất, %)	36
Bảng 6. Các vụ việc bạo lực gia đình được trình báo bằng cách đến đồn công an và gọi điện thoại (%)	38
Bảng 7. Lý do nạn nhân thấy dễ dàng hay phiền hà khi trình báo vụ việc bạo lực gia đình với công an (%)	39
Bảng 8. Quan điểm của nạn nhân về sự nghiêm minh trong các biện pháp xử lý của công an đối với thủ phạm (%)	43
Bảng 9. Sự hài lòng của nạn nhân với kết quả làm việc của công an theo vùng miền (%)	44
Bảng 10. Tỷ lệ các vụ được cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý biết đến (%)	49
Bảng 11. Lý do nạn nhân không trình báo với cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý (% người trả lời)	50
Bảng 12. Tỷ lệ các vụ việc được hòa giải (%)	53
Bảng 13. Sự hài lòng với các định vụ của hội phụ nữ (% những người đã liên hệ với hội, n=275)	60

TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu

Tài liệu thảo luận là bức tranh về những thực tiễn hành pháp hiện tại và hỗ trợ pháp lý có sẵn theo quan điểm của nạn nhân nữ trong những vụ việc bạo lực gia đình, và phản ứng của chính quyền địa phương trong việc xử lý các vụ bạo lực gia đình. Nghiên cứu mà tài liệu thảo luận này được tiến hành không được thiết kế nhằm mục đích cung cấp một nghiên cứu chung chung trên toàn bộ dân số mà đây là nghiên cứu dành riêng cho nạn nhân của bạo lực gia đình những người đã từng làm việc với các cấp chính quyền địa phương. Do đó, những phát hiện này không thể áp dụng cho toàn bộ dân số. Tuy nhiên, mục đích của nó là cung cấp dữ liệu cơ bản cần thiết nhằm mục đích hướng dẫn xây dựng chính sách cho việc thực thi Luật phòng chống bạo lực gia đình mà đã có hiệu lực từ 7/2008, điều này rất cần thiết trong việc nâng cao phản ứng của tư pháp hình sự đối với bạo lực gia đình ở Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này bao gồm phần phân tích định lượng gồm 3 phần: phỏng vấn theo cấu trúc dành cho nạn nhân của bạo lực gia đình, phần phân tích định tính bao gồm các buổi thảo luận nhóm trọng điểm dành cho nạn nhân của bạo lực gia đình và phần phỏng vấn sâu dành cho cán bộ hành pháp và tư pháp.

Phỏng vấn dựa theo bảng hỏi có cấu trúc dành cho 900 phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình đã được tiến hành ở 9 tỉnh thành (Hà Nội, Phú Thọ, Thái Nguyên, Đà Nẵng, Gia Lai, Ninh Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, An Giang và Cần Thơ), đại diện cho miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Chỉ phỏng vấn phụ nữ và mục đích của nghiên cứu là nghiên cứu dịch vụ dành cho nạn nhân nữ, là đối tượng chính của nạn bạo lực gia đình, như rất nhiều các nghiên cứu khác trên thế giới đã chỉ ra. Tại Hà Nội, Thái Nguyên, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ, nhóm nghiên cứu cũng tiến hành 10 buổi thảo luận nhóm dành cho 50 nạn nhân của bạo lực gia đình và 30 buổi phỏng vấn sâu dành cho 15 công an và 15 cán bộ tư pháp.

Tất cả các buổi phỏng vấn đều do phụ nữ tiến hành vì lý do an toàn mà Hội phụ nữ địa phương đưa ra.

Những phát hiện chính

Đặc điểm xã hội nhân khẩu học của người trả lời

Khi phân tích kết quả, thông tin về đặc điểm kinh tế xã hội của người trả lời là đúng. Đây là những thông tin về tuổi, tình trạng hôn nhân, khu vực địa lý, dân tộc và thu nhập.

Phần lớn những người trả lời đã kết hôn (81%); những người còn lại hoặc là đã ly thân (12%) hoặc là đã ly hôn (5%). Liên quan đến tính dân tộc, 92% người được phỏng vấn là dân tộc Kinh (Việt) và chỉ có 8% là thuộc dân tộc khác. Phần lớn người trả lời sống tại khu vực nông thôn (59%).

Các hành động bạo lực và hậu quả

95% các vụ việc, người gây bạo lực là chồng của nạn nhân. Điều này cũng đúng với câu trả lời của công an. Hình thức phổ biến chủ yếu là bạo lực thể xác. 90% nạn nhân bị tát, đá, đấm hoặc đánh, dẫn đến tím và bầm giập đồng thời kéo theo những hậu quả về tâm lý như buồn rầu, sợ hãi, sợ bị tấn công và bị rối loạn giấc ngủ. Ngoài ra, hơn 1/3 nạn nhân đã bị ép (hoặc cố gắng bắt) quan hệ tình dục. Gần 1/3 số nạn nhân bị bạo lực kinh tế. Nạn nhân của bạo lực gia đình cũng trải qua rất nhiều hình thức ngược đãi tinh thần khác nhau, qua cách gọi tên và những kiểu lăng mạ (91%), làm hư hại hoặc phá hỏng đồ đạc, tài sản (59%), hoặc cố gắng giới hạn sự giao tiếp của phụ nữ với gia đình và bạn bè (39%). 1/3 số người trả lời nói rằng chồng của họ có hành vi bạo lực bên ngoài gia đình.

Phản ứng của công an với bạo lực gia đình

Trong số tất cả các vụ việc bạo lực trong nghiên cứu này, chỉ có 43% là nhận được sự chú ý của cảnh sát. Tỷ lệ nạn nhân báo cáo lên công an là cao nhất ở khu vực miền Trung và tăng lên khi các nạn nhân đã lớn tuổi và khi họ ly hôn với người chồng bạo lực. Lý do chung giải thích cho việc không báo cáo lên công an là nạn nhân muốn tự giải quyết vấn đề riêng của họ trong phạm vi gia đình. Họ không muốn bất kỳ ai biết hoặc vấn đề không đủ nghiêm trọng.

Bạo lực thể chất là hình thức bạo lực phổ biến theo báo cáo của công an. Bạo lực tình dục rất hiếm khi được báo cáo, thậm chí 36% số phụ nữ nói rằng họ đã bị hiếp hoặc có xu hướng bị cưỡng hiếp. Qua các buổi phỏng vấn sâu cho thấy nạn nhân cảm thấy không thoải mái khi trình báo với công an về việc bị bạo lực tình dục, đặc biệt khi công an là nam giới.

Hầu hết các vụ việc được trình báo bởi nạn nhân (67%) hoặc, ở một mức độ thấp hơn, là bởi các thành viên trong gia đình hoặc hàng xóm. Các vụ việc được báo cáo bằng cách đến trực tiếp trụ sở công an (60%) hoặc gọi điện (26%).

Phần lớn những người trả lời (65%) cảm thấy dễ dàng khi báo cáo lên cảnh sát. Bên cạnh đó cũng có những nạn nhân cảm thấy việc báo cáo thật rắc rối (16%), lý do chính được chỉ ra là do thái độ của công an. Điều này nhấn mạnh việc chính quyền địa phương đối xử với nạn nhân theo cách nhạy cảm và thấu hiểu là vô cùng quan trọng. Những phụ nữ trẻ và có học vấn cảm thấy dễ dàng hơn khi báo cáo với công an.

Như một phản ứng, hầu hết công an sẽ đến thăm gia đình (83%). Tuy nhiên, 34% nạn nhân được bảo vệ giải quyết mẫu thuẫn trong phạm vi gia đình hoặc tìm sự trợ giúp của các cơ quan khác (15%). Một trở ngại tác động đến phản ứng của công an có thể là những mối quan hệ chặt chẽ giữa công an và người gây bạo lực, đặc biệt là ở các làng xã nhỏ.

Hầu hết các nạn nhân đều nhận thấy công an có cách cư xử đúng mực trong suốt quá trình báo cáo, tỏ thái độ thông cảm và phản ánh đúng về câu chuyện của họ. Tuy nhiên, công an ít khi đánh giá tỷ lệ thương tật (5%) hoặc chụp ảnh các vết thương. Chỉ có 2% nạn nhân được hỏi về bạo lực tình dục; 32% được hỏi về sự đe dọa và 23% về nhu cầu được bảo vệ.

Trong khi cách mà công an xử lý nạn nhân được xem là tương đối tốt, thì tác động của sự can thiệp vẫn còn hạn chế, thậm chí đôi khi dẫn đến tình trạng bạo lực trầm trọng hơn và liên tục. Chỉ có 12% các vụ việc là có sự thay đổi từ phía người gây bạo lực và con số đã cho thấy rõ điều đó, ở mức trung bình, chỉ có 1 trong số 100 vụ việc bạo lực gia đình được xét xử bởi tòa án. Do đó, phần lớn nạn nhân nghĩ rằng các biện pháp được công an sử dụng là không đủ nghiêm khắc và 40% người trả lời không thấy hài lòng với kết quả công việc của công an bởi vì vụ việc không được điều tra và không có sự thay đổi. Các kết quả của hai yếu tố trên có xu hướng tốt hơn ở khu vực miền trung, thể hiện sự liên kết chặt chẽ giữa sự nghiêm khắc của các biện pháp và sự hài lòng của nạn nhân. Người trả lời cần có thêm thông tin về thủ tục tố tụng, nơi có thể tìm kiếm sự giúp đỡ và các biện pháp chống lại người gây bạo lực ví dụ đưa ra các cảnh báo hoặc thậm chí bắt giữ.

Qua các buổi phỏng vấn sâu dành cho cán bộ công an, những thử thách chính trong việc xử lý các vụ việc bạo lực gia đình là các vấn đề liên quan đến chứng cứ, thu hồi các đơn khiếu nại và các báo cáo nhân chứng. Thiếu các chuyên gia nữ, các kỹ năng và kiến thức, đặc biệt là trong khối công an địa phương tại các xã phường (thường là những người phản ứng đầu tiên với các vụ việc bạo lực gia đình), cũng được nêu lên. Ngoài ra, luật pháp không đưa ra được những biện pháp phù hợp để bảo vệ nạn nhân của bạo lực gia đình, gây rất nhiều khó khăn cho công an trong việc bảo đảm sự an toàn của nạn nhân.

Hỗ trợ pháp lý dành cho nạn nhân của bạo lực gia đình

77% các vụ việc không được phía trợ giúp pháp lý chú ý. Một lần nữa cho thấy tỷ lệ phần trăm thấp hơn ở khu vực miền trung (nơi mà 72% các vụ việc được trợ giúp pháp lý quan tâm). Hầu hết các vụ việc là do người trả lời tự báo cáo. Do Hội phụ nữ báo cáo lên là 20%. Nhìn chung, phần lớn các nạn nhân hài lòng với các dịch vụ nhận được.

Qua phỏng vấn định lượng, những thách thức chính mà những người cung cấp trợ giúp pháp lý phải đối mặt cũng tương tự như những thách thức của phía công an: thiếu chuyên gia và các khóa học về bạo lực gia đình. Ngoài ra, cộng đồng không biết về những dịch vụ dành cho họ. Những người cung cấp dịch vụ của Cục trợ giúp pháp lý nằm ngoài nghiên cứu này nhấn mạnh rằng trở ngại trong việc cung cấp trợ giúp pháp lý cho nạn nhân của bạo lực gia đình là họ không nằm trong diện đối tượng được nhận trợ giúp do đó chỉ được hưởng trợ giúp khi thuộc diện hộ nghèo.

Hòa giải trong vụ việc bạo lực gia đình

Hòa giải được áp dụng trong hầu hết các vụ việc (61%), phần lớn là do hội phụ nữ ngoài ra là từ phía gia đình hoặc trưởng thôn của nơi vụ việc xảy ra.

77% các vụ việc, hòa giải không mang lại kết quả như mong đợi và bạo lực vẫn tiếp diễn. Một điều thú vị mà nghiên cứu đã chỉ ra là hầu hết những người trả lời đều hài lòng với việc hòa giải mặc dù bạo lực vẫn tiếp diễn. Lý

giải cho việc này có thể là nạn nhân hài lòng vì có ai đó lắng nghe họ nói mặc dù vấn đề không được giải quyết. Trong số 42% những vụ hòa giải, đều không có việc tiếp tục theo dõi hoặc đến thăm gia đình sau khi hòa giải. Số liệu định lượng cho thấy rằng hòa giải ít khi thành công vì đội hòa giải không có được những kỹ năng hoặc không được đào tạo để xử lý bạo lực gia đình.

Hỗ trợ từ các tổ chức khác dành cho nạn nhân của bạo lực gia đình

Một phần ba trong số những người trả lời đã từng liên lạc với hội phụ nữ; 52% nạn nhân nhận thấy dịch vụ của hội phụ nữ rất hữu ích.

Hầu hết các nạn nhân không nhận được sự chăm sóc y tế (68%) và những trường hợp nhận được chăm sóc y tế nhưng lại không báo cáo lên cấp chính quyền mà do người cung cấp chăm sóc y tế báo cáo (93%). Điều này chỉ ra rằng không có sự hợp tác giữa các ban ngành, đặc biệt là giữa trung tâm chăm sóc y tế và các cấp chính quyền khác.

Sự đa dạng về nguồn gốc

Khu vực địa lý: Các dịch vụ và thực tiễn xử lý bạo lực gia đình được thực hiện hiệu quả hơn ở khu vực miền Trung, ví dụ phụ nữ báo cáo vụ việc bạo lực lên cảnh sát thường xuyên hơn, cảnh sát hay đến thăm gia đình của những người này và người gây bạo lực cũng thường bị xử phạt hành chính nhiều hơn.

Dân tộc thiểu số: Khu vực dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn hơn trong việc nhận được sự trợ giúp đầy đủ đối với các tình huống bạo lực gia đình so với phần lớn các nhóm dân tộc khác (dân tộc Kinh).

Tuổi: Những phụ nữ trẻ thường hay báo cáo về tình trạng thương tật và nhận được chăm sóc y tế nhưng lại ít liên lạc với công an và các dịch vụ pháp lý. Phụ nữ lớn tuổi thấy khó trong việc báo cáo lên cấp chính quyền và ít khi nhận hòa giải.

Tình trạng hôn nhân: Những phụ nữ ly thân hoặc đã ly hôn thường xuyên báo cáo vụ việc bạo lực gia đình lên công an và các nhà cung cấp dịch vụ nhưng lại ít khi hài lòng với kết quả hòa giải và phía công an cũng ít khi đến thăm nhà họ.

Kết luận và khuyến nghị

Tài liệu thảo luận này chỉ ra một số thách thức đã làm hạn chế sự can thiệp có hiệu quả của phía công an, hỗ trợ pháp lý, và những nỗ lực giải quyết và xử lý các vụ việc bạo lực gia đình. Đó là những nhu cầu xây dựng năng lực phù hợp cho các cơ quan để họ có được những kiến thức và kỹ năng xử lý các vụ bạo lực gia đình, cộng tác chặt chẽ hơn giữa các cấp chính quyền để có sự trao đổi về các vụ việc, những văn bản hướng dẫn từ các cấp lãnh đạo cao hơn, nhận thức rõ ràng hơn và thay đổi thái độ về vấn đề bạo lực gia đình trong các cấp chính quyền cũng như cộng đồng.

Xây dựng năng lực

Một trong số những nhu cầu của cán bộ công an, đội hòa giải và người cung cấp trợ giúp pháp lý là được đào tạo về khái niệm, nguyên nhân và hậu quả của bạo lực gia đình, qua đó giúp họ không bỏ qua các vụ việc nghiêm trọng và không đổ lỗi cho nạn nhân. Chính quyền địa phương nên có những quan tâm chú ý đặc biệt vì họ là những người phản ứng đầu tiên với vụ việc (ví dụ: trường phường, hội đồng nhân dân).

Nên có các khóa đào tạo về cách phỏng vấn và điều tra những trường hợp nhạy cảm dành cho nạn nhân và trẻ em để tránh biến họ thành nạn nhân lần nữa. Có ý kiến đề xuất nên có những cán bộ tư pháp và công an chuyên nghiệp hoặc thành viên của hội đồng nhân dân là nữ trong quá trình xử lý các vụ bạo lực gia đình.

Nhân viên y tế phải được thông báo và đào tạo về vai trò của họ trong việc phòng chống bạo lực gia đình, đặc biệt liên quan đến việc xác định nạn nhân và giới thiệu lên công an.

Giới thiệu các vụ việc lên công an và sự hợp tác giữa các cơ quan

Một trở ngại nghiêm trọng cản trở việc xử lý hiệu quả các vụ việc bạo lực gia đình đó là thiếu sự hợp tác giữa các

cấp chính quyền khác nhau, đặc biệt là giữa các cơ sở y tế, công an và các tổ chức quần chúng khác (ví dụ như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên) và những người cung cấp trợ giúp pháp lý. Nên có cơ chế chuyển tiếp hiệu quả giữa các cơ quan này nhằm đảm bảo không bỏ sót bất kỳ vụ việc nào. Bao gồm thiết lập hệ thống lưu giữ hồ sơ và báo cáo về những vụ bạo lực gia đình do đó có thể chia sẻ thông tin một cách dễ dàng.

Sự cam kết của cấp cao và nguồn lực

Để giúp cho việc thực thi Luật phòng chống bạo lực gia đình một cách có hiệu quả ở cấp địa phương, nên có những văn bản hướng dẫn và hỗ trợ ở cấp quốc gia, cả về mặt kỹ thuật lẫn nguồn lực. Cần phải xây dựng những văn bản hướng dẫn cụ thể về việc thực thi luật và cách xử lý các vụ bạo lực gia đình dành cho cán bộ hành pháp và tư pháp, đồng thời đưa nạn nhân của bạo lực gia đình vào danh sách các đối tượng được bảo trợ của dịch vụ trợ giúp pháp lý. Thêm vào đó, các tổ chức cơ sở (như Hội phụ nữ) tiến hành hòa giải cũng cần được hướng dẫn trực tiếp và có được hỗ trợ tài chính để giúp họ hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn.

Bảo vệ và sự an toàn của nạn nhân bạo lực gia đình

Đó là nhu cầu về các dịch vụ chuyên nghiệp, như là nhà tạm lánh, địa chỉ an toàn và các đường dây nóng dành cho nạn nhân của bạo lực gia đình đảm bảo quyền lợi an toàn và được bảo vệ của nạn nhân.

Phổ biến thông tin về các quyền của nạn nhân, các dịch vụ có sẵn và khung pháp lý

Nên nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc không chấp nhận bạo lực gia đình thông qua các tổ chức truyền thông nhằm thay đổi nhận thức về loại bạo lực này đồng thời khuyến khích phụ nữ báo cáo. Đặc biệt là nâng cao nhận thức của cán bộ công an, những người trợ giúp pháp lý và các tổ chức cơ sở với các dịch vụ hỗ trợ dành cho nạn nhân, hệ thống pháp lý hiện thời về bạo lực gia đình cũng nên được nâng cao.

Nghiên cứu bổ sung

Nên tiến hành nghiên cứu sâu hơn các dữ liệu tách biệt cũng như tập trung hơn vào người gây bạo lực và phòng chống ban đầu.

CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU VỀ TÌNH HÌNH BẠO LỰC GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM

Phần I. Phát hiện từ các nghiên cứu trong nước về hình thức và tỷ lệ bạo lực gia đình

Phần này giới thiệu tóm tắt thông tin về tình hình bạo lực gia đình tại Việt Nam, bao gồm bối cảnh xã hội và số liệu thống kê hiện có. Đây là thông tin thu thập được từ một số báo cáo và ấn phẩm chính của các nhà nghiên cứu trong nước (xem Phụ lục 1).

I.1. Bối cảnh

Bạo lực gia đình là một vấn đề phổ biến ở Việt Nam ở cả khu vực nông thôn lẫn thành thị, ở các gia đình giàu cũng như nghèo, học thức cao hay thấp, và ở tất cả các tầng lớp xã hội. Các hình thức bạo lực gia đình gồm bạo lực về thể chất, tinh dục, tinh thần và kinh tế. Bạo lực gia đình có thể trầm trọng khiến người ta phải thiệt mạng, hoặc ít nghiêm trọng hơn, để lại những bầm dập, nước mắt và những đau khổ không lời. Mặc dù bạo lực gia đình thường được châm ngòi từ những yếu tố như rượu, ma túy, cờ bạc, thất nghiệp, nhưng những yếu tố này không phải là nguyên nhân gốc rễ của những hành vi bạo lực. Đó là một hành vi cố ý nhằm thiết lập và thể hiện quyền lực, sự kiểm soát đối với người khác.

Bất kỳ thành viên nào trong gia đình cũng có thể là nạn nhân hoặc người gây bạo lực. Bạo lực gia đình có thể xảy ra giữa chồng với vợ, con với cha mẹ, anh chị em với nhau, và những người khác trong gia đình. Mặc dù hiện chưa có dữ liệu đầy đủ về bạo lực gia đình ở Việt Nam, một số nghiên cứu trên diện nhỏ cho thấy đa số nạn nhân bạo lực gia đình là phụ nữ và người gây bạo lực là chồng.

Theo quan điểm truyền thống, gia đình ở Việt Nam được coi là nền tảng của xã hội – gia đình mang lại hạnh phúc cho mỗi cá nhân và đảm bảo sự ổn định của xã hội. Gia đình là tế bào của xã hội, và bạo lực gia đình đôi khi được coi là một dạng bạo lực xã hội. Sự khác biệt chủ yếu với các dạng bạo lực xã hội khác là bạo lực gia đình xảy ra giữa những người gần gũi, thân thương của nhau. Đối nghịch với khái niệm bạo lực xã hội này, bạo lực gia đình lại thường được coi là một vấn đề riêng tư chỉ nên giải quyết trong nội bộ gia đình.

Cũng giống như nhiều xã hội khác, bạo lực gia đình ở Việt Nam là một vấn đề phức tạp. Nó được nuôi dưỡng bởi truyền thống văn hóa và niềm tin mạnh mẽ về gia đình và vai trò giới dựa trên những giá trị Nho giáo có từ một nghìn năm nay – những giá trị tạo nên mối quan hệ quyền lực trong xã hội cũng như trong gia đình. Mặc dù bình đẳng giới giữa nam và nữ được chính thức thừa nhận trong Hiến pháp đầu tiên năm 1946, nam giới tiếp tục giữ vai trò lãnh đạo trong và ngoài gia đình trong khi phụ nữ chịu trách nhiệm chính về việc nhà và chăm sóc con cái (xem Eileen Skinnider 2009). Điều này bao gồm cả quan điểm là người chồng có quyền dạy vợ con mình, và nếu cần thiết có quyền sử dụng cả bạo lực thân thể. Vì thế phụ nữ thường tự trách mình khi bị chồng bạo lực, cố làm vừa lòng chồng để chồng thôi bạo lực mà yêu thương mình hơn. Xuất phát từ thái độ tự trách mình, xấu hổ, sợ hãi, sợ mất thể diện với bạn bè và hàng xóm mà người ta thường không trình báo vụ việc bạo lực gia đình và bạo lực càng có nguy cơ tái diễn vì không được xử lý thỏa đáng.

I.2. Dữ liệu hiện có về bạo lực gia đình

Trước đổi mới (trước 1986) không có nhiều nghiên cứu về vấn đề bạo lực gia đình, một phần là do quan điểm cho rằng bạo lực gia đình là vấn đề riêng tư mà các gia đình có thể tự giải quyết. Sau đổi mới, một số nhà nghiên cứu bắt đầu nghiên cứu hiện tượng bạo lực gia đình và một số trường hợp bạo lực đã được đưa tin trên báo chí.

Tới nay chưa có một khảo sát hay điều tra nào về bạo lực gia đình được tiến hành trên toàn quốc. Hiện nay Tổng cục Thống kê với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đang tiến hành một cuộc khảo sát trên toàn quốc về bạo lực gia đình đối với phụ nữ và sẽ ra mắt báo cáo vào cuối năm 2010. Nguồn dữ liệu chính thức duy nhất về bạo lực gia đình là số liệu thống kê và báo cáo của các cơ quan nhà nước dưới đây.

Báo cáo của Bộ Công an năm 2006 cho thấy, cứ 2-3 ngày, trên toàn quốc lại có một án mạng liên quan đến bạo lực gia đình. Năm 2005, 14% các vụ giết người có liên quan đến bạo lực gia đình (151 trong tổng số 1.113 vụ). Trong 3 tháng đầu năm 2006, tỷ lệ này là 30.5% (26 trong tổng số 77 vụ).

Báo cáo của Tòa án Nhân dân Tối cao cho thấy từ tháng 1/2000 đến tháng 12/2005, các tòa địa phương trong cả

nước đã xử lý và giải quyết 186.954 vụ ly hôn do bạo lực gia đình. Bạo lực gia đình là nguyên nhân ly hôn hàng đầu (53% các trường hợp). Báo cáo năm 2006 của Vụ các Vấn đề xã hội của Quốc hội cho thấy một xu hướng tương tự: chỉ riêng năm 2005 đã có 39.730 vụ ly hôn do nguyên nhân bạo lực gia đình, chiếm 60% trong tổng số 65.929 vụ ly hôn.

Ngoài ra còn có số liệu của ngành y tế. Một báo cáo của Sở Y tế ở đồng bằng sông Cửu Long cho thấy năm 2005 có 1.011 bệnh nhân (trong tổng số 1.319) đã tự tử vì lý do bạo lực gia đình, trong đó có 30 người đã chết. Một báo cáo của Sở Y tế ở khu vực Tây Nguyên cho thấy trong 3.944 bệnh nhân có 715 người tự tử, trong đó 27 người đã chết. Theo số liệu của Khoa bỏng Bệnh viện Chợ Rẫy, từ 1994 đến 1997, bệnh viện đã tiếp nhận 114 trường hợp bỏng do tạt a-xít, trong đó 90% các trường hợp liên quan đến hôn nhân và gia đình.

Số liệu của 18 tỉnh/thành phố trong giai đoạn 2000-2007 cho thấy ở đây có 11,630 trường hợp bạo lực gia đình đòi hỏi sự can thiệp của chính quyền địa phương hoặc cơ quan trợ giúp pháp lý. Hầu hết các trường hợp này là chồng bạo lực với vợ hoặc cha mẹ bạo lực với con. Một số trường hợp là bạo lực của các thành viên khác trong gia đình, như bạo lực của con đối với cha mẹ già, của gia đình nhà chồng đối với con dâu (xem Lê Thị Quý 2007, 19-20).

Các con số trên được lấy từ tài liệu chính thức của các cơ quan nhà nước, vì vậy chỉ mới phản ánh một phần nhỏ của vấn đề. Như đã nói ở trên, các nạn nhân thường không trình báo lên chính quyền và do đó rất nhiều trường hợp không được phản ánh trong số liệu thống kê chính thức.

Một số tổ chức phi chính phủ và trung tâm nghiên cứu của Việt Nam đã tiến hành các nghiên cứu trên quy mô nhỏ (thường là định tính) về bạo lực trên cơ sở giới và bạo lực gia đình (xem Phụ lục 1). Các nghiên cứu này cho thấy bạo lực gia đình có thể xảy ra ở bất kỳ gia đình, cộng đồng, vùng miền nào. Bạo lực có thể xảy ra ở cả những gia đình có trình độ giáo dục cao: trong những năm gần đây, tòa án đã xử nhiều vụ trong đó người gây bạo lực là trí thức như bác sĩ, giáo viên, công chức nhà nước. Các nghiên cứu này cũng cho thấy bạo lực có thể rất nghiêm trọng, không chỉ bao gồm đánh đập khi nóng giận quá mức mà có cả những trường hợp rất đê hèn. Ví dụ người chồng phân xác vợ ra làm nhiều mảnh; nhốt vợ vào cũi chó; bắt vợ cởi quần áo, đứng ngoài sân suốt đêm hoặc đi quanh làng mà không có mảnh vải che thân.

Phần II. Khung pháp lý

Phần này giới thiệu tổng quan khung pháp lý hiện hành về bạo lực gia đình ở Việt Nam và việc thực thi các quy định đó. Phần này dựa trên phát hiện của một số báo cáo, ấn phẩm chính của các nhà nghiên cứu trong nước (xem Phụ lục 1).

II.1. Luật pháp Việt Nam

Một số luật, bộ luật của Việt Nam là khung pháp lý để cơ quan thực thi luật pháp và ngành tư pháp giải quyết vấn đề bạo lực gia đình đối với phụ nữ, bảo vệ nạn nhân và xử lý người gây bạo lực. Các luật đó bao gồm:

- (1) Bộ luật Hình sự;
- (2) Bộ luật Tố tụng Hình sự;
- (3) Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; và
- (4) Luật phòng, chống bạo lực gia đình.

Các luật về hành chính và hình sự này là một phần của các quy định pháp lý đòi hỏi sự tham gia của các cơ quan chính quyền và đoàn thể để phối hợp phòng chống bạo lực gia đình một cách toàn diện. Nội dung chính của các văn bản pháp lý trên được nêu dưới đây (xem Eileen Skinnider 2009).

Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, 2002

Pháp lệnh quy định mức xử lý đối với những đối tượng vi phạm luật pháp, chưa cấu thành tội phạm nhưng phải bị xử lý về hành chính. Các biện pháp xử lý hành chính (như phạt tiền hoặc phê bình trước cộng đồng) áp dụng với một số hành vi bạo lực gia đình được quy định trong các văn bản luật như:

- Vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình: hành hạ, ngược đãi, xúc phạm danh dự và nhân phẩm thành viên gia đình;
- Vi phạm Luật bình đẳng giới: đối xử không bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình dựa trên những

- thành kiến về giới;
- Vi phạm văn bản pháp luật về an ninh, trật tự an toàn xã hội: có hành vi tàn bạo, lời nói khiêu khích, làm phiền, xâm phạm danh dự người khác hoặc gây tiếng ồn từ 11 giờ tối đến 5 giờ sáng;
- Vi phạm Luật phòng, chống bạo lực gia đình: (1) người thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự; (2) vi phạm lệnh cấm tiếp xúc.

Bộ luật Hình sự, 1999

Bộ luật Hình sự quy định một số hành vi phạm tội liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ. Như nhiều nước trên thế giới, tội danh cố ý gây thương tích hoặc hành hung có thể bị áp dụng cho cả bạo lực với người lạ lẫn bạo lực trong gia đình. Hai tội danh phổ biến nhất có thể áp dụng để xử lý bạo lực đối với phụ nữ là tội danh được quy định trong điều 104 và 151.

Điều 104 về “Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác” quy định 4 cấp độ gây thương tật bị coi là cấu thành tội phạm. Mỗi cấp độ dựa trên tỷ lệ thương tật¹ mà hành vi bạo lực gây ra và được xếp vào một khung hình phạt riêng.

1. Tỷ lệ thương tật dưới 11% và có tình tiết tăng nặng (như dùng hung khí nguy hiểm; gây cố tật nhẹ cho nạn nhân; phạm tội nhiều lần đối với cùng một người; phạm tội với phụ nữ có thai; phạm tội có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm), bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.
2. Tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%, bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.
3. Tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30% nhưng có một tình tiết tăng nặng như nêu ở trên, bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.
4. Tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc từ 31% đến 60% nhưng có một tình tiết tăng nặng như nêu ở trên, bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.

Quan trọng cần ghi nhớ rằng trong trường hợp tỷ lệ thương tật dưới 31%, phải có sự đồng ý của nạn nhân thì mới có thể khởi tố vụ án hình sự. Nếu tỷ lệ thương tật là 31% trở lên, công an và kiểm sát viên có thể khởi tố vụ án hình sự mà không cần nạn nhân đồng ý. Ngoài ra, Điều này quy định cần có giấy giám định y tế để xác định tỷ lệ thương tật. Thông tư liên tịch số 12/1995 quy định một số tiêu chuẩn thương tật được sử dụng để giám định tỷ lệ thương tật.

Điều 151 về “Tội ngược đãi hoặc hành hạ thành viên trong gia đình trong đó có vợ chồng” có 2 điểm chính:

- ngược đãi hoặc hành hạ thành viên trong gia đình,
- gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này nhưng vẫn tái phạm.

Thông tư liên tịch số 01/2001 hướng dẫn chi tiết về hơn về các quy định trong Điều này. “Ngược đãi và hành hạ” được hiểu là việc đối xử tồi tệ về ăn, mặc, ở và về các mặt sinh hoạt hàng ngày khác đối với người thân (như nhấc mót, bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách một cách không bình thường) hoặc có hành vi bạo lực đối với người bị hại (như đánh đập, giam hãm), làm cho người bị hại bị đau đớn về thể xác và tinh thần. “Hậu quả nghiêm trọng” tức là làm cho nạn nhân luôn luôn bị giày vò về mặt tình cảm, bị xúc phạm về danh dự, đau khổ về tinh thần hoặc bị thương tích, tổn hại đến sức khỏe. Một điều quan trọng cần ghi nhớ, để khởi tố tội danh này không cần sự đồng ý của nạn nhân cũng như chứng nhận tỷ lệ thương tật.

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, 2007

Các quy định pháp luật hành chính và hình sự để xử lý các hành vi bạo lực, lạm dụng nói trên đã bao hàm cả bạo lực trong gia đình. Tuy nhiên, nhận thức rõ được rằng các luật dân sự và hình sự hiện hành thường không xử lý được hết những điểm đặc thù của bạo lực gia đình, một văn bản luật riêng đã được ban hành, đó là Luật phòng, chống bạo lực gia đình. Luật này quan tâm hơn tới việc hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân, trong khi các luật khác về hành chính và hình sự tập trung chủ yếu vào hình phạt đối với người gây bạo lực. Luật này đề cao các nguyên tắc, biện pháp phòng chống bạo lực gia đình và vai trò trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức khác nhau.

¹ Ở Việt Nam, tỷ lệ thương tật là yếu tố chính để xác định việc có cấu thành tội phạm hay không, đồng thời cũng xác định khung hình phạt. Các cấp độ chính bao gồm: tỷ lệ thương tật từ 11-30% được xếp vào vi phạm hành chính và tất cả các trường hợp tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên được coi là tội phạm hình sự. Trong một số trường hợp, các tình tiết tăng nặng có thể thay đổi ngưỡng hình phạt (xem dưới đây).

Điều 1 và Điều 2 đưa ra định nghĩa chung về bạo lực gia đình, bao gồm bạo lực về thể chất, tinh dục, tinh thần/tình cảm và kinh tế. Ở một số khía cạnh thì định nghĩa bạo lực gia đình này còn rộng hơn cách hiểu thông thường của quốc tế về bạo lực. Ví dụ, bạo lực về tinh thần/tình cảm thường chỉ giới hạn trong những hành động thường xuyên đe dọa, hạ nhục, kiểm soát chứ không bao gồm đơn thuần gây áp lực về tâm lý.

Khi định nghĩa những hành vi bạo lực này, Luật không định ra những tội danh hình sự hoặc biện pháp xử lý hành chính mới đối với người gây bạo lực. Các tội hình sự và biện pháp xử lý hành chính được áp dụng vẫn dựa vào Luật Hình sự và Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. Do vậy, định nghĩa về bạo lực gia đình nêu trong Luật chủ yếu được sử dụng để xác định các hành vi bạo lực mà theo đó nạn nhân cần được bảo vệ đặc biệt hoặc các hình thức hỗ trợ khác.

Luật quy định các biện pháp khẩn cấp để bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình – lệnh cấm tiếp xúc (xem các Điều 19-22). Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền ra quyết định cấm người gây bạo lực không được tiếp xúc với nạn nhân trong vòng 3 ngày, hoặc tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án dân sự có quyền ra quyết định cấm tiếp xúc trong vòng 4 tháng. Đề nghị ra quyết định cấm tiếp xúc phải xuất phát từ nạn nhân, trong trường hợp hành vi bạo lực gia đình “gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của nạn nhân bạo lực gia đình”.

Luật cũng nêu nguyên tắc “hòa giải” (xem các Điều 12-15), trong đó có việc tôn trọng sự tự nguyện tiến hành hòa giải của các bên. Vì vậy nếu nạn nhân không tự nguyện mà bị người gây ra bạo lực đe dọa, ép buộc thì không được tiến hành hòa giải. Ngoài ra, không hòa giải tranh chấp, mâu thuẫn trong trường hợp các vụ việc thuộc tội phạm hình sự hoặc vụ việc thuộc hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính. Nói cách khác, Luật quy định không hòa giải trong trường hợp bạo lực nghiêm trọng và kéo dài.

Nhận thấy bạo lực gia đình thường không được phát hiện và trình báo vì hoàn cảnh riêng tư mà nó diễn ra, Luật quy định người phát hiện bạo lực gia đình phải kịp thời báo tin cho cơ quan công an nơi gần nhất hoặc chính quyền địa phương (xem Điều 18 và 23). Cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương khi nhận được tin báo về bạo lực gia đình có trách nhiệm kịp thời xử lý và áp dụng các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ cụ thể. Ngoài ra, nhân viên y tế đang điều trị cho nạn nhân và cho rằng có yếu tố tội phạm thì có trách nhiệm báo tin cho cơ quan công an.

II.2. Lý thuyết và thực tiễn

Nỗ lực to lớn nhằm xử lý vấn đề bạo lực gia đình là rõ ràng, đặc biệt thể hiện ở việc thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. Chính phủ chịu trách nhiệm chung về phòng chống bạo lực gia đình. Điều này đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện, đa chiều và phối hợp tốt, trong đó có cả việc xây dựng một nền văn hóa không chấp nhận bạo lực chống lại phụ nữ dưới bất kỳ hình thức nào.

Đã có một khung pháp lý để giúp cơ quan công an và tư pháp xử lý, phòng chống bạo lực gia đình và can thiệp hiệu quả khi bạo lực xảy ra. Các biện pháp xử lý bao gồm xử lý hình sự, phạt hành chính và các biện pháp dân sự, như lệnh cấm tiếp xúc và hoạt động của tổ hòa giải.

Tuy nhiên, mặc dù hệ thống tư pháp hình sự và hành chính đã được thiết lập, nhưng việc phòng chống bạo lực gia đình của các ngành này còn hạn chế. Họ chỉ tham gia vào những trường hợp nghiêm trọng nhất. Nhiều người vẫn cho rằng bạo lực gia đình là vấn đề riêng của các gia đình và phản ứng của hệ thống tư pháp hình sự và hành chính phản ánh quan điểm này, chủ yếu tập trung vào hòa giải. Cách xử lý phổ biến của lực lượng công an là hòa giải, tránh bắt và tạm giam, chỉ trừ những trường hợp rất nghiêm trọng. Vì vậy lên đến kiểm sát viên chỉ có hồ sơ của những trường hợp bạo lực gia đình rất nghiêm trọng; kiểm sát viên cũng miễn cưỡng khởi tố vì nghĩ rằng những vụ này rất phức tạp, có khởi tố cũng ít khả năng thành công. Tòa án cũng có chung quan điểm là những vụ như vậy không thuộc tòa hình sự và tốt nhất nên xử lý bằng hòa giải. Những cách tiếp cận truyền thống này khiến nạn nhân, trẻ em và cả cộng đồng nói chung phải chịu những hậu quả nặng nề của bạo lực gia đình.

Bên cạnh những yếu tố nói trên, còn có một số khó khăn mang tính kỹ thuật trong quá trình các cán bộ tư pháp và hình sự xử lý các vụ bạo lực gia đình. Các nạn nhân bạo lực gia đình thường không sẵn sàng hoặc không thể tham

gia tố tụng hình sự và thường rút lại lời khai sau khi cơ quan điều tra của công an đã chuyển hồ sơ sang viện kiểm sát (xem Eileen Skinnider 2009, 133). Công an phải đảm bảo thu thập đầy đủ tất cả các chứng cứ có thể, nhưng việc thu thập đủ bằng chứng để có thể khởi tố vụ án là một thách thức lớn.² Ví dụ lời khai thú tội của người gây bạo lực hoặc lời khai chứng kiến của con cái có thể chưa đủ để tiến hành điều tra, hoặc nạn nhân có thể từ chối không đi giám định để xác định tỷ lệ thương tật như một số trường hợp yêu cầu. Xác định tỷ lệ thương tật của nạn nhân là một yêu cầu rất cần thiết cho một vụ hình sự. Tuy nhiên, trên thực tế, xác định tỷ lệ thương tật là một quá trình phức tạp và chỉ có giấy giám định của hội đồng giám định y khoa mới có giá trị trước tòa, chứ không phải giám định của công an. Thông tư liên tịch số 12/1995 của Bộ Y tế quy định một số tiêu chuẩn thương tật để hội đồng giám định y khoa giám định và có giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật. Kèm theo là một bảng dài và phức tạp về các chi tiết tiêu chuẩn thương tật. Vết thương mang di chứng lâu dài được xác định tỷ lệ thương tật cao hơn. Ví dụ, gãy, sập xương sống mũi mà không ảnh hưởng chức năng thở và ngửi thì tỷ lệ thương tật 10%; gãy mũi gây ảnh hưởng đến thở và ngửi rõ rệt thì tỷ lệ thương tật là 25-30%. Đa chấn thương thì tỷ lệ thương tật càng cao.

Theo quy định thì không phải tội hình sự nào khi truy tố cũng cần phải có giấy chứng thương hoặc sự đồng ý của nạn nhân. Ví dụ Điều 151 về “Tội ngược đãi hoặc hành hạ thành viên trong gia đình trong đó, có vợ chồng” không yêu cầu phải có chứng nhận tỷ lệ thương tật, nhưng trong hầu hết các vụ xử theo điều này thì nạn nhân đều đã phải điều trị tâm lý do bị ngược đãi.

Tuy nhiên, cơ quan công an với tư cách là người ứng phó đầu tiên phải có trách nhiệm giúp nạn nhân tìm kiếm sự chăm sóc y tế, dù trường hợp đó có cần giấy chứng nhận thương tích làm bằng chứng hay không. Việc này đòi hỏi phải có cách tiếp cận nhạy cảm với nạn nhân, cần giải thích với nạn nhân rằng việc được chăm sóc y tế không có nghĩa là nạn nhân đồng ý tiến hành điều tra mà nạn nhân có thể suy nghĩ quyết định việc đó sau.

Một điều cực kỳ quan trọng là cơ quan y tế và cơ quan hành pháp hợp tác chặt chẽ, hiệu quả để đảm bảo rằng tất cả nạn nhân bị chấn thương đều được khám chứng thương, tội phạm bị xử lý thỏa đáng, nhưng đồng thời nạn nhân cũng được chăm sóc y tế đầy đủ.

Ngoài ra, công an với tư cách là người ứng phó đầu tiên phải được tập huấn để có thể đánh giá thương tích ban đầu, trong đó có dấu hiệu bị lạm dụng tình dục và bóp cổ - hai loại chấn thương phổ biến trong bạo lực gia đình nhưng dễ bị bỏ qua.

² Thông tin này là từ văn phòng UNODC tại Việt Nam, qua quan sát các lớp tập huấn thử nghiệm về phòng chống bạo lực gia đình dành cho các cán bộ tư pháp và công an ở các tỉnh, qua thảo luận với cán bộ công an địa phương trong quá trình thực hiện dự T28 “Tăng cường năng lực cho các cơ quan hành pháp và tư pháp chống bạo lực gia đình ở Việt Nam”.

CHƯƠNG II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phần I. Cơ sở lý luận và mục tiêu

Nghiên cứu về chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam là một phần của dự án “Tăng cường năng lực cho cơ quan hành pháp và tư pháp phòng chống bạo lực gia đình tại Việt Nam” (dự án T28) do UNODC tiến hành.

Như đã đề cập ở chương trước, Luật mới (Luật phòng, chống bạo lực gia đình) quy định chưa rõ vai trò và trách nhiệm cụ thể của cơ quan hành pháp (ví dụ như vai trò của công an) và của cơ quan tư pháp trong việc trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình. Việc thực thi Luật phòng, chống bạo lực gia đình phụ thuộc nhiều vào các văn bản hướng dẫn cụ thể như nghị định hay thông tư, tuy nhiên các văn bản này còn đang trong quá trình soạn thảo. Ngoài ra, để thực hiện một cách hiệu quả các luật quy định và để có những biến chuyển rõ rệt trong phản ứng của lực lượng hình sự và tư pháp trước bạo lực gia đình thì năng lực của cả cơ quan hành pháp lẫn tư pháp cần được tập trung nâng cao. Nghiên cứu này nhằm xác định các nhu cầu trong việc tăng cường năng lực nói trên.

Nghiên cứu cũng hướng đến mục tiêu đưa ra một bức tranh đầy đủ về sự sẵn có và chất lượng của các dịch vụ hình sự và tư pháp hiện nay dành cho nạn nhân của bạo lực gia đình. Đây sẽ là một nguồn tham khảo hữu ích để cải thiện các dịch vụ tư pháp hình sự. Đây cũng sẽ là cơ sở dữ liệu căn bản để tiến hành một nghiên cứu tương tự trong tương lai (ví dụ 10 năm nữa) để đánh giá lại tiến bộ về số lượng và chất lượng của các dịch vụ và tác động của Luật phòng, chống bạo lực gia đình đối với tình hình của nạn nhân bạo lực gia đình tại Việt Nam.

Các đối tác chính cùng tham gia tiến hành nghiên cứu là Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển (RCGAD) thuộc trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, Tổng cục Thống kê, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Viện Châu Âu về kiểm soát và phòng chống tội phạm liên kết với Liên hợp quốc (HEUNI). Văn phòng UNODC Việt Nam nắm vai trò điều phối

Phần II. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu mang yếu tố định lượng và định tính, sử dụng phương pháp tiếp cận ba lần, bao gồm phỏng vấn bảng hỏi có cấu trúc đối với các nạn nhân bạo lực gia đình, thảo luận nhóm tập trung với các nạn nhân bạo lực gia đình và phỏng vấn sâu với cán bộ hành pháp và tư pháp.

Tất cả các nạn nhân được phỏng vấn đều là nữ bởi mục đích của khảo sát là tìm hiểu các dịch vụ dành cho các nạn nhân nữ. Tất cả các điều tra viên cũng đều là nữ vì theo kinh nghiệm quốc tế, đối với nghiên cứu này thì nữ phỏng vấn nữ thường mang lại kết quả tốt hơn (xem Mary Ellsberg và Lori Heise 2005, 157). Nhân viên tư pháp và công an được phỏng vấn là cả nữ và nam.

II.1. Yếu tố định lượng

Phỏng vấn theo bảng hỏi có cấu trúc với 900 nạn nhân bạo lực gia đình được tiến hành tại 9 tỉnh/thành: Hà Nội, Phú Thọ và Thái Nguyên ở phía Bắc; Đà Nẵng, Gia Lai và Ninh Thuận ở miền Trung; thành phố Hồ Chí Minh, An Giang và Cần Thơ ở miền Nam. Các tỉnh/thành này nằm trên một vùng rộng lớn, có cả 3 miền của đất nước và gồm cả khu vực thành thị lẫn nông thôn. Tuy nhiên, các địa bàn khảo sát đều nằm ở khu vực đồng bằng, nơi dân cư chủ yếu là người Kinh. Do vậy, không có nhiều đối tượng điều tra thuộc các dân tộc khác thể hiện trong kết quả của nghiên cứu này.

Trung bình ở mỗi tỉnh/thành có 100 đối tượng được phỏng vấn. Ở một số tỉnh/thành, việc xác định nạn nhân bạo lực gia đình gặp một số khó khăn (ví dụ do dân số ít hơn những nơi khác); vì thế, ở những tỉnh/thành này chỉ phỏng vấn được 80 đối tượng, trong khi ở những nơi khác, con số này là 120. Tại mỗi tỉnh/thành, các nạn nhân được lựa chọn từ nhiều xã khác nhau, tối đa là 5 đến 10 nạn nhân từ một xã. Hội Phụ nữ tại địa phương giúp xác định nạn nhân, lựa chọn ra những đối tượng sẵn sàng tham gia điều tra và bố trí địa điểm an toàn để tiến hành phỏng vấn. Mất khoảng 15 đến 20 phút để hoàn thành mỗi bảng hỏi.

Như đã tiên liệu, việc xác định và tiếp cận các nạn nhân thực sự là một thách thức. Là đơn vị chịu trách nhiệm xác định các đối tượng thuộc diện điều tra, Hội Phụ nữ tại địa phương đã thông báo với lãnh đạo xã về nội dung cuộc

khảo sát. Một số lãnh đạo xã tỏ ý không muốn tiến hành phỏng vấn tại xã với lý do xã họ không có bạo lực gia đình. Có một số trường hợp thì nạn nhân từ chối tham gia phỏng vấn khi họ được biết về nội dung khảo sát.

Hơn nữa, cũng cần lưu ý rằng các nạn nhân trả lời phỏng vấn đều đã liên lạc với chính quyền địa phương từ trước. Vì vậy, theo định nghĩa, mẫu này chỉ đại diện cho một nhóm phụ nữ nhất định. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu đưa ra một cái nhìn tổng quan rất hữu ích cho thấy kinh nghiệm của các nạn nhân bạo lực gia đình tại Việt Nam về các dịch vụ hỗ trợ dành cho họ.

II.2. Yếu tố định tính

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành 10 cuộc thảo luận nhóm tập trung với 50 nạn nhân bạo lực gia đình và 30 phỏng vấn sâu theo chủ đề với 15 cán bộ công an và 15 cán bộ tư pháp, tại 5 tỉnh/thành là Hà Nội, Thái Nguyên, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

Tại mỗi tỉnh/thành, hai nhóm nạn nhân, mỗi nhóm gồm 5 người, tham gia thảo luận nhóm tập trung. Hội Phụ nữ địa phương giúp xác định nạn nhân, lựa chọn ra những đối tượng sẵn sàng tham gia điều tra và bố trí địa điểm an toàn để thảo luận nhóm. Mỗi cuộc thảo luận kéo dài khoảng 60 đến 90 phút. Mục đích của việc thảo luận nhóm là nhằm thu thập thông tin định tính từ quan điểm của nạn nhân bạo lực gia đình. Thông tin này sẽ rất hữu ích khi tiến hành phân tích dữ liệu thu được từ bảng hỏi cũng như khi viết tài liệu thảo luận cuối cùng.

Ở mỗi tỉnh/thành, 6 cán bộ hành pháp và tư pháp được chọn để phỏng vấn sâu, gồm 1 cán bộ công an huyện, 1 cán bộ tư pháp huyện, 2 cán bộ công an xã và 2 cán bộ tư pháp xã. Mục đích tiến hành phỏng vấn sâu là để tìm hiểu thông tin định tính từ quan điểm của chính quyền địa phương một cách chính xác và chân thực nhất có thể. Do vậy, các câu hỏi được đặt ra đơn giản, không dự liệu một câu trả lời cụ thể từ phía đối tượng mà cho phép mỗi người tự diễn giải. Ngoài ra, danh tính của các đối tượng phỏng vấn được đặc biệt giữ kín. Các cuộc phỏng vấn sâu này kéo dài trong khoảng 30 đến 60 phút.

Phần III. Quá trình và diễn biến

III.1. Công cụ nghiên cứu

Dựa trên kinh nghiệm điều tra tại nhiều quốc gia, HEUNI đã xây dựng những công cụ và phương pháp nghiên cứu một cách chi tiết. Sau khi nhận được dự thảo các bảng hỏi và hướng dẫn thực hiện, Tổng cục Thống kê, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển đã tiến hành phỏng vấn thử để đánh giá tính phù hợp của các bảng hỏi với Việt Nam. Sau khi phỏng vấn thử đã hoàn thành, chuyên gia của HEUNI đã đến Việt Nam để cùng với các chuyên gia trong nước thảo luận và thông qua các bảng hỏi phỏng vấn.

Các nhận xét về bảng hỏi sau phỏng vấn thử và các đề xuất sửa đổi đã được trao đổi tại một hội thảo tổ chức ở Hà Nội từ ngày 30/3 đến 3/4/2009. Tham dự hội thảo có đại diện của Tổng cục Thống kê, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển, HEUNI và UNODC. Mục đích của hội thảo là nhằm thảo luận, thông qua các bảng hỏi cũng như chuẩn bị cho công tác thực địa và các bước tiếp theo của nghiên cứu (xem Phụ lục 2). Các đại biểu cũng bàn bạc các nội dung có liên quan như lựa chọn điều tra viên, tập huấn cho điều tra viên, các cân nhắc về đạo đức và sự an toàn khi điều tra. Kết thúc hội thảo, các bảng hỏi phỏng vấn và sổ tay hướng dẫn điều tra đã được chính thức thông qua.

III.2. Thu thập dữ liệu

Các phỏng vấn định lượng được tiến hành trong 3 tuần, vào tháng 5 năm 2009. Điều tra viên được lựa chọn từ Tổng cục Thống kê, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển. Các điều tra viên được cán bộ của Tổng cục Thống kê và UNODC tập huấn các nội dung về bạo lực gia đình và kỹ thuật phỏng vấn. Trong 8 ngày tập huấn, các điều tra viên đã được tiếp cận với định nghĩa về bạo lực gia đình và các dạng bạo lực gia đình, ảnh hưởng của bạo lực gia đình đối với các nạn nhân nữ, những ngộ nhận và giải thích cho vấn đề bạo lực gia đình, các cân nhắc về đạo đức, các vấn đề an toàn, cách phản ứng trước những chấn động tình cảm, cách động viên để đối tượng trả lời thành thật; đã nghiên cứu cấu trúc của bảng hỏi và thử phỏng vấn theo bảng hỏi (xem Phụ lục 3).

Điều tra viên của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Tổng cục Thống kê là người thực hiện phỏng vấn có cấu trúc đối với các nạn nhân bạo lực gia đình. Những điều tra viên này đã được lựa chọn kỹ càng; tất cả đều có kinh nghiệm làm việc với các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương và có kinh nghiệm tiến hành những phỏng vấn có tính bảo mật cao. Tất cả điều tra viên đều là nữ nhằm đảm bảo các nạn nhân tham gia phỏng vấn thấy an tâm và thoải mái.

Điều tra viên của Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển là người thực hiện thảo luận với các nhóm nạn nhân và phỏng vấn sâu các cán bộ hành pháp và tư pháp địa phương. Tất cả các điều tra viên này đều đã có kinh nghiệm thực hiện nghiên cứu định tính về bạo lực gia đình.

III.3. Nghiên cứu

Sau quá trình thu thập thông tin, Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm làm sạch và xử lý dữ liệu định lượng. Sau khi đã hoàn tất 2 bộ dữ liệu, một nghiên cứu viên dày dặn kinh nghiệm của Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển đã phân tích thông tin và dự thảo tài liệu thảo luận. Tiếp theo, các chuyên gia của HEUNI, dựa trên kinh nghiệm từ những bảng hỏi và phân tích tương tự, đã có nhiều ý kiến đóng góp ở tất cả các chương và bổ sung thêm kết quả so sánh với các nghiên cứu quốc tế. Sau đó, một chuyên gia quốc tế độc lập về bạo lực trên cơ sở giới đã đọc và hiệu đính tài liệu thảo luận. Chuyên gia này đã bàn bạc, phối hợp chặt chẽ với UNODC và các bên liên quan, nhằm đảm bảo rằng các quan điểm của cả Việt Nam lẫn quốc tế đều được báo cáo phản ánh một cách thích hợp.

Mở đầu báo cáo là bối cảnh về tình hình bạo lực gia đình ở Việt Nam, các dịch vụ tư pháp hình sự và Luật Phòng chống bạo lực gia đình mới được ban hành. Sau đó, báo cáo phân tích các dữ liệu thu được từ phỏng vấn và thảo luận nhóm để đưa ra bức tranh về chất lượng các dịch vụ tư pháp và những trở ngại lớn nhất hiện nay. Cuối cùng, báo cáo so sánh các dịch vụ tư pháp hình sự của Việt Nam với các tiêu chuẩn quốc tế và đưa ra các khuyến nghị.

Tài liệu thảo luận sẽ được sử dụng như một tài liệu chính sách nhằm hỗ trợ các chiến lược của Liên hiệp quốc trong lĩnh vực này và hỗ trợ Chính phủ Việt Nam tăng cường phát triển các dịch vụ và phản ứng với bạo lực gia đình. Một hội thảo chuyên đề cấp quốc gia sẽ được tổ chức để thảo luận về kết quả và khuyến nghị của nghiên cứu này, cũng như giúp Chính phủ xây dựng các dịch vụ phù hợp cho nạn nhân của bạo lực gia đình.

Lưu ý về thuật ngữ

Trong tài liệu thảo luận có một số thuật ngữ cần được giải thích thêm, đặc biệt là cho những độc giả không biết nhiều về Việt Nam.

“**Cán bộ tư pháp**” là cán bộ của ngành Tư pháp của các tỉnh/thành. Họ có thể làm việc tại cấp tỉnh, cấp huyện hoặc cấp xã. Cán bộ tư pháp chịu trách nhiệm phổ biến và tuyên truyền các văn bản pháp luật, chủ yếu là các luật về dân sự và hành chính, trong trường hợp cụ thể này là Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Họ cũng là người có vai trò tư vấn và tham mưu cho Ủy ban Nhân dân thi hành các luật này, như tham mưu cho Ủy ban Nhân dân và/hoặc tổ hòa giải khi xử lý các vụ bạo lực gia đình và tham gia vào công tác phê bình người gây bạo lực gia đình tại cộng đồng. Trưởng thôn là người đứng ra tổ chức các cuộc họp góp ý, phê bình tại cộng đồng và mời các thành phần liên quan đến dự, còn cán bộ tư pháp là người tư vấn, hướng dẫn. Đôi khi, nhất là ở cơ sở, cán bộ tư pháp có thể đảm nhiệm vai trò của cán bộ trợ giúp pháp lý cho người dân.

“**Cán bộ trợ giúp pháp lý**” chịu trách nhiệm trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn ở cấp huyện và/hoặc cấp xã (xem UNDP 2004, 3-5). Họ chủ yếu giải quyết các vụ tranh chấp dân sự, tranh chấp đất đai, hôn nhân, mâu thuẫn gia đình và các vụ hình sự. Cán bộ trợ giúp pháp lý làm việc tại hơn 60 trung tâm trợ giúp pháp lý ở các tỉnh/thành, là cán bộ của Sở Tư pháp tỉnh và chịu sự chỉ đạo của Cục Trợ giúp Pháp lý, Bộ Tư pháp.

Tại cơ sở, vai trò và trách nhiệm giữa cán bộ tư pháp và cán bộ trợ giúp pháp lý không phải lúc nào cũng được phân định rõ ràng mà có thể chồng chéo vì hai bên thực thi những nhiệm vụ giống nhau. Do vậy, người dân thường khó phân biệt cán bộ tư pháp và cán bộ trợ giúp pháp lý. Ban đầu, nghiên cứu này chỉ định tập trung vào cán bộ trợ giúp pháp lý, nhưng trong quá trình tiến hành phỏng vấn tại cơ sở, sự quan tâm lại chuyển sang cán bộ tư pháp.

Tuy nhiên, do ở cơ sở không phải lúc nào cũng có thể phân biệt giữa vai trò của cán bộ tư pháp và cán bộ trợ giúp pháp lý nên nhóm nghiên cứu đã quyết định sử dụng một thuật ngữ chung là “cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý” và “dịch vụ hỗ trợ pháp lý”.

Thuật ngữ “các cơ quan tư pháp hình sự” được sử dụng như một thuật ngữ chung cho nhóm ba cơ quan chính có vai trò điều tra, khởi tố và xét xử trong lĩnh vực tư pháp. Ba cơ quan này là cơ quan Công an, Viện Kiểm sát và Tòa án.

CHƯƠNG III. NHỮNG PHÁT HIỆN

Mục đích của nghiên cứu là cung cấp một bức tranh về những kinh nghiệm và quan điểm của nạn nhân về các dịch vụ tư pháp hình sự hiện có dành cho những phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình.

Dữ liệu được đề cập trong chương này dựa trên kết quả của 3 cấu phần³:

1. Phỏng vấn với bảng hỏi có cấu trúc tiến hành đối với 900 phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình tại 9 tỉnh thành;
2. Thảo luận nhóm tập trung với 50 phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình tại 5 tỉnh thành; và
3. Phỏng vấn sâu với 30 cán bộ công an và tư pháp tại 5 tỉnh thành.

Chương này trình bày các phát hiện của nghiên cứu, được chia thành 6 phần:

1. Các nạn nhân và người gây bạo lực gia đình;
2. Các hành vi bạo lực gia đình và hậu quả;
3. Phản ứng của công an với bạo lực gia đình;
4. Hỗ trợ pháp lý cho các nạn nhân bạo lực gia đình;
5. Hòa giải như một biện pháp đối với bạo lực gia đình;
6. Hỗ trợ của các tổ chức khác cho nạn nhân bạo lực gia đình.

Cấu trúc của chương này dựa trên cấu trúc của bảng hỏi khảo sát (xem Phụ lục 4). Kết quả khảo sát được minh họa và bổ sung từ thông tin định tính từ các cuộc thảo luận nhóm tập trung với nạn nhân và phỏng vấn sâu với cán bộ công an và tư pháp.

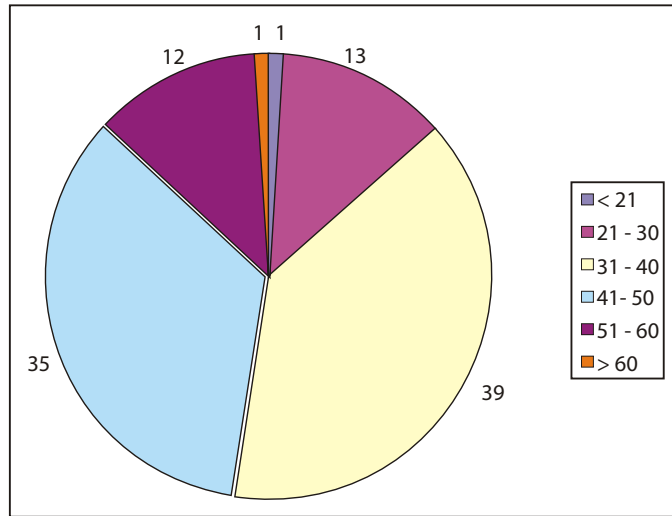
Phần I. Đặc điểm xã hội-nhân khẩu học của người trả lời

Phần này giới thiệu đặc điểm xã hội-nhân khẩu học của những phụ nữ được phỏng vấn trong phạm vi nghiên cứu. Trước đó, tất cả đều đã được Hội phụ nữ địa phương xác định là nạn nhân bạo lực gia đình. Khi phân tích kết quả khảo sát, các thông tin cơ sở (như tuổi, tình trạng hôn nhân, vùng địa lý, dân tộc, trình độ giáo dục và thu nhập) sẽ được xem xét một cách phù hợp. Phần này cũng nêu tóm tắt những thông tin thu thập được về những người gây ra bạo lực gia đình.

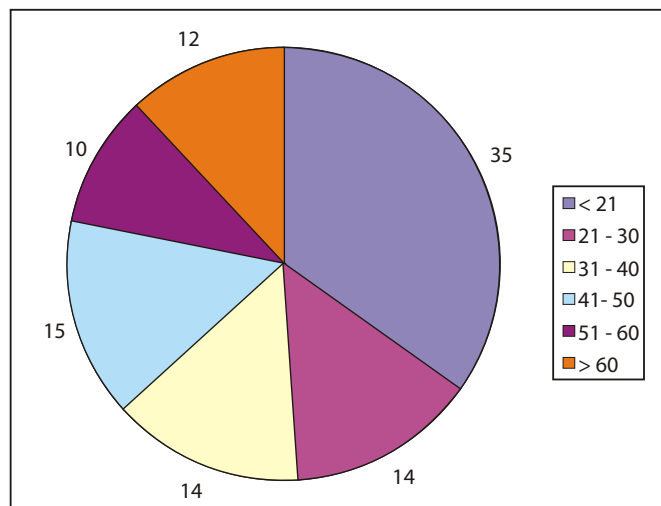
Về độ tuổi, hầu hết đối tượng được phỏng vấn thuộc 2 nhóm tuổi: 39% có tuổi từ 31-40 và 35% có tuổi từ 41-50 (hình 1). Những người có tuổi từ 21-30 chiếm 13% và những người từ 51-60 tuổi chiếm 12%. Chỉ có 1% những người trả lời có tuổi dưới 20 hoặc trên 60; do vậy, khi phân tích, các nhóm này không được coi là những nhóm khác biệt nhau.

³ Thông tin chi tiết hơn về 3 cấu phần này được trình bày trong chương II về phương pháp nghiên cứu.

Hình 1 (a) và (b). Tuổi của người được phỏng vấn (a) và tuổi của phụ nữ Việt Nam⁴ (%)
(a) Người được phỏng vấn (n=900)



(b) Tuổi của phụ nữ Việt Nam (n=44,056,927)

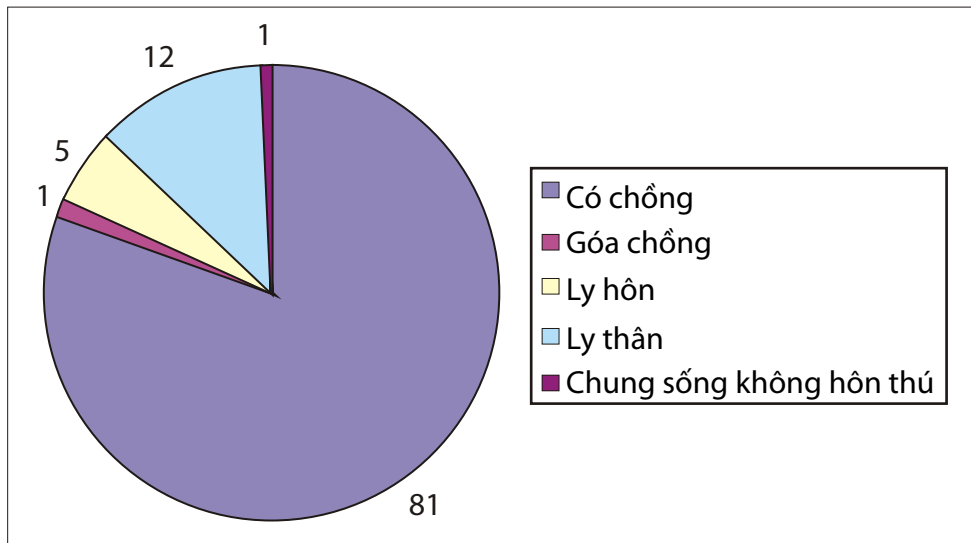


Tỷ lệ dân số nữ của Việt Nam theo nhóm tuổi cho thấy phụ nữ dưới 20 tuổi chiếm 35% of tổng số dân. Cuộc khảo sát không quy định giới hạn tuổi thấp hơn cho những người được phỏng vấn, nhưng trên thực tế các nạn nhân được chọn mẫu là những phụ nữ trưởng thành, đã hoặc đang có quan hệ hôn nhân/tình cảm và đã bị bạo lực gia đình. Điều này giải thích vì sao tỷ lệ phụ nữ trẻ tuổi trong mẫu rất thấp. Tỷ lệ phân bố các nhóm tuổi khác trong dân số nữ nói chung tương đối cân bằng. Tuy nhiên, trong khảo sát này, nhóm tuổi 31-40 và 41-50 chiếm tỷ lệ cao hơn so với tỷ lệ trong dân số nói chung và cũng cao hơn so với các nhóm tuổi khác của mẫu khảo sát. Nguyên nhân có thể là do mẫu được lựa chọn từ những nạn nhân được xác định từ trước và một số nhóm tuổi có thể cởi mở hơn khi nói về vấn đề riêng của gia đình mình.

Về tình trạng hôn nhân, hầu hết người trả lời đều có chồng (81%), còn ly thân là 12% và ly hôn là 5% (hình 2). Trong khi đó số liệu của Khảo sát Hộ gia đình 2008 (N=25,630,000) cho thấy 82% phụ nữ Việt Nam có chồng, 16% góa chồng, 1.8% ly dị và 0.7% ly thân. Còn đối với mẫu của cuộc khảo sát thì tỷ lệ phụ nữ ly hôn và ly thân cao hơn, tỷ lệ phụ nữ góa chồng thấp hơn so với tỷ lệ dân số chung.

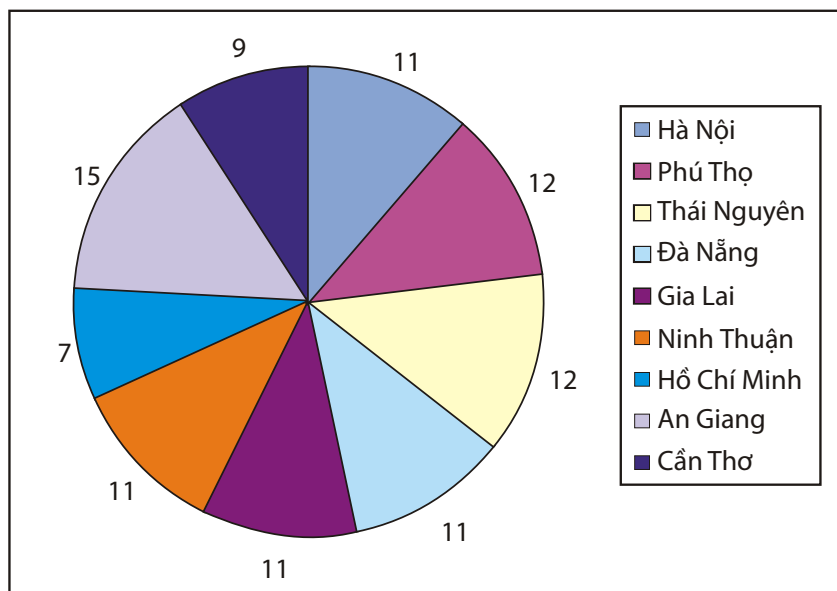
⁴ Dữ liệu trong hình 1 (b) được tính toán dựa trên kết quả Khảo sát Hộ gia đình Việt Nam 2008.

Hình 2. Tình trạng hôn nhân của người được hỏi (%)

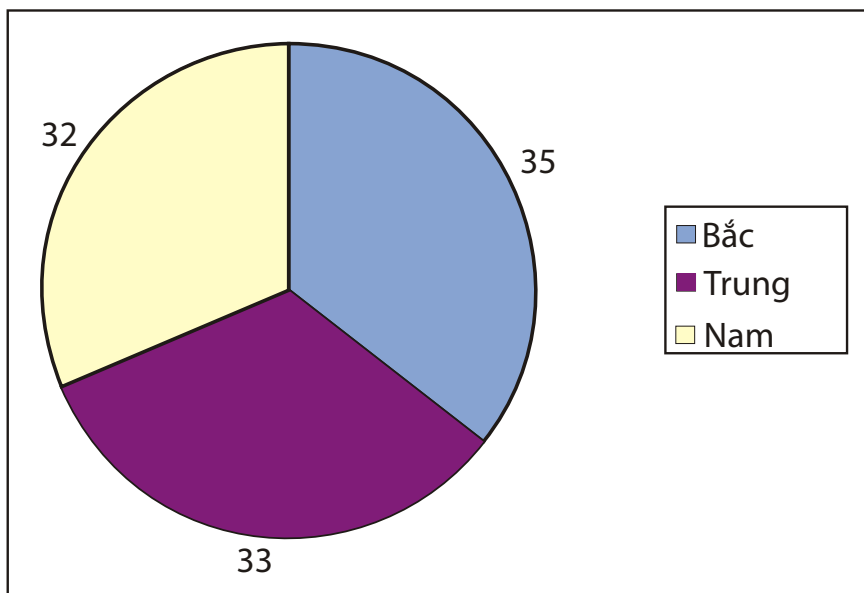


Hình 3 cho thấy phân bố của người được hỏi theo tỉnh thành. Mặc dù nhóm nghiên cứu dự định phỏng vấn số mẫu như nhau nhưng kết quả thì số người được phỏng vấn ở tỉnh thành là không đồng đều. Ví dụ, tại TP Hồ Chí Minh, số người được phỏng vấn nhỏ hơn ở các tỉnh thành khác. Tuy nhiên, tỷ lệ giữa 3 miền là cân đối: trong số người được hỏi thì 35% của miền Bắc, 33% miền Trung và 32% của miền Nam (hình 4). Đa số những người được hỏi (tức 59%) sống ở nông thôn (hình 5). Cuộc khảo sát được tiến hành ở hầu hết các tỉnh đồng bằng, vì vậy 92% những người được hỏi là người Kinh (hoặc người Việt) và chỉ có 8% là người thuộc các nhóm dân tộc khác.

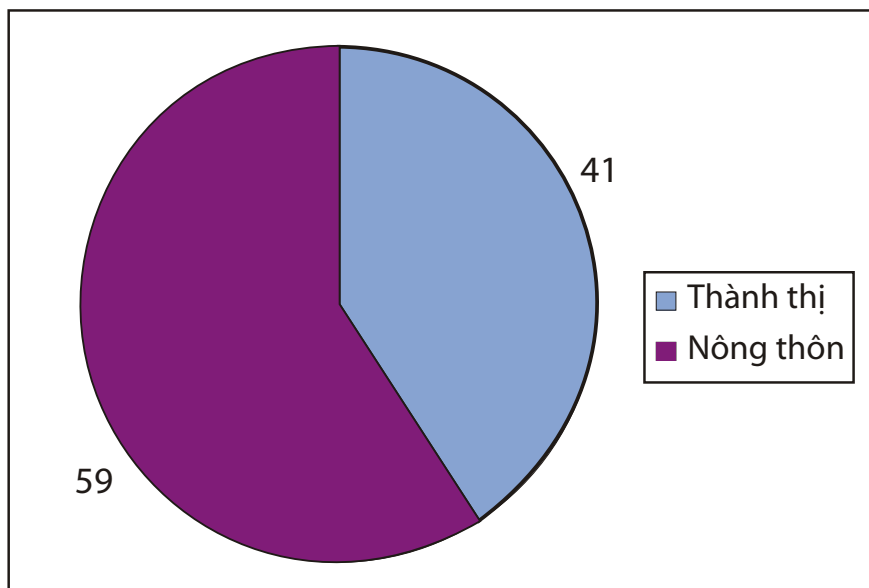
Hình 3. Phân bố người được hỏi theo tỉnh (%)



Hình 4 . Phân bố người được hỏi theo miền (%)



Hình 5. Phân bố người được hỏi theo tiêu chí nông thôn và thành thị (%)



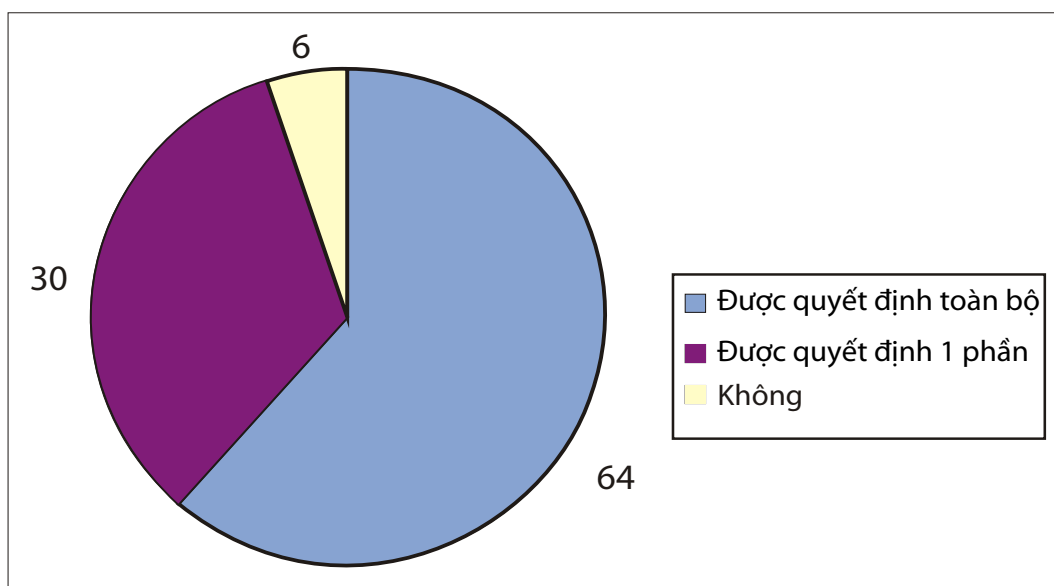
Về trình độ giáo dục, bảng 1 cho thấy đa số người được hỏi đã tốt nghiệp tốt nghiệp trung học (52%). 20% học xong tiểu học và 16% tốt nghiệp trung học phổ thông. Chỉ có 1% tốt nghiệp cao đẳng/đại học, còn số người cho biết chưa bao giờ đi học hoặc chưa học xong tiểu học là 10%.

Bảng 1. Trình độ giáo dục của người được phỏng vấn (%)

Trình độ giáo dục	%
Chưa bao giờ đi học hoặc chưa học xong tiểu học	10
Tiểu học	20
Trung học cơ sở	52
Trung học phổ thông	16
Học nghề/hướng nghiệp sơ, trung cấp	2
Cao đẳng/đại học trở lên	1
Không biết/Không trả lời	0
Tổng	100
Số người trả lời	900

Về thu nhập 76% người được hỏi có thu nhập ổn định, 21% có thu nhập không ổn định và 3% không có thu nhập. Trong tổng số 870 nạn nhân có thu nhập (ổn định hoặc không ổn định), 64% được quyết định cách chi tiêu toàn bộ số tiền của họ, 30% có thể quyết định chi tiêu một phần, còn 6% không được tự quyết định chi tiêu thu nhập của họ (hình 6). Trong số các phụ nữ không được tự quyết việc chi tiêu trong gia đình thì số đông (77%) sống ở nông thôn.

Hình 6. Khả năng quyết định cách chi tiêu thu nhập (%)



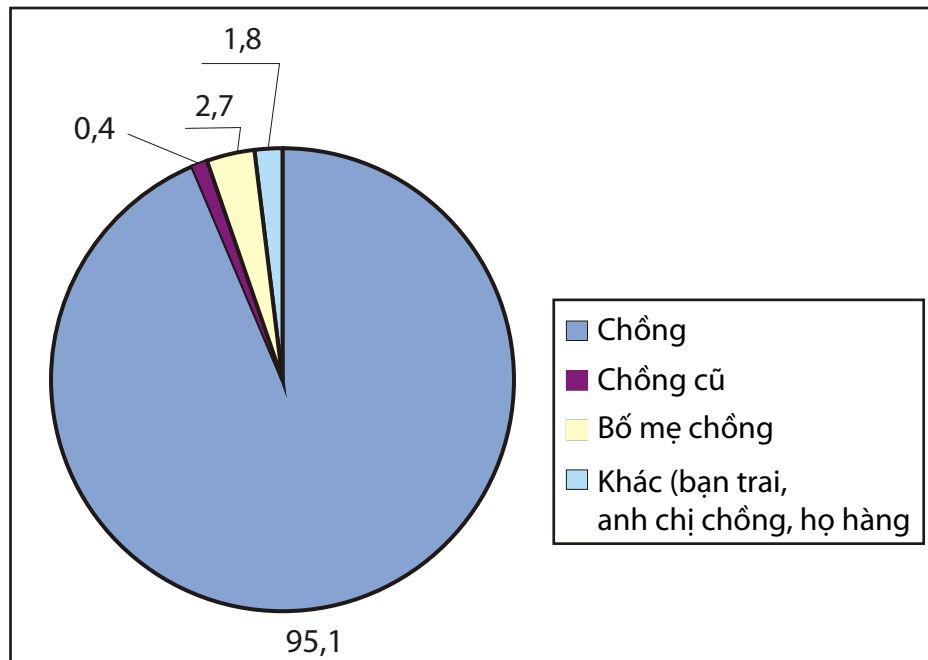
Ngoài ra, các phụ nữ này còn được hỏi: họ có biết về một văn bản pháp luật nào liên quan đến bạo lực gia đình hay không. 24% những người trả lời nói họ biết một số văn bản pháp luật. Sự chênh lệch trong nhận thức về luật pháp là đáng kể giữa các miền. Ví dụ 43% người trả lời của miền Trung có biết tới Luật Phòng chống bạo lực gia đình, trong khi tỷ lệ đó ở miền Nam chỉ là 8%. Phụ nữ không đi học hoặc học vấn thấp thì có nhận thức hạn chế so với phụ nữ có học vấn cao, còn phụ nữ ở hộ nghèo thì nhận thức hạn chế hơn các hộ khá giả. Phụ nữ ly hôn có nhận thức cao hơn các nhóm phụ nữ khác.

Phần II. Hành vi bạo lực gia đình và hậu quả

Phần này trình bày phát hiện về các dạng bạo lực khác nhau mà nạn nhân phải chịu đựng và hậu quả của bạo lực.

Khảo sát cho thấy trong 95% các vụ việc, người gây bạo lực là chồng của nạn nhân (hình 7). Bố mẹ chồng của nạn nhân chiếm 3% các vụ việc; họ gây nhiều dạng bạo lực khác nhau, chỉ trừ bạo lực tình dục.

Hình 7. Người gây bạo lực gia đình (%)



Nghiên cứu đã xem xét cả 4 dạng bạo lực được thừa nhận trong nghiên cứu quốc tế: (1) bạo lực thân thể, (2) bạo lực về tâm lý, tình cảm, (3) bạo lực tình dục, và (4) bạo lực về kinh tế (VD xem Holly Johnson và đồng sự 2008). Có những nạn nhân chỉ bị một dạng bạo lực, lại có những người bị hai, ba, thậm chí cả bốn loại bạo lực.

Để đánh giá sự phổ biến của bạo lực, nhóm điều tra đưa ra những câu hỏi cụ thể về hành vi chứ không dùng những thuật ngữ trừu tượng như bạo lực, lạm dụng, hiếp dâm. Nghiên cứu quốc tế cho thấy với cách này thì dễ tìm hiểu hơn những trải nghiệm của phụ nữ về bạo lực (xem Nghiên cứu của Liên hợp quốc, Tổng thư ký LHQ 2006, 72). Câu hỏi cụ thể như sau: "Trong 2 năm qua, chồng, bạn trai hoặc gia đình chồng chị có đối xử với chị theo cách sau đây không?". Các phương án trả lời bao gồm một loạt các hành vi bạo lực về thân thể và tình dục, các lạm dụng về kinh tế và lạm dụng trẻ em (bảng 2).

Bảng 2. Hình thức bạo lực và tỷ lệ phổ biến (%) trong số 900 phụ nữ được phỏng vấn (những phương án trả lời trình bày theo thứ tự trong bảng hỏi)

Hình thức bạo lực	%
Dọa đánh	83
Ném đồ đạc vào chị hoặc dùng vật gì đó đánh chị đau hoặc làm chị sợ hãi	69
Xô đẩy hay vặn tay, túm tóc làm chị đau hoặc sợ hãi	64
Tát, đá, đánh, đấm chị	90
Bóp cổ làm chị ngạt thở, cố ý làm chị bị bỏng	29
Dùng hay dọa dùng dao/kiếm/súng để tấn công chị	37
Có những hành động bạo lực khác	38
Cưỡng ép hoặc tìm cách cưỡng ép quan hệ tình dục	36
Đụng chạm sinh lý mặc dù chị không đồng ý	20
Bóc lột chị về mặt kinh tế	32
Làm hại hay dọa làm hại/dọa giết con chị hoặc người thân của chị	33

Do nghiên cứu tập trung vào những nạn nhân bạo lực gia đình được xác định từ trước, tỷ lệ của các hành vi bạo lực là rất cao. 90% những người được phỏng vấn đã bị tát, đá, đánh, đấm. Các dạng bạo lực khác cũng rất phổ biến. Hơn 1/3 những nạn nhân này (36%) đã bị ép buộc (hoặc ý định ép buộc) quan hệ tình dục. Làm hại hay dọa làm hại/dọa giết con hoặc người thân cũng rất phổ biến (33%). Những đoạn trích dẫn dưới đây từ nghiên cứu định tính có thể minh họa những con số trên:

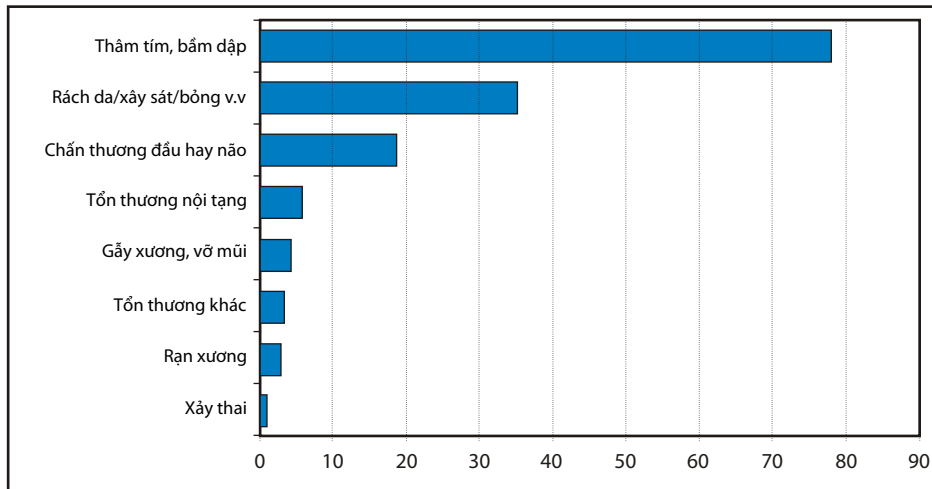
Chồng em có vợ nhỏ về ngược đãi, đánh em. Anh ấy cho là việc của anh ấy thì anh không ai có quyền can thiệp. Anh ấy dọa nếu đi báo công an thì sẽ đánh con. (Nạn nhân X)
Anh ấy về đêm lúc nào là đánh em lúc đấy suốt từ 6 năm nay rồi. Đánh bằng tay, dùng nôi, dùng tô (bát to), có lúc dùng dây xích quất dữ lắm. Hai năm nay anh ta còn có vợ nhỏ. Bây giờ ly thân, anh ấy nuôi thằng con trai mà không cho em gặp. Em ra đường mà thấy anh ấy là phải trốn, cực lắm, phải chuyển cả chỗ bán hàng, không dám ngồi ở chợ vì anh ấy không cho em bán hàng. (Nạn nhân M)
Nhiều khi mình bán hàng về mệt, nhậu xin đòi hỏi, mình không cho là đánh mình. Em cũng sợ đi ra ngoài bậy bạ về lầy vào mình. (Nạn nhân Y)

Gần 1/3 các nạn nhân cho biết họ bị lạm dụng về kinh tế (bảng 2). Trong phỏng vấn định tính, các phụ nữ cho biết nhiều ông chồng đi làm nhưng không đưa tiền cho vợ nuôi con. Có ông chồng còn đòi vợ đưa cho thêm tiền và đánh vợ nếu vợ từ chối.

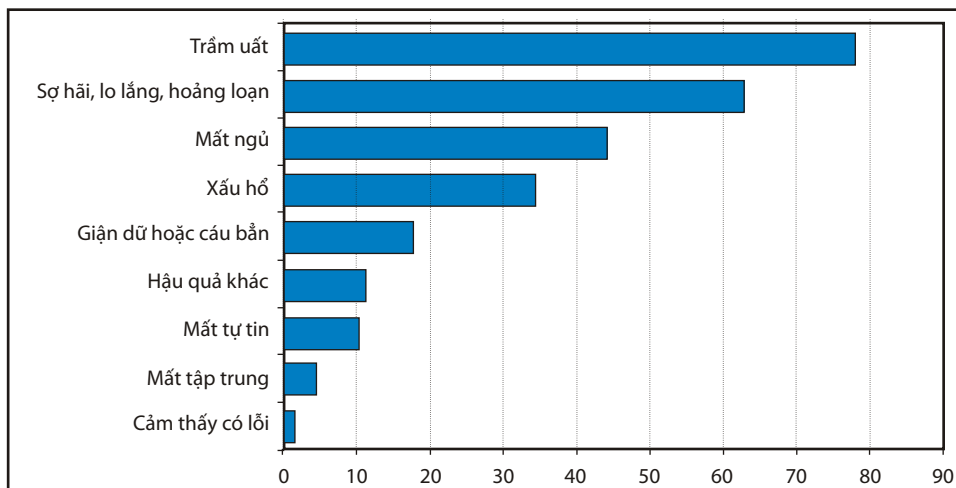
Còn mấy trăm bạc để đóng tiền học cho con mà ông ấy cũng không tha, để đi uống rượu. Em cần nhân, thế là đánh đá túi bụi. (Nạn nhân T)
Trước đây khi em mới sinh con được 3 tháng phải đi gánh nước mướn, gặp chị Hội phụ nữ cũng hỏi sao đi gánh nước sớm thế nhưng mình đâu có dám thưa là do chồng không đưa tiền. (Nạn nhân H)

Do hậu quả của bạo lực, 83% nạn nhân bị các thương tích. Loại thương tích phổ biến nhất là thâm tím, bầm dập; rách da, xây xước, bỏng; và chấn thương đầu (hình 8). Hầu hết các nạn nhân (98%) đều bị các hậu quả về tâm lý. Những hậu quả tâm lý phổ biến nhất là trầm uất, sợ hãi, lo lắng, hoảng loạn và mất ngủ (hình 9).

Hình 8. Thương tích do bạo lực gia đình (%)



Hình 9. Hậu quả về tâm lý của bạo lực gia đình (%)



Khi phân tích các thương tích để đánh giá sự nghiêm trọng của bạo lực thì không có sự khác biệt đáng kể giữa phụ nữ nông thôn và thành thị, cũng như các nhóm có thu nhập hoặc quyền quyết định chi tiêu khác nhau. Mặt khác, các thương tích ở phụ nữ miền Trung là phổ biến hơn (chiếm 93%) so với miền Bắc (77%) và miền Nam (79%); ở phụ nữ trẻ là phổ biến hơn (chiếm 86% ở nhóm tuổi 21-30) so với nhóm lớn tuổi (71% ở nhóm tuổi 51-60); và phổ biến hơn ở các nhóm dân tộc thiểu số (chiếm 94%) so với người Kinh (82%). Các thương tích cũng phổ biến hơn ở phụ nữ chưa từng đi học so với phụ nữ đã học trung học phổ thông (78%); phổ biến hơn ở phụ nữ ly hôn (92%) và ly thân (90%) so với phụ nữ có chồng (81%).

Các nạn nhân bạo lực gia đình cũng chịu những hành vi bạo lực tâm lý khác nhau. Các nghiên cứu quốc tế cho thấy những người chống lạm dụng về tâm lý thì cũng thường gây bạo lực về thân thể (xem Holly Johnson và đồng sự 2008, 109-115). Trong nghiên cứu này, bảng hỏi nêu ra nhiều câu hỏi liên quan tới sự đè nén và kiểm soát của nam giới. Mắng chửi và lăng nhục là hình thức phổ biến nhất: 91 % người trả lời đã từng bị như vậy (bảng 3).

Bảng 3. Hành vi bạo lực tâm lý (%) (những phương án trả lời trình bày theo thứ tự trong bảng hỏi)

Hành vi bạo lực tâm lý	%
Nổi giận nếu chị trò chuyện với những người đàn ông khác?	37
Tìm cách ngăn cản chị tham gia các hoạt động bên ngoài như học tập, làm việc?	35
Tìm cách hạn chế việc chị tiếp xúc với gia đình và bạn bè?	39
Đi theo hay theo dõi xem chị đi đâu?	22
Mắng chửi, lăng nhục chị?	91
Hủy hoại tài sản hay đồ dùng của chị?	59
Kiểm soát tài sản của chị?	22
Luôn luôn nghi ngờ chị không chung thủy?	35
Luôn khăng khăng đòi biết chị đi đâu, gặp ai?	31
Dọa tự tử?	10

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy bạo lực của nam giới ngoài gia đình có liên quan tới bạo lực trong gia đình (xem Holly Johnson và đồng sự 2008, 101-102). Trong nghiên cứu này, 30% những người trả lời cho biết chồng họ đã từng sử dụng bạo lực với người ngoài gia đình và 18% cho biết chồng họ đã từng gặp rắc rối với công an vì có hành vi bạo lực (với người khác, không phải với vợ).

Trong nghiên cứu quốc tế, có một vài lý thuyết để giải thích bạo lực đối với phụ nữ. Ví dụ như thuyết học hỏi xã hội và cấu trúc xã hội gia trưởng (ví dụ xem Holly Johnson và đồng sự 2008, 80-81). Trong khi nguyên nhân chính và gốc rễ của bạo lực gia đình là bất bình đẳng giới và quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa nam và nữ thì các nghiên cứu trước đó ở Việt Nam đã xác định một số yếu tố nguy cơ làm gia tăng bạo lực gia đình, đó là rượu, cờ bạc và ngoại tình (ví dụ xem UNFPA 2007, 24-25). Một số phụ nữ cũng đề cập đến những yếu tố này trong nghiên cứu định tính:

Chị em làm nhiều hơn, vất vả, căng thẳng trong khi những người chồng ăn chơi nhiều hơn, rượu chè nhiều hơn lại đánh đập. Tại sao chúng ta lại chịu đựng cho những người như thế? Đàn ông phàn nàn rằng phụ nữ trở nên nóng nảy vì phải lao động vất vả, nhưng đó là lẽ thường tình vì không ai có thể chịu đựng mãi như thế được. (Nạn nhân Q)
Bọn em có lúc bị đánh nhưng còn ít, mấy đứa hôm nay đi gặt rồi bị đánh nhiều hơn. Chồng nóng giận lên thì đánh, chẳng có lý do gì. (Nạn nhân L)

Phần III. Phản ứng của công an trước bạo lực gia đình

Phần này trình bày kết quả nghiên cứu về phản ứng của công an trước bạo lực gia đình. Nhóm nghiên cứu đã thu thập thông tin về cách thức và lý do vì sao mà một vụ việc được (hoặc không được) trình báo công an. Các đối tượng phụ nữ được hỏi về những trải nghiệm của họ với cơ quan công an khi họ đến để nghị giúp đỡ và/hoặc trình báo các vụ việc bạo lực gia đình. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn tìm hiểu quan điểm của cơ quan công an thông qua phỏng vấn sâu các cán bộ công an.

III.1. Các vụ việc bạo lực gia đình được báo cáo cho công an

Cũng như ở nhiều nước, bạo lực gia đình ở Việt Nam ít khi được trình báo công an. Trong số các vụ bạo lực gia đình liên quan tới đối tượng của nghiên cứu này thì chỉ có 43% được trình báo công an, còn 57% không được công an biết đến. Nếu xét đến việc hầu hết các vụ bạo lực gia đình ở đây đều là nghiêm trọng (83% nạn nhân cho biết họ bị thương tích vì bạo lực) thì tỷ lệ trình báo của nạn nhân quả là thấp.

Bảng 4 cho thấy một số sự khác biệt trong tỷ lệ trình báo giữa một số nhóm đối tượng. Tỷ lệ trình báo thấp nhất

ở miền Bắc và cao nhất ở miền Trung. Ngoài ra còn có một số khác biệt khác. Tỷ lệ trình báo tăng dần theo nhóm tuổi. Tỷ lệ trình báo cũng chênh lệch lớn giữa nhóm phụ nữ ly hôn và phụ nữ có chồng; những phụ nữ ly hôn có tỷ lệ trình báo cao hơn so với phụ nữ có chồng. Nghiên cứu quốc tế cũng cho những kết quả tương tự, tức là bạo lực từ các mối quan hệ đã qua thường được phụ nữ trình báo nhiều hơn. Điều này có thể lý giải là do những vụ bạo lực đó là nghiêm trọng hơn hoặc nạn nhân đã trình báo trước khi ly thân, hoặc cả 2 nguyên nhân (xem Holly Johnson và đồng sự 2008, 138).

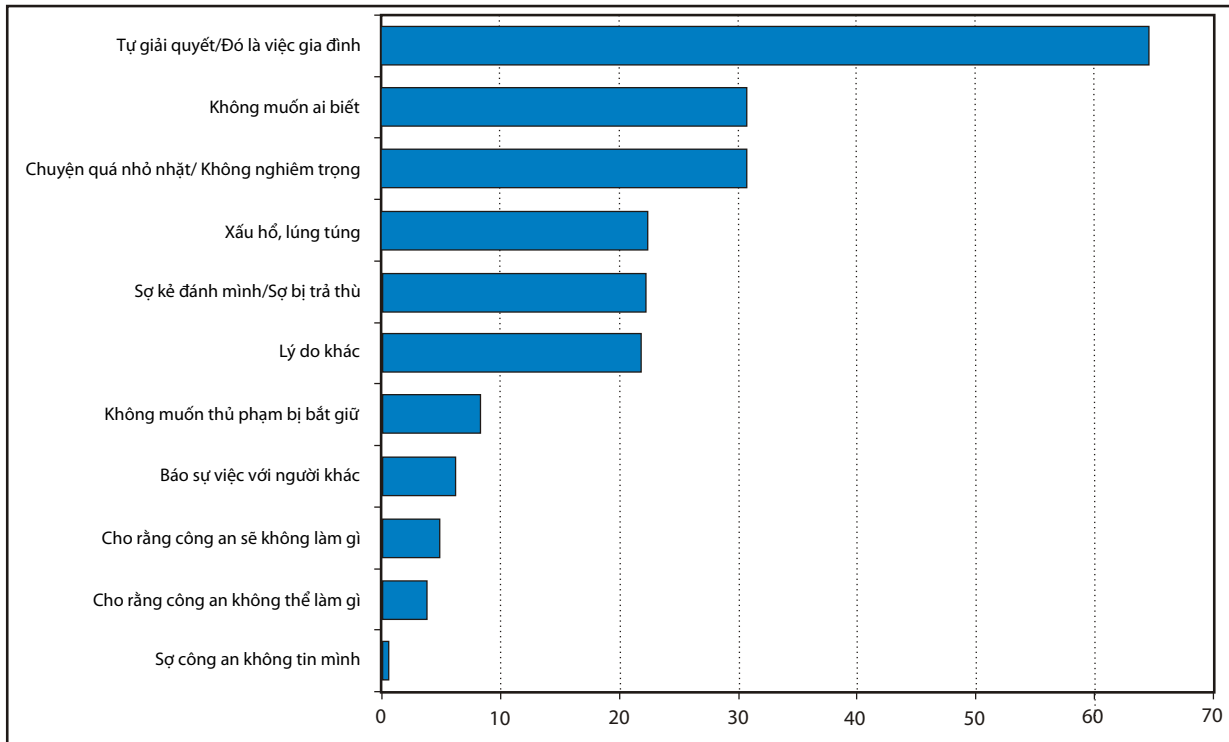
Bảng 4. Các vụ bạo lực gia đình mà công an biết (%)

	Có	Không	Không biết / Không nhớ	Tổng	n
Tổng	43	57	0	100	900
Thành thị-Nông thôn					
Thành thị	45	55	0	100	369
Nông thôn	42	58	1	100	531
Miền					
Bắc	29	71	0	100	319
Trung	56	44	1	100	297
Nam	45	54	1	100	284
Tuổi					
< 20	22	78	0	100	9
21-30	29	71	0	100	114
31-40	47	53	1	100	348
41-50	46	53	1	100	316
51-60	41	59	0	100	106
> 60	0	100	0	100	7
Dân tộc					
Kinh	43	56	0	100	828
Dân tộc thiểu số	37	63	0	100	71
Trình độ học vấn					
Chưa đi học/chưa học xong tiểu học	43	56	1	100	88
Tiểu học	47	52	1	100	177
Trung học cơ sở	42	58	0	100	466
Trung học phổ thông	40	59	1	100	140
Học nghề/Hướng nghiệp sơ, trung cấp	41	59	0	100	17
Cao đẳng/Đại học trở lên	50	50	0	100	10
Không biết /Không nhớ	100	0	0	100	1

Thu nhập					
Có thu nhập đều đặn	45	55	0	100	682
Thỉnh thoảng có thu nhập	39	61	1	100	188
Không có thu nhập	30	70	0	100	30
Quyết định chi tiêu					
Được quyết định toàn bộ	45	54	1	100	555
Được quyết định một phần	41	59	0	100	262
Không được quyết định	35	65	0	100	52
Hộ nghèo					
Là hộ nghèo	45	53	2	100	187
Không là hộ nghèo	42	57	0	100	710
Không biết /Không nhớ	50	50	0	100	2
Tình trạng hôn nhân					
Đang có chồng	38	61	1	100	726
Góa chồng	25	75	0	100	8
Ly hôn	79	21	0	100	48
Ly thân	58	42	0	100	110
Sống chung với bạn tình	63	38	0	100	8

Đa số các nạn nhân không trình báo hoặc không kể với người khác về vấn đề bạo lực gia đình do nhiều nguyên nhân khác nhau (hình 10). Nhiều nạn nhân nói rằng bạo lực gia đình là việc riêng và tốt nhất nên giải quyết trong nội bộ gia đình (65%). 30% không muốn ai biết và 30% nói rằng vụ việc quá nhỏ nhặt, không nghiêm trọng. Xấu hổ và sợ cũng là nguyên nhân phổ biến khiến nạn nhân không báo công an. So với kết quả của các nghiên cứu quốc tế, lý do nạn nhân không báo công an ở Việt Nam cũng tương đối giống với các nước khác. Tuy nhiên, việc nạn nhân ở Việt Nam không trình báo với lý do không muốn ai biết là phổ biến hơn một số nước khác (xem Holly Johnson và đồng sự 2008, 152-154). Hình 10 cũng cho thấy việc công an không giải quyết được vụ việc không phải là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất khiến nạn nhân không trình báo.

Hình 10. Những nguyên nhân quan trọng nhất khiến nạn nhân không trình báo vụ việc bạo lực gia đình lên công an (%)

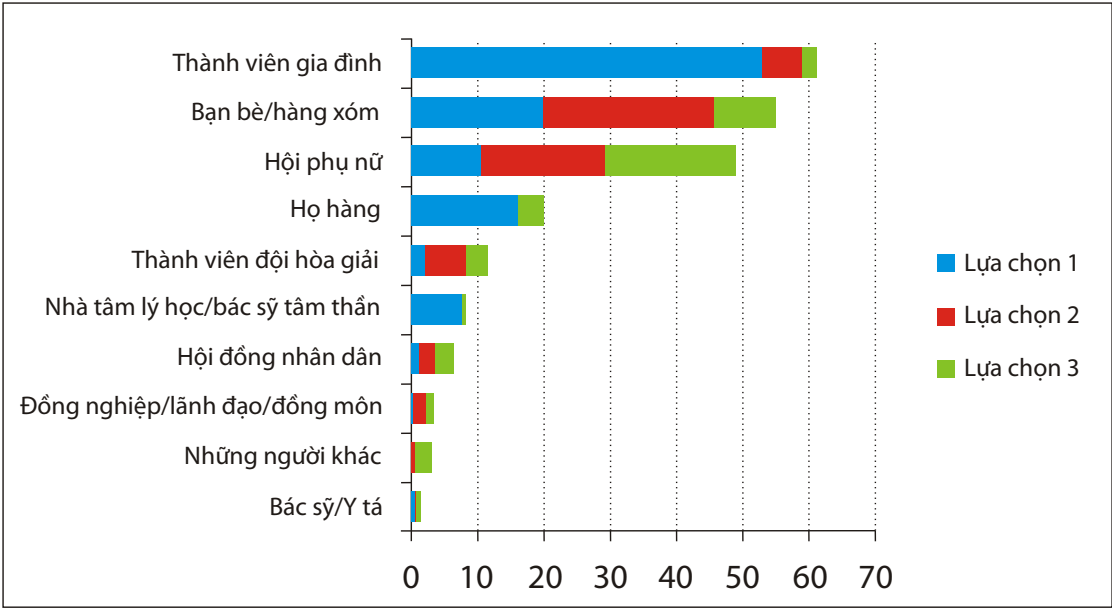


Nghiên cứu định tính cho thấy nạn nhân sợ điều tiếng trong cộng đồng và sợ mọi người nghĩ họ có lỗi gì đó thì mới bị chông đánh. Kết quả, nạn nhân cứ âm thầm chịu đựng bạo lực gia đình và như vậy gián tiếp khuyến khích người gây bạo lực tiếp tục bạo lực. Những chia sẻ dưới đây minh họa tình trạng nhiều nạn nhân không muốn nói về bạo lực và không muốn mọi người biết:

Trước giờ em không tâm sự với ai, khi gặp khó khăn chủ yếu là mình tự giải quyết, không muốn tâm sự. Khi người ta hỏi thì chỉ nói sơ sài chứ không trải hết lòng. (Nạn nhân T)
Em không báo công an, không báo bất cứ ai. Không ai đến can thiệp vì vợ chồng đóng cửa trong nhà vậy thôi vì em cũng không muốn um xùm xóm giềng. (Nạn nhân M)
Vì em nghĩ danh dự những đứa con nên không có báo. Ngại vì nếu đưa đến công an là phải xử theo luật, chồng bị giam cầm thì em không muốn. Còn trong gia đình, còn chung sống mình không muốn báo để mất mặt chồng. Nếu Hội phụ nữ giúp báo công an thì được. (Nạn nhân L)
Báo công an em sợ ông ấy lại còn đánh mình nhiều hơn, sợ ông ấy còn chửi cho con được đồng nào. (Nạn nhân P)

Khi nạn nhân kể về việc bạo lực, họ thường nói với người thân trong gia đình (61%), bạn bè hoặc hàng xóm (55%), cán bộ Hội Phụ nữ (49%), nhưng ít khi chia sẻ với đồng nghiệp (3%) hoặc nhân viên y tế (1%) (hình 11). Điều này cũng giống với các nước khác, khi phụ nữ chia sẻ việc bị bạo lực với gia đình và bạn bè là nhiều nhất (WHO 2005, 73-74).

Hình 11. Phụ nữ kể về bạo lực gia đình với ai (không tính công an)



Trong bảng hỏi, các đối tượng khảo sát được đề nghị kể tên 3 người hoặc nhóm người (phương án 1, phương án 2 và phương án 3 trong hình 11) mà họ đã từng chia sẻ về việc bạo lực gia đình. Phương án 1 là phương án mà nạn nhân chọn đầu tiên, và như nêu ở trên, phụ nữ thường kể lại với người thân trong gia đình. “Người thân trong gia đình” là sự lựa chọn được nêu đầu tiên trong bảng hỏi; điều này có thể giải thích vì sao các phụ nữ thường chọn phương án này đầu tiên. Hội Phụ nữ được nêu vào giữa danh sách, đây có thể là nguyên nhân Hội Phụ nữ thường được lựa chọn là phương án thứ ba.

Hầu hết các vụ bạo lực gia đình mà công an biết đều là bạo lực về thân thể (bảng 5). Ở Việt Nam cũng như ở nhiều nước khác, bạo lực gia đình thường được gắn với bạo lực thân thể, nhất là vì những tổn thương có thể nhận thấy ngay được thường khiến dạng bạo lực này dễ nhận biết nhất. Người dân, trong đó có cả các nạn nhân, có thể không ý thức được về những dạng bạo lực gia đình khác như bạo lực tâm lý, bạo lực tình dục và bạo lực kinh tế. Tình trạng này đang dần thay đổi nhờ những nỗ lực tuyên truyền về Luật phòng, chống bạo lực gia đình cũng như việc nhiều cơ quan truyền thông đã đề cập đến vấn đề bạo lực với phụ nữ.

Bạo lực thân thể (tấn công bằng tay hoặc đồ vật) là dạng bạo lực phổ biến nhất trong những vụ việc được trình báo cho công an (xem hình 12). Điều đáng chú ý là trong vụ việc nghiêm trọng nhất mà các nạn nhân đã trình báo công an thì một nạn nhân có thể bị vài dạng bạo lực. Phỏng vấn sâu với công an cũng cho thấy họ thường quan tâm nhiều nhất đến bạo lực thân thể.

Bạo lực tình dục thường ít được trình báo với công an, mặc dù 36% các phụ nữ được phỏng vấn cho biết họ đã bị cưỡng ép hoặc người chồng tìm cách cưỡng ép quan hệ tình dục.

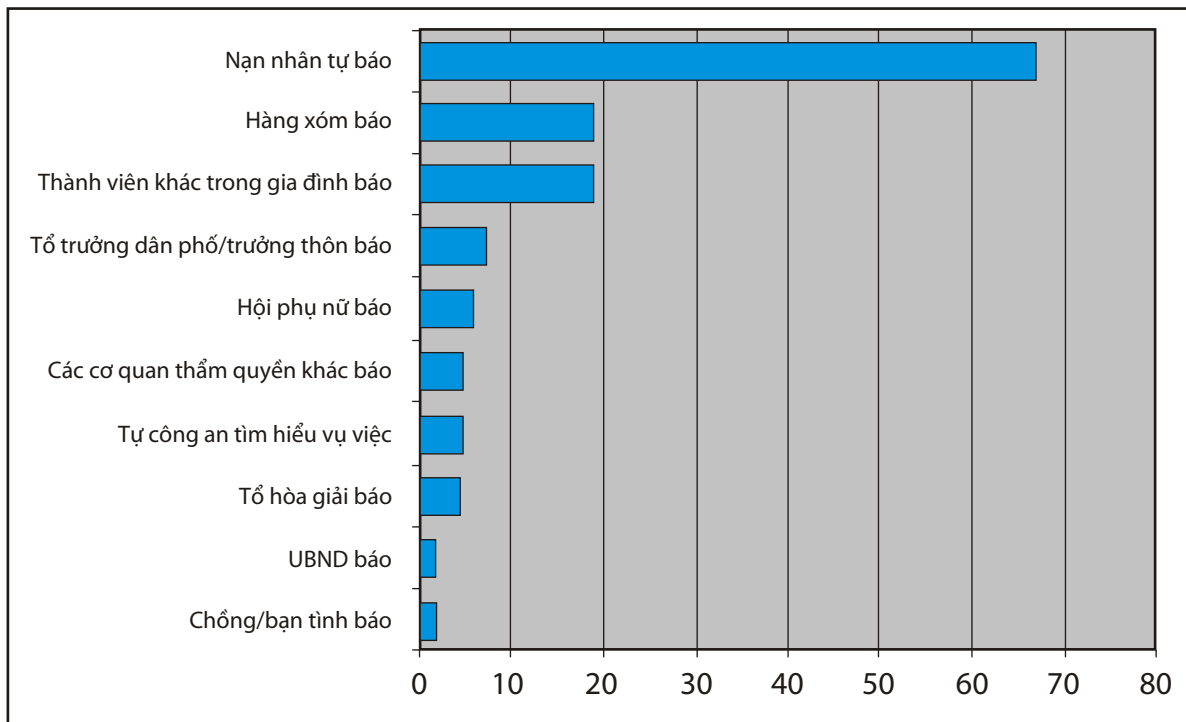
Bảng 5. Các hình thức bạo lực nạn nhân gặp phải mà công an biết (vụ nghiêm trọng nhất, %)

	Hình thức bạo lực	%
1	Dọa đánh	30
2	Ném đồ đạc vào chị hoặc dùng vật gì đó đánh chị đau hoặc làm chị sợ hãi	46
3	Xô đẩy hay vặn tay, túm tóc làm chị đau hoặc sợ hãi	38
4	Tát, đá, đánh, đấm chị	81
5	Bóp cổ làm chị ngạt thở, cố ý làm chị bị bỏng	23
6	Dùng hay dọa dùng dao/kiếm/súng để tấn công chị	30
7	Có những hành động bạo lực khác	27
8	Cưỡng ép hoặc tìm cách cưỡng ép quan hệ tình dục	3
9	Đụng chạm sinh lý mặc dù chị không đồng ý	2
10	Bóc lột chị về mặt kinh tế	8
11	Làm hại hay dọa làm hại/dọa giết con chị hoặc người thân của chị	13

Trong nghiên cứu định tính, các nạn nhân cho biết họ thấy ngại ngần hơn khi trình báo công an về bạo lực tình dục, nhất là khi công an là nam giới. Tuy nhiên, họ sẵn sàng trao đổi về những lần bị bạo lực tình dục với cán bộ Hội phụ nữ hoặc các cán bộ nghiên cứu là nữ (như trong nghiên cứu này).

Công an có thể có thông tin về các vụ bạo lực gia đình từ nhiều nguồn khác nhau, nhưng hình 12 cho thấy hầu hết các nạn nhân thường tự trình báo (67%). Người thân trong gia đình và hàng xóm cũng thường là người báo tin (19% ở cả 2 nhóm). Bản thân người gây bạo lực cũng trình báo ở một số trường hợp (2%). Tuy nhiên, tỷ lệ báo tin của các tổ chức như Hội Phụ nữ, Ủy ban nhân dân hoặc các tổ hòa giải địa phương là thấp (2% hoặc 4%). Có ít các vụ việc mà công an tự tìm hiểu và biết được (5%).

Hình 12. Ai báo tin cho công an về các vụ bạo lực gia đình (%)



Một số trích dẫn từ nghiên cứu định tính có thể minh họa cho những số liệu trên:

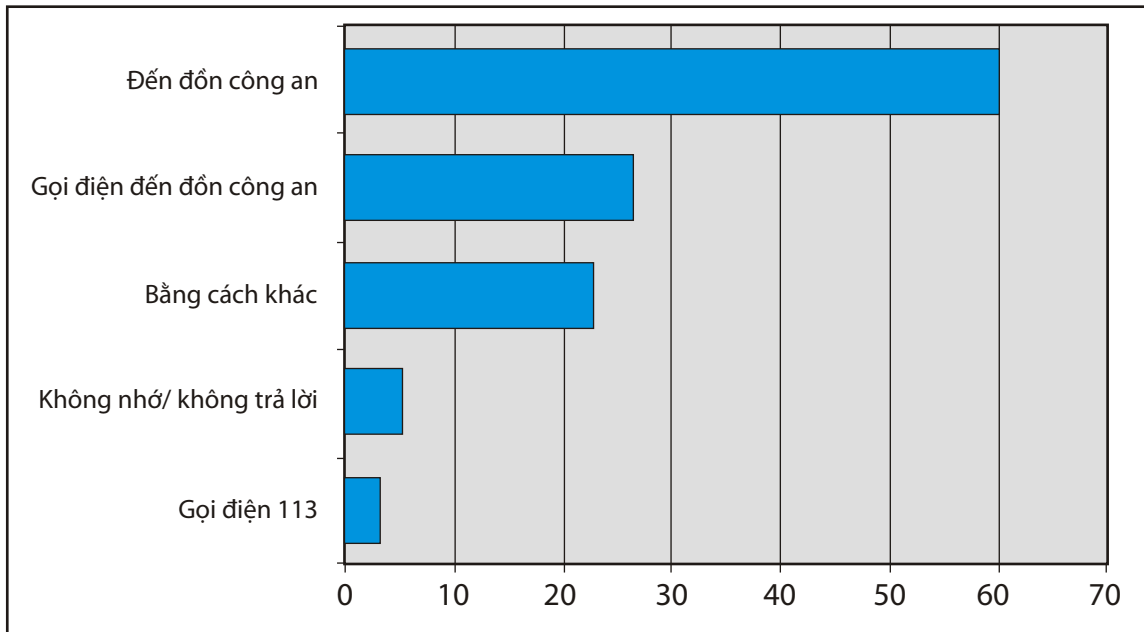
Khi chồng em đánh em, hàng xóm ở gần họ có qua, họ báo với công an. Công an gọi ra thì chồng em có hứa là sẽ thôi nhưng lại đổ thừa em bị đánh là do lỗi của em. (Nạn nhân X)
Có một lần anh công an đi ngang qua thu tiền dân phòng thì em kể bị chồng đánh, anh công an cũng la, kêu là chồng không được làm thế. (Nạn nhân H)

Trong những nạn nhân tự đi trình báo công an, có một số khác biệt giữa các nhóm, nhất là theo các tiêu chí lứa tuổi, dân tộc, tình trạng hôn nhân và hộ nghèo. 73% các nạn nhân tuổi từ 21-40 tự đi trình báo, so với 63% ở lứa tuổi 51-60. 66% các nạn nhân người Kinh tự trình báo, so với 85% ở các nạn nhân là dân tộc thiểu số. Tỷ lệ tự trình báo ở các phụ nữ đang có chồng là 65%, còn ở những phụ nữ đã ly hôn là 68%, ở phụ nữ ly thân là 80%. Tỷ lệ tự trình báo ở các hộ nghèo là 61%, còn các hộ không phải nghèo là 69%.

Trình độ học vấn của các nạn nhân không tác động nhiều tới việc nạn nhân tự đi trình báo công an hay không: tỷ lệ tự trình báo là 80% ở các nạn nhân có bằng đại học, cao đẳng và 76% ở các nạn nhân chưa đi học/chưa học xong tiểu học. Tuy nhiên cũng cần lưu ý rằng chỉ có 5 nạn nhân trong tổng số 900 người trả lời và 4 người trong số họ đã tự đi báo công an. Các nạn nhân tốt nghiệp tiểu học tự trình báo là 68% và tốt nghiệp trung học cơ sở tự trình báo là 66%. Mặt khác, nghiên cứu định tính cho thấy những lý do khác nhau vì sao phụ nữ quyết định trình báo. Nhiều nạn nhân có bằng cấp đại học nói rằng họ trình báo công an vì họ tin tưởng rằng luật pháp và công an có thể bảo vệ họ thoát khỏi nạn bạo lực. Ngược lại, các nạn nhân không có bằng cấp trình báo công an vì họ không thấy xấu hổ khi trình báo.

Khi tự đi trình báo, hầu hết các nạn nhân đều đến đồn công an (60%), ngoài ra 26% gọi điện thoại đến đồn công an và 3% gọi số khẩn cấp 113 (hình 13).

Hình 13. Các hình thức trình báo vụ việc bạo lực gia đình với công an (%)



Tỷ lệ nạn nhân tới đồn công an để trình báo ở thành thị cao hơn một chút so với nông thôn (bảng 6). 59% nạn nhân ở miền Bắc trình báo ở đồn công an, so với 56% ở miền Trung và 65% ở miền Nam. Dữ liệu nghiên cứu định tính cho thấy số nạn nhân ở nông thôn gọi điện để trình báo công an ít hơn vì họ không có điện thoại.

Bảng 6. Các vụ việc bạo lực gia đình được trình báo bằng cách đến đồn công an và gọi điện thoại (%)

Các vụ việc bạo lực gia đình được trình báo công an		
	Đi đến đồn công an	Gọi điện đến công an
Tổng	60	26
<i>Khu vực</i>		
Thành thị	62	36
Nông thôn	58	20
<i>Miền</i>		
Bắc	59	26
Trung	56	24
Nam	65	29

III.2 Hành động của công an khi phụ nữ trình báo vụ việc bạo lực gia đình

Các phụ nữ được hỏi xem họ thấy dễ dàng hay phiền hà khi trình báo công an về vụ việc bạo lực gia đình. Đa số họ (65%) thấy việc trình báo công an là dễ dàng. Có 16% trả lời là phiền hà. Như thể hiện trong bảng 7, lý do chính khiến nạn nhân thấy việc trình báo dễ dàng là thái độ của công an. Điều này cho thấy thái độ của công an đóng một vai trò rất quan trọng trong việc giải quyết bạo lực gia đình. Thái độ cởi mở, đồng cảm sẽ giúp nạn nhân cảm thấy tự tin, ngược lại, thái độ thờ ơ, thiếu quan tâm sẽ khiến nạn nhân không muốn tìm kiếm sự giúp đỡ ở chỗ công an nữa.

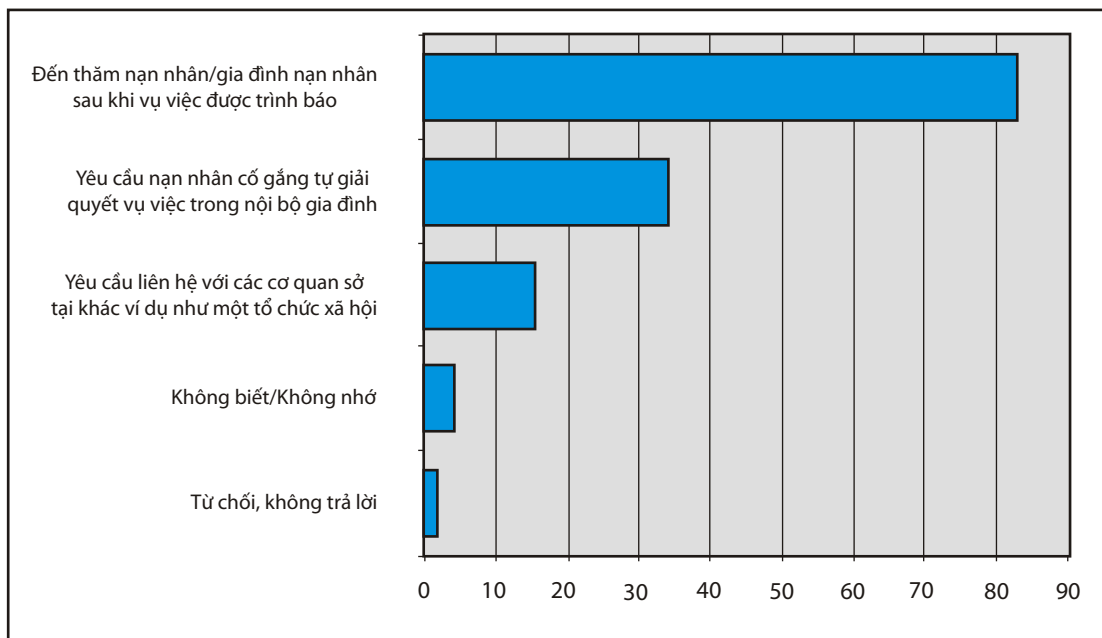
Bảng 7. Lý do nạn nhân thấy dễ dàng hay phiền hà khi trình báo vụ việc bạo lực gia đình với công an (%)

Lý do khiến việc trình báo dễ dàng hay phiền hà	Dễ dàng	Phiền hà
Vì cách công an đối xử	54	61
Vì địa điểm của đồn công an	34	6
Vì nạn nhân có đầy đủ thông tin	3	0
Vì nạn nhân không có đầy đủ thông tin	0	10
N	250	62
% trình báo	65	16

Lứa tuổi và trình độ học vấn của nạn nhân có thể có tác động khiến nạn nhân thấy trình báo là dễ dàng hay phiền hà. 76% các phụ nữ ở lứa tuổi 21-30 thấy việc trình báo là dễ dàng, còn ở lứa tuổi 51-60 là 63%. Tất cả các nạn nhân có bằng cấp đại học (n=5) và 71% các phụ nữ tốt nghiệp trung học phổ thông thấy việc trình báo là dễ dàng. Tỷ lệ đó thấp hơn ở các phụ nữ không bằng cấp (63%) hoặc mới học xong tiểu học (61%).

Không có sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị nhưng có khác biệt theo vùng miền: ở miền Trung 75% các nạn nhân thấy việc trình báo là dễ dàng, tỷ lệ này thấp hơn ở miền Bắc (64%) và miền Nam (53%). Phản ứng của công an khi phụ nữ đề nghị được giúp đỡ là khác nhau. Đối tượng phỏng vấn được hỏi xem công an có những phản ứng gì khi họ yêu cầu được giúp đỡ. Được thể hiện ở hình 14, 83% cho biết công an có đến nhà họ. Tuy nhiên 34% được công an yêu cầu tự giải quyết vụ việc trong nội bộ gia đình và 15% được yêu cầu liên hệ với các cơ quan sở tại khác, như Hội Phụ nữ hoặc tổ hòa giải, để được trợ giúp.

Hình 14. Phản ứng của công an khi được nạn nhân bạo lực gia đình đề nghị giúp đỡ (%)



Một số trích dẫn từ nghiên cứu định tính có thể minh họa việc công an có đến đến nhà nạn nhân:

Ở gần nhà em có thằng chuyên môn đánh vợ. Thời gian gần đây em thấy không đánh nữa vì công an bắt đi. Người ta nói nếu tái diễn nữa là đưa đi cải tạo. Bây giờ báo cái là công an xuống bắt luôn (Nạn nhân M)
Mời công an đến nhà, họ đưa chồng em ra đồn công an, cảnh cáo và phạt tiền rồi thả ông ấy về nhà. Còn bị đánh đêm hôm thì đi báo công an họ không tới. (Nạn nhân H)

Như đã nói ở trên, thái độ của công an là rất quan trọng trong việc quyết định kết quả vụ việc và suy nghĩ của nạn nhân về công an. Đặc biệt sự việc khó khăn hơn khi cán bộ công an là người nhà hoặc quen biết người gây bạo lực; trong khi thảo luận nhóm, một số nạn nhân đề cập tới các trường hợp mà công an đã để vụ việc bạo lực gia đình không giải quyết, thay vì xử lý theo pháp luật.

Chồng em chém vào cổ em phải khâu 9 mũi. Hồi đó ba em còn làm công an ở đây nên ông ấy cho qua luôn. Ba em xí xóa vì muốn chồng em thay đổi, nhưng sau đó không thấy thay đổi (Nạn nhân P)
Có khi chồng còn đi nhậu nhẹt, làm chung với công an nên khi xử họ chỉ xử theo cảm tính (Nạn nhân K).
Em báo với công an em bị chồng đánh nhưng công an lại có họ với chồng em nên chẳng giải quyết gì, mà còn bị nhà chồng mắng thêm (Nạn nhân L).

Dữ liệu cho thấy cách xử lý của công an là khác nhau tùy theo lứa tuổi và tình trạng hôn nhân của nạn nhân. Sau khi được đề nghị giúp đỡ, công an đến ngay nhà của 82% các nạn nhân tuổi từ 21-30, 73% các nạn nhân tuổi từ 31-40, nhưng tỷ lệ này chỉ là 53% ở các nạn nhân tuổi từ 51-60. Công an thường đến nhà những nạn nhân là phụ nữ có chồng (73%) hoặc đang chung sống với bạn tình (80%, n=5), nhưng ít hơn đối với các nạn nhân đã ly hôn (63%) hoặc ly thân (58%).

Cũng có một số khác biệt giữa nông thôn/thành thị và các miền. Ở thành thị, công an đến ngay 74% các nạn nhân, còn ở nông thôn là 67%. Tỷ lệ công an đến nhà nạn nhân cao hơn ở miền Trung (78%) so với miền Bắc (66%) và miền Nam (63%).

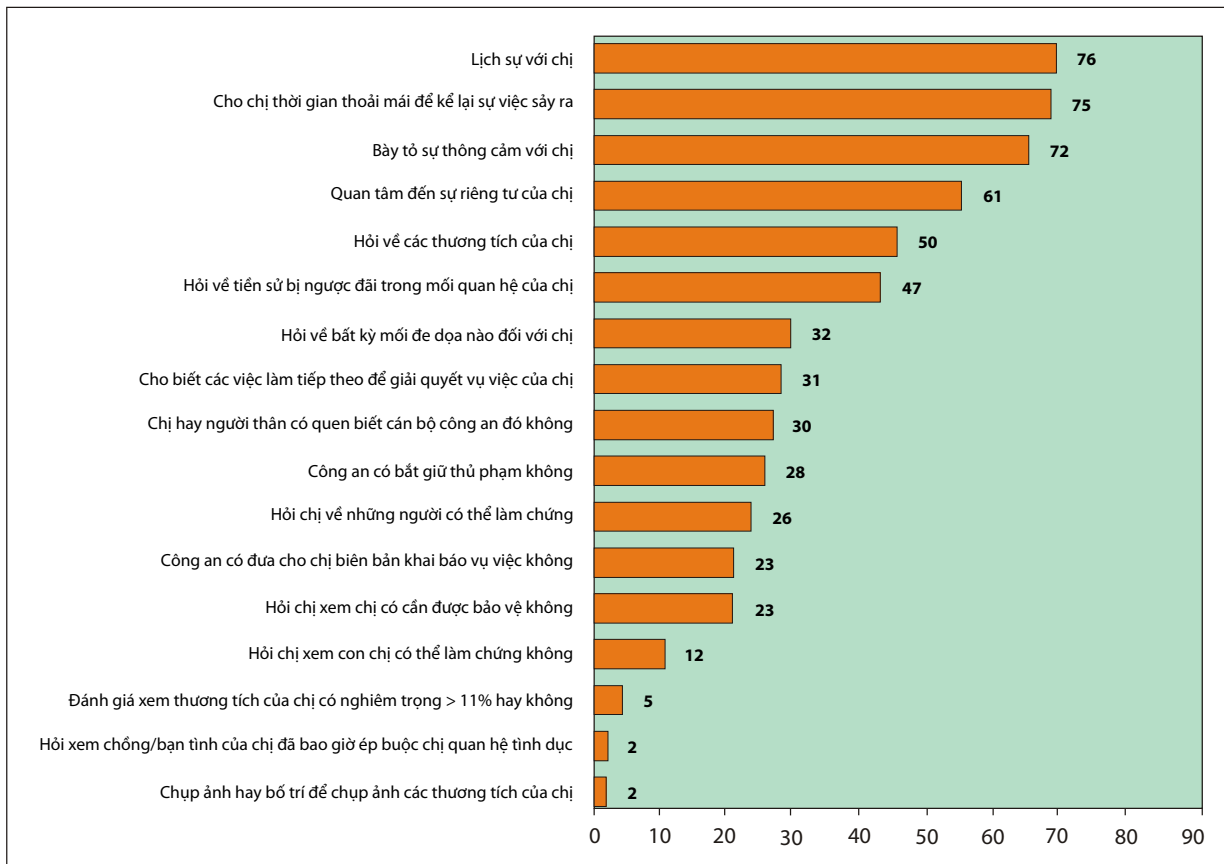
III.3. Sự hài lòng của nạn nhân với cách công an xử lý vụ việc

Để tìm hiểu sâu cách thức công an xử lý các vụ việc bạo lực gia đình, nhóm điều tra đã đưa ra 17 phương án trong bảng hỏi để nạn nhân bạo lực gia đình trả lời xem công an có thực hiện những biện pháp đó không. Hình 15 mô tả kết quả chung.

Phần lớn người trả lời đều thấy rằng công an đã tạo điều kiện để nạn nhân trình bày vụ việc. Ví dụ công an đã lịch sự với nạn nhân (76%), để nạn nhân có thời gian thoải mái để kể lại sự việc (75%) và bày tỏ sự cảm thông với nạn nhân (72%).

Hầu hết các nạn nhân cảm thấy rằng công an đã hiểu đúng vụ việc mình trình bày. Trong số những nạn nhân mà vụ việc được công an lập biên bản (n=109), 78% trả lời rằng công an đã lập biên bản đúng với những gì mình đã kể.

Hình 15. Hành động của công an khi xử lý vụ việc bạo lực gia đình (%)



Về việc ghi chép lại vụ việc bạo lực và thương tích, 50% các phụ nữ cho biết công an đã hỏi han về thương tích của họ. Tuy nhiên, công an ít đánh giá mức độ thương tích (5%) hoặc chụp ảnh thương tích (2%). Công an cũng hiếm khi hỏi nạn nhân có bị về ép buộc quan hệ tình dục hay không (2%).

Về việc đánh giá sự an toàn cho nạn nhân, công an hỏi về những mối đe dọa cho nạn nhân trong 32% các vụ việc và hỏi nhu cầu cần được bảo vệ trong 23% các vụ việc.

III.4. Tác động từ sự can thiệp của công an và các biện pháp được áp dụng

Như đã trình bày ở trên, nhìn chung nạn nhân hài lòng với cách công an tiếp nhận yêu cầu giúp đỡ và với quá trình trình báo. Tuy nhiên, về kết quả và những việc làm tiếp theo của công an sau khi trình báo thì nạn nhân kém hài lòng hơn hẳn.

Đối với mỗi nạn nhân có đủ can đảm trình báo công an, các biện pháp và việc xử lý với người gây bạo lực để đảm bảo an toàn cho nạn nhân là rất quan trọng. Nghiên cứu định tính cho thấy can thiệp của công an có rất ít hiệu quả, cụ thể như bạo lực vẫn tái diễn, những lần sau lại nghiêm trọng hơn và nạn nhân phải gánh chịu nhiều hơn. Tuy nhiên cũng có những trường hợp mà việc trình báo công an mang lại kết quả tích cực, như trong lời kể của những phụ nữ dưới đây:

Em có một lần báo công an, ra ngoài đồn, em làm tường trình, vì trong lúc làm thủ tục ly dị ông nóng ông ấy đánh, về ông ấy cũng đỡ. Sau đó mấy tháng là chúng em làm xong thủ tục ly dị. (Nạn nhân N).

Trong khi phỏng vấn sâu, các cán bộ công an giải thích trên thực tế, họ có thể áp dụng 5 biện pháp khác nhau đối với người gây bạo lực, tùy vào độ nghiêm trọng của từng vụ việc: (1) yêu cầu làm bản kiểm điểm trước chính

quyền, (2) tiến hành góp ý, phê bình tại cộng đồng dân cư, (3) xử lý hành chính, (4) đưa đi cải tạo, hoặc (5) đưa ra tòa xử và thủ phạm có thể bị đi tù.

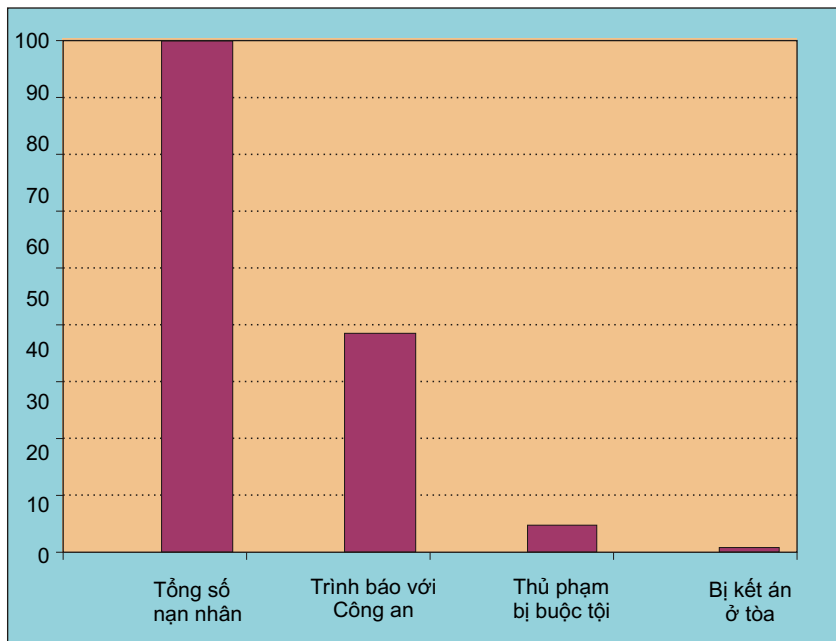
Dữ liệu điều tra cho thấy có rất ít người gây bạo lực bị xử lý hành chính (28%). Tình trạng này là tương tự ở cả thành thị lẫn nông thôn, ở các gia đình người Kinh lẫn dân tộc thiểu số. Có sự khác biệt giữa các vùng miền: ở miền Trung, 33% những người gây bạo lực bị xử lý hành chính, còn tỷ lệ này ở miền Nam chỉ là 26% và miền Bắc là 24%.

Việc chỉ có ít biện pháp xử lý đối với người gây bạo lực dẫn đến nhiều hậu quả, nhất là các biện pháp đó chưa hữu hiệu trong việc phòng ngừa bạo lực tái diễn và thủ phạm trả thù nạn nhân. Nó cũng đưa ra một tín hiệu sai cho thủ phạm là bạo lực được phép tiếp diễn, khiến nạn nhân có nguy cơ bị bạo lực nhiều hơn.

Em bị đánh có báo với công an 4, 5 lần. Công an mời anh ấy tới đồn, lập biên bản nhưng sau đó lại đầu vào đấy. (Nạn nhân H)
Cũng có một lần chồng em làm ấm i nhà cửa lên, sau đấy cũng bị công an gọi 2 lần rồi, cũng phạt tiền 200.000 đồng. Nhưng rồi lại về, rồi tiếp tục, tính nết vẫn như thế. Báo công an dễ dàng, không có khó khăn gì, mấy lần họ xuống ngay. Chỉ có cái chúng em nghĩ báo công an vẫn thế. (Nạn nhân H)

Tỷ lệ thủ phạm bị buộc tội về mặt pháp luật sau khi bị báo công an là rất thấp, chỉ 12%. Điều này có nghĩa là trong 81% các vụ việc được nạn nhân trình báo công an thì thủ phạm không bị buộc tội. Trong số 46 vụ việc ra tòa thì chỉ có 8 vụ thủ phạm bị kết án. Qua kết quả này, chúng ta có thể thấy rằng cơ quan công an và tư pháp vẫn chưa xử lý bạo lực gia đình một cách nghiêm khắc. Theo dữ liệu ở đây thì chỉ 1 trong 100 vụ bạo lực gia đình, thủ phạm mới bị kết án tại tòa (hình 16).

Hình 16. Sự bỏ sót trong quá trình xử lý các vụ bạo lực gia đình: tổng số nạn nhân (tổng số nạn nhân bị bất kỳ dạng bạo lực gia đình nào trong phạm vi khảo sát này), tỷ lệ vụ việc được công an ghi nhận, tỷ lệ vụ việc thủ phạm bị buộc tội, tỷ lệ kết tội tại tòa án (%)

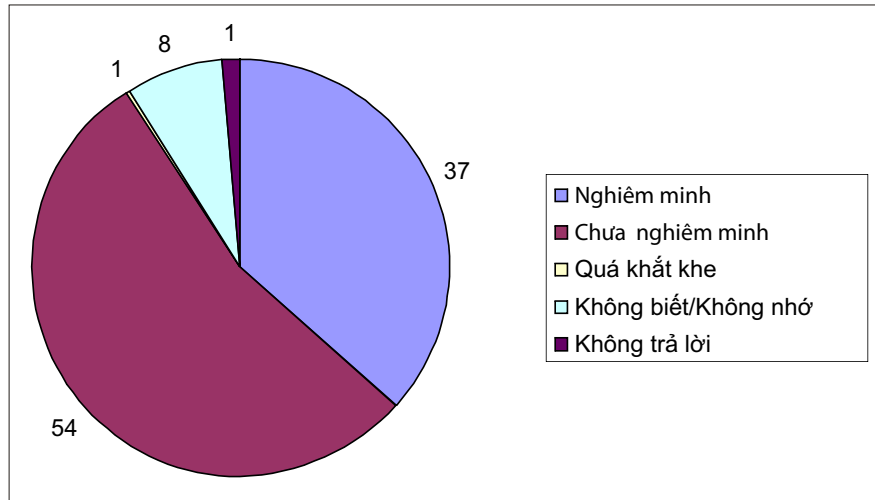


“Bỏ sót” ở đây nói tới việc các vụ bạo lực được xử lý cứ rơi rụng dần khi đi qua các khâu trong hệ thống tư pháp hình sự, từ trình báo với công an, đến điều tra vụ việc, buộc tội nghi phạm, truy tố, kết án và tuyên án (xem Holly Johnson và đồng sự 2008, 145). Phát hiện của nghiên cứu này khẳng định lại điều đã được biết ở các nước khác, đó là chỉ một phần nhỏ trong tổng số các vụ bạo lực chống lại phụ nữ thì thủ phạm mới bị kết án. Sự bỏ sót xảy ra

ngay từ đầu quá trình vì chỉ một phần nhỏ các vụ bạo lực được trình báo lên công an. Như số liệu cho thấy, ở Việt Nam hầu hết các vụ việc trình báo lên công an không dẫn tới việc thủ phạm bị buộc tội.

Khi được hỏi liệu các biện pháp xử lý của công an đã đủ nghiêm minh chưa, đa phần các phụ nữ đều cho là chưa (54%) (hình 17). Tuy nhiên, vẫn có 37% các phụ nữ cho rằng các biện pháp xử lý của công an là nghiêm minh. Phù hợp với phát hiện ở trên là các thủ phạm ở miền Trung bị xử lý hành chính nhiều hơn, các nạn nhân ở miền Trung cũng đánh giá rằng công an xử lý các vụ việc nghiêm minh với tỷ lệ cao hơn ở miền Bắc và miền Nam (bảng 8).

Hình 17. Sự nghiêm minh trong các biện pháp xử lý của công an đối với những người gây ra bạo lực gia đình theo quan điểm của đối tượng phỏng vấn (%)

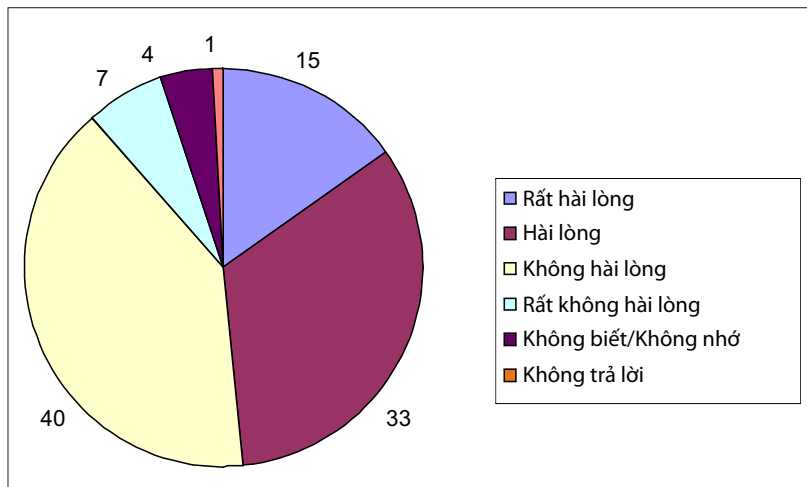


Bảng 8. Quan điểm của nạn nhân về sự nghiêm minh trong các biện pháp xử lý của công an đối với thủ phạm (%)

	<i>Nghiêm minh</i>	<i>Chưa nghiêm minh</i>	<i>Quá khắt khe</i>	<i>Không nhớ/không trả lời</i>
Tổng	37	54	1	9
Miền Bắc	33	57	1	10
Miền Trung	47	46	1	7
Miền Nam	27	63	0	10

Số liệu điều tra cho thấy nhiều người không hài lòng với kết quả làm việc của công an: 40% không hài lòng và 7% rất không hài lòng (hình 18). Mức độ hài lòng thay đổi theo vùng miền. Nhìn chung, nhiều nạn nhân ở 3 miền không hài lòng với kết quả làm việc của công an. Nhưng như đã nêu ở trên, công an ở miền Trung được đánh giá cao hơn, với 21% rất hài lòng và 35% hài lòng (bảng 9).

Hình 18. Sự hài lòng của nạn nhân với kết quả làm việc của công an (% người trả lời)

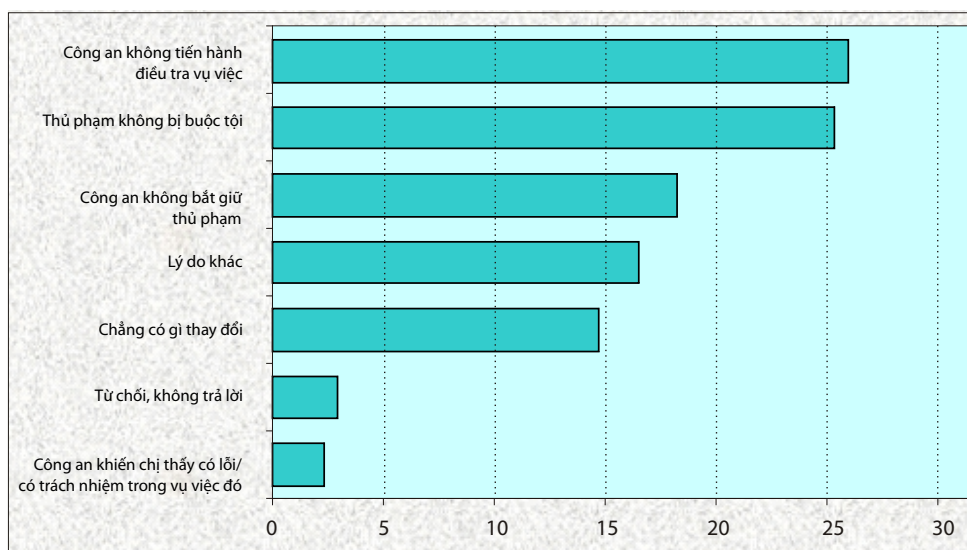


Bảng 9. Sự hài lòng của nạn nhân với kết quả làm việc của công an theo vùng miền (%)

		Rất hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng	Rất không hài lòng	Không biết / Không nhớ	Không trả lời
Tổng		15	33	40	7	4	1
Miền	Bắc	11	28	47	8	4	2
	Trung	21	35	39	2	2	1
	Nam	11	35	37	11	6	0

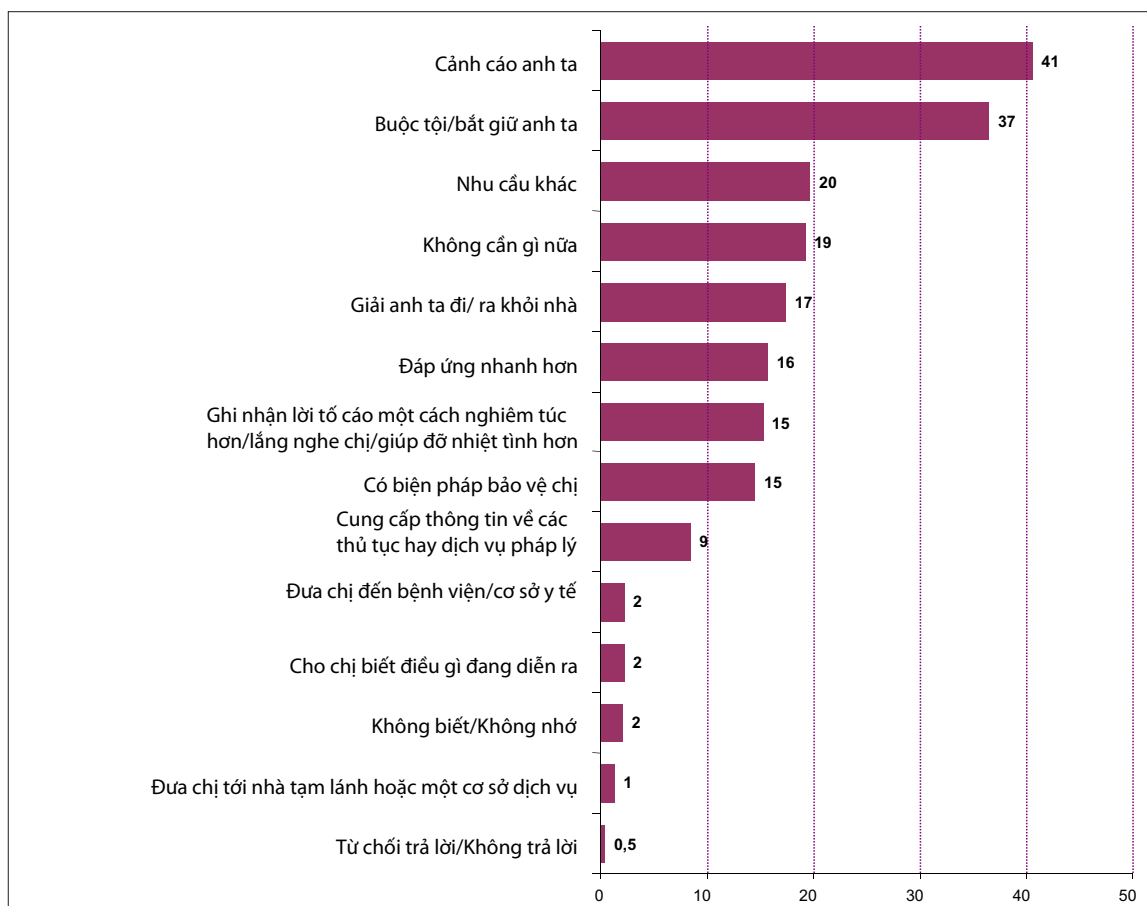
Hình 19 cho thấy lý do vì sao nạn nhân không hài lòng với kết quả công việc của công an. Lý do chủ yếu khiến nạn nhân không hài lòng là công an không tiến hành điều tra vụ việc (24%) hoặc không buộc tội thủ phạm (24%).

Hình 19. Lý do vì sao nạn nhân không hài lòng với kết quả công việc của công an (% n=189)



Các phụ nữ cũng được hỏi còn điều gì khác họ muốn công an làm, và nêu ra 3 mong muốn. Các câu trả lời chủ yếu đề cập đến nhu cầu được cung cấp thông tin về thủ tục xử lý vụ việc, nhu cầu được cung cấp thông tin về những dịch vụ hiện có, các hành động mà công an đáng lẽ phải làm đối với thủ phạm, và hành vi của công an (hình 20).

Hình 20. Nạn nhân mong muốn công an phải làm những điều gì khác (%)



Những lời kể dưới đây từ phỏng vấn định tính cho thấy tình huống mà công an không quan tâm nghiêm túc tới lời khai của người phụ nữ, mặc dù nạn nhân bị bạo lực nghiêm trọng và thường xuyên:

Bình thường đánh không dã man quá thì em không báo công an đâu. Thường thường cãi nhau, cãi thì em không cãi nổi, em chỉ kêu gào thôi. Sáng hôm sau, em báo công an, bên công an họ bảo về nhà thu xếp, người ta không muốn đến vì những phi vụ cãi nhau này. Lần khác, người ta chỉ bảo gọi ra để người ta kiểm điểm. Về thì chồng em lại cà khịa kiểu ra điều mấy báo công an thì lần này về tao thật mày. Một lần em cũng ra giục công an, các anh phải ra giải quyết đi, nhưng mà công an khu vực còn trả lời thẳng luôn: "Ui giờ, em còn ngồi uống bia với anh ấy trên quán trên kia kìa". Rồi bảo chị cứ yên tâm em gọi anh ra đây, em dọa cho anh ấy một trận.(...) Nhiều lúc đang đánh em, em lên báo bảo vệ của công an, ông công an thì phải có đơn thì người ta mới xuống. (Nạn nhân X)

Câu hỏi cuối về công an trong bảng hỏi là câu: "Xét từ kinh nghiệm mà chị có về cung cách làm việc của công an, nếu chuyện tương tự xảy ra, chị có đi trình báo công an không?". Với câu hỏi này, 60% các phụ nữ trả lời sẽ trình báo, 35% không trình báo, và 5% không trả lời được. Trong số những người đã báo công an, 79% trả lời họ sẽ trình báo vụ việc tương tự, trong khi tỷ lệ này ở những người chưa trình báo công an là 46%.

Tỷ lệ những phụ nữ không trình báo vụ việc tương tự là khá cao, cao hơn ở nông thôn (37%) so với thành thị (32%),

cao hơn ở miền Nam (42%) và miền Bắc (42%) so với miền Trung (22%). Về lứa tuổi và tình trạng hôn nhân, số liệu cũng cho thấy sự khác biệt. Trong số các nạn nhân tuổi 21-30, 31% sẽ không trình báo vụ việc tương tự, còn ở lứa tuổi 51-60 là 42%. Trong số các phụ nữ đang có chồng, 37% không trình báo vụ việc tương tự, so với tỷ lệ 26% ở phụ nữ ly thân và 19% ở phụ nữ ly hôn.

Mặc dù 60% người trả lời cho biết họ sẽ trình báo vụ việc tương tự, chỉ có 37% tổng số nạn nhân được phỏng vấn cho rằng bạo lực gia đình là tội phạm. 54% cho rằng bạo lực gia đình là "sai trái nhưng không phải là tội phạm" và 7% cho rằng đây là "chuyện bình thường xảy ra".

58% tổng số các phụ nữ được phỏng vấn trong cuộc khảo sát này rất tin cậy ở công an (31%) hoặc tin cậy ở công an (27%), tỷ lệ không tin cậy là 13%. 23% thấy bình thường (không nhiều, không ít) và 5% không tỏ rõ quan điểm.

III.5. Những thách thức mà lực lượng công an gặp phải

Phát hiện ở phần này dựa trên dữ liệu thu thập được từ các cuộc phỏng vấn sâu với công an ở 5 tỉnh. Thách thức ở đây bao gồm các vấn đề như thu thập bằng chứng, thiếu cán bộ chuyên trách và công an nữ, thiếu tập huấn, thiếu các biện pháp được quy định trong luật và nhiệm vụ quá nhiều.

Thông thường, công an tới sau khi bạo lực đã xảy ra. Nhiều trường hợp, việc thu thập bằng chứng rất khó khăn. Nạn nhân thường không dứt khoát trong việc trình báo hoặc có thể bãi nại ngay trong quá trình điều tra. Cũng có khó khăn tương tự với người làm chứng: trong nhiều trường hợp, lời khai của nhân chứng là không rõ ràng hoặc nhân chứng rút lại lời khai vì coi chuyện gia đình là tế nhị, riêng tư.

*Về vụ lột quần áo vợ bắt đứng ngoài sân suốt đêm, đến sáng hôm sau chúng tôi về xác minh, nhưng việc đó là rất khó vì chị L. cũng không trình bày thì chúng tôi không có căn cứ được (Công an V)
Nếu như cơ quan điều tra xuống mà mọi việc xong hết rồi thì cũng gặp các khó khăn. (Công an D)*

Khi được hỏi nạn nhân cần phải làm gì khi thủ phạm là họ hàng hoặc quen biết với công an địa phương, một số công an viên khuyên nên báo trực tiếp với cơ quan công an cao hơn.

Trong những trường hợp này thì người bị hại phải có đơn. Nếu gửi đơn ở xã bị chìm hết do người nhà thì có thể đơn trực tiếp đến cơ quan cao hơn trình bày vấn đề. Cơ quan tiến hành vẫn phải làm, không thể giấu đi được đâu cả. (Công an P)

Lực lượng công an không có nhiều nữ và số nữ công an chủ yếu làm quản lý hành chính, cơ quan tham mưu hoặc hậu cần. Đôi khi cấp trên cử nữ công an tham gia xử lý bạo lực gia đình, ví dụ khi phải khám nữ nghi can, hoặc khi có một phụ nữ gây cản trở cho nam công an thi hành công vụ. Khi được hỏi về việc liệu có cần nữ công an tham gia phòng chống bạo lực gia đình, các cán bộ công an được phỏng vấn đều trả lời là cần, nhất là vì các nạn nhân là phụ nữ sẽ dễ trò chuyện với phụ nữ về những vấn đề tế nhị. Như vậy công an nữ sẽ dễ thu thập được các bằng chứng liên quan. Các nạn nhân cũng có chung quan điểm như vậy.

*Nạn nhân chủ yếu là nữ. (...) Khi hết công việc là nam giới tổ chức nhậu nhẹt, bài bạc. Vợ không đồng ý là đánh. Chúng tôi rất cần có nữ công an chuyên trách. (Công an A)
Đang ngủ cũng bị lôi dậy đánh. Nên có nữ cảnh sát để bị đánh lúc đêm hôm có thể gọi đến chứng kiến cho mình lúc mình bị đánh và giúp đỡ mình, chứ không thường họ nghĩ mình bị đánh là do mình nói nhiều, do lỗi của phụ nữ. (Nạn nhân W)
Công an không quan trọng là nam hay nữ, ăn thua ở cách làm việc có công minh không. Khi đã mặc quân phục thì phải ăn nói với dân thế nào khi dân đến cầu cứu chứ không thể xua đuổi sổ sàng. (Nạn nhân T)*

Theo lời các cán bộ công an được phỏng vấn, số lượng các vụ bạo lực gia đình được công an xử lý không chiếm nhiều phần trăm so với công việc hàng ngày của họ. Họ đưa ra 2 lý do: một phần do các nạn nhân không gửi đơn tố cáo, phần khác do các tổ hòa giải đã giải quyết phần lớn ở địa phương.

Nhóm tội danh liên quan bạo lực gia đình ít, khoảng 1-2% tổng số các vụ mất trật tự an ninh xã hội trong 1 năm. Chỉ những vụ có dấu hiệu tội phạm hình sự hoặc chưa hòa giải thành ở dưới địa phương thì mới chuyển lên cơ quan điều tra thụ lý. (Công an T)
Bạo lực gia đình không phải là ngày nào cũng có. Có thể trong tháng có 2-3 vụ, có tháng lại không có vụ nào. (Công an B)

Công an không có cán bộ chuyên trách, được tập huấn đầy đủ để theo dõi bạo lực gia đình. Nếu vụ việc xảy ra, có người nào ở nhà thì cấp trên phân công người đó giải quyết. Vì vậy hoạt động điều tra và xử lý không theo một hệ thống. Công an cũng cho rằng họ chưa được trang bị kỹ năng đặc biệt để đối phó với một vấn đề phức tạp như bạo lực gia đình.

Mỗi nguy hiểm của bạo lực gia đình đối với nạn nhân cao hơn bạo lực xã hội. Tuy nhiên công an không được trang bị các kỹ năng đặc thù để giải quyết các vụ bạo lực gia đình. (Công an D)

Khi được hỏi về vai trò và trách nhiệm của mình, nhiều cán bộ công an tỏ ra nắm chắc các thủ tục và vai trò của công an như luật pháp quy định. Tuy nhiên, họ cũng cho rằng theo quy định của luật thì vẫn chưa có đủ biện pháp hữu hiệu để bảo vệ nạn nhân của bạo lực gia đình, vì vậy càng khó cho công an để có thể bảo vệ nạn nhân.

Chúng tôi thuộc đội hình sự, điều tra các vụ án về bạo lực gia đình. Về nguyên tắc, tất cả cá vụ án hình sự và dân sự đều phải được điều tra một cách có hệ thống theo đúng luật tố tụng hình sự. Những vụ bạo lực gia đình được trình báo lên cơ quan tư pháp hình sự là rất ít. Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, xóm, người thân hòa giải trước, nặng mới đem lên. Việc công an xử lý như là biện pháp cuối cùng vì các tổ chức đoàn thể đã sàng lọc hết, làm cho họ chủ động hòa giải dưới địa phương. (Công an D)
Về bạo lực gia đình, chúng tôi chủ yếu là phòng ngừa còn đấu tranh xử lý thì rất ít. (...) Về quy trình xử lý tùy từng vụ việc. Nếu người bị hại trực tiếp đến báo thì giải quyết luôn. Nếu vụ việc kéo dài thì phải có đơn tố giác gửi công an. Nếu phạm tội nhiều lần sẽ đưa đi quản lý giáo dục tại địa phương, có sự giám sát, nhận xét của địa phương trong vòng 6 tháng. Theo quy định thì tỷ lệ thương tật là trên 11% thì truy tố nhưng tùy mức độ vụ việc, nếu chưa đến 11% mà có dấu hiệu nghiêm trọng thì vẫn xử. Mà chưa đạt mức độ đó thì chúng tôi sẽ xử lý về hành chính, giáo dục công dân. (Công an T)

Tuy nhiên, trong khi thảo luận nhóm tại một quận, các chị em có nói tới một vài trường hợp mà công an mắng nạn nhân. Khi được hỏi về các trường hợp này trong khi phỏng vấn sâu, các cán bộ công an của quận cũng thừa nhận rằng một số công an có hành vi chưa tốt và chưa đúng luật.

Gần đây nhất em bị đánh, tối tắm mặt mũi, em chỉ biết chạy ra dân phòng kêu các chú vào cứu, nhưng lại bị dân phòng nạt nộ, công an phường cũng mắng và nói là "Chuyện gia đình sao lại gọi chúng tôi vào?". Em trình bày thì họ có nói là "Cô nói hết chưa?", rồi quay ra mắng và sỉ vả em trước mặt chồng. (...) Mấy chú công an đó kỳ quá à. (...) Họ nói luôn với chồng em "Anh không thích sống với vợ nữa thì mai lên phường xin ly dị đi, còn cô đi khám thương xem thế nào". (Nạn nhân T)
Chính tôi ở xóm vừa rồi gọi tổ trưởng dân phố xuống vì có vụ cô hàng xóm bị chồng đánh mà họ còn la người đàn bà đó rồi ra về. Bây giờ đàn ông bệnh nhau không à. (Nạn nhân K)

Công an ít được tập huấn về bạo lực gia đình. Điều này gây nhiều khó khăn cho công an viên cấp xã phường là những người đầu tiên trực tiếp xử lý các vụ việc bạo lực gia đình. Một vài người được đi dự các buổi tuyên truyền về Luật phòng chống bạo lực gia đình do Tư pháp hoặc Hội phụ nữ tổ chức. Nhìn chung, kiến thức của họ về bạo lực gia đình rất hạn chế. Nhiều anh chưa đọc Luật, chỉ biết Luật qua phương tiện truyền thông. Đáng chú ý, các anh cho biết việc Luật này được ban hành và tuyên truyền đã có tác động đến công việc của công an. Khi người dân biết quyền của mình thì sẽ giúp ích cho lực lượng cảnh sát trong quá trình điều tra.

Bên cạnh áp dụng các nguyên tắc luật pháp, công an còn xử lý bạo lực gia đình theo kinh nghiệm. Họ nhận thấy giải quyết các vụ bạo lực gia đình rất vất vả và không kết quả ngay như các vụ xung đột xóm giềng.

Các công an được phỏng vấn cũng phản ánh việc công an xã có các trách nhiệm quá nặng nhọc.

*Nếu nói công việc công an xã thì chúng tôi có 14 công an viên, 9 nhiệm vụ và 5 quyền hạn. Công an xã phải làm tất cả các đầu việc như công an huyện, còn thêm về trật tự an toàn xã hội, ma túy, kinh tế, giao thông. (Công an X)
Xã có 11 thôn, mỗi thôn có 1 công an viên. Các công an viên không làm việc 100% thời gian vì họ còn phải đi làm ăn kiếm sống, khi về họ tham gia ngoài giờ. Trợ cấp cho công an viên là 210,000 đồng/tháng. Khi có việc xảy ra, vào bất kỳ giờ nào công an thường trực cũng phải xuống giải quyết. (Công an H)*

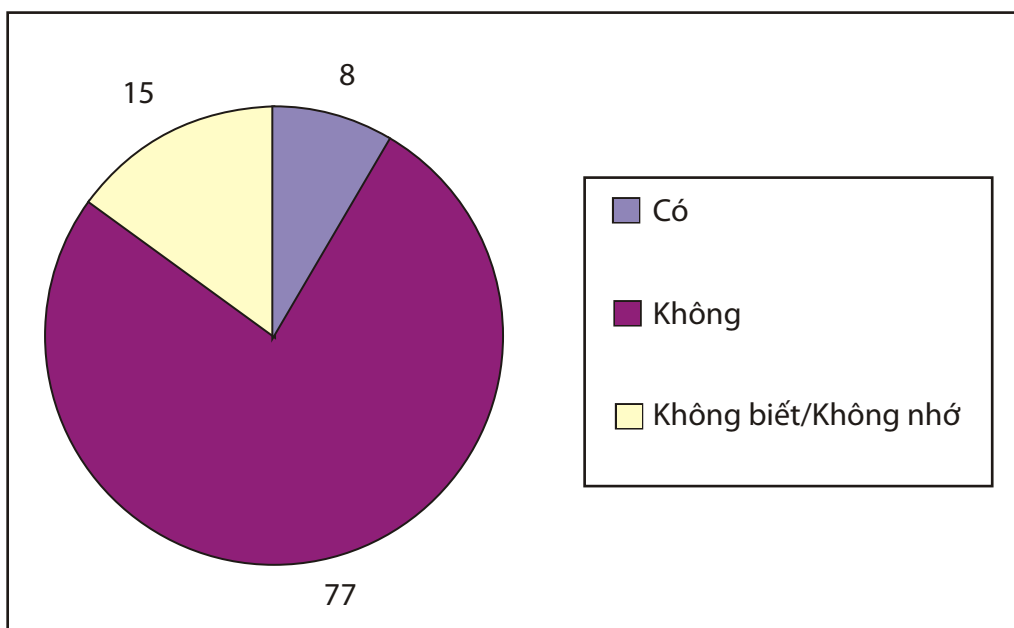
Phần IV. Hỗ trợ pháp lý cho các nạn nhân bạo lực gia đình

Phần này trình bày những phát hiện về những hỗ trợ pháp lý mà nạn nhân bạo lực gia đình nhận được. Nhóm điều tra thu thập thông tin về việc làm thế nào và vì sao mà một vụ việc được (hoặc không được) cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý biết đến. Các phụ nữ cũng được hỏi xem họ có được cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý cung cấp đầy đủ thông tin và họ có hài lòng với sự trợ giúp này hay không. Điều quan trọng là các cán bộ điều tra chỉ hỏi về vụ việc nghiêm trọng nhất được trình báo cảnh sát hoặc vụ việc nghiêm trọng nhất xảy ra hai năm qua chưa được trình báo. Các thông tin bổ sung được thu thập qua phỏng vấn sâu với các cán bộ tư pháp.

IV.1. Những vụ bạo lực gia đình mà cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý biết đến

Chỉ có 8% những người trả lời cho biết các vụ bạo lực gia đình nghiêm trọng nhất đã được cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý biết đến, 77% các vụ việc không được biết đến. Đáng chú ý là 15% những người trả lời không biết hoặc không nhớ liệu vụ việc của mình đã được báo cáo đến cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý hay chưa.

Hình 21. Các vụ bạo lực gia đình được cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý biết đến (% người trả lời)



Bảng 10 cho biết tổng quan xã hội-nhân chủng học của các vụ việc được cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý biết đến. So với phụ nữ ở miền Nam (4%) và miền Bắc (3%), phụ nữ ở miền Trung có tỷ lệ báo cáo cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý cao hơn (18%). Trong tổng số 74 vụ của nghiên cứu này mà cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý đã biết đến, 72% ở miền Trung. Như vậy, các nạn nhân ở miền Trung có lẽ trình báo tư pháp và công an nhiều hơn (xem phần III ở trên). Các phụ nữ ly hôn và ly thân trình báo nhiều hơn phụ nữ đang có chồng.

Bảng 10. Tỷ lệ các vụ được cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý biết đến (%)

	Có	Không	Không biết / Không nhớ	Tổng	n
Tổng	8	77	15	100	900
Thành thị-nông thôn					
Thành thị	9	80	11	100	369
Nông thôn	8	75	18	100	531
Miền					
Bắc	3	88	8	100	319
Trung	18	75	7	100	297
Nam	4	66	30	100	284
Lứa tuổi					
< 20	22	67	11	100	9
21-30	4	75	21	100	114
31-40	10	78	12	100	348
41-50	8	76	16	100	316
51-60	8	79	16	100	106
> 60	0	57	43	100	7
Dân tộc					
Kinh	9	77	14	100	828
Khác	1	69	30	100	71
Từ chối, không trả lời	0	100	0	100	1
Trình độ học vấn					
Chưa đi học/chưa học xong tiểu học	9	61	30	100	88
Tiểu học	7	65	28	100	177
Trung học cơ sở	8	82	10	100	466
Trung học phổ thông	10	81	9	100	140
Học nghề/Hướng nghiệp sơ, trung cấp	12	88	0	100	17
Cao đẳng/Đại học trở lên	0	90	10	100	10
Không biết /Không nhớ	0	100	0	100	1
Từ chối, không trả lời	0	100	0	100	1
Thu nhập					
Có thu nhập đều đặn	9	75	16	100	682

Thỉnh thoảng có thu nhập	6	82	12	100	188
Không có thu nhập	7	80	13	100	30
Quyết định chi tiêu					
Được quyết định toàn bộ	8	77	16	100	555
Được quyết định một phần	10	77	14	100	262
Không được quyết định	10	75	15	100	52
Từ chối, không trả lời	0	0	100	100	1
Hộ nghèo					
Là hộ nghèo	8	67	25	100	187
Không là hộ nghèo	8	79	12	100	710
Không biết /Không nhớ	0	100	0	100	2
Từ chối, không trả lời	0	100	0	100	1
Tình trạng hôn nhân					
Đang có chồng	6	79	15	100	726
Góa chồng	0	63	38	100	8
Ly hôn	25	69	6	100	48
Ly thân	14	67	19	100	110
Sống chung với bạn tình	13	75	13	100	8

Ngoài ra, bảng 10 cho thấy những phụ nữ không biết vụ việc của mình có được cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý biết đến hay không tập trung với tỷ lệ cao hơn ở các nhóm: phụ nữ miền Nam, phụ nữ các dân tộc thiểu số và phụ nữ có trình độ học vấn thấp (bảng 10). Điều này cho thấy một số nhóm nạn nhân có thể không biết về dịch vụ hỗ trợ pháp lý.

Hầu hết người trả lời nói họ không biết hoặc chưa bao giờ tới văn phòng tư pháp/trợ giúp pháp lý. Điều này khẳng định tình hình chung là người dân Việt Nam ít sử dụng các dịch vụ hỗ trợ pháp lý (UNDP 2004, 10-14).

IV.2. Lý do không trình báo bạo lực gia đình với cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý

Như trình bày trong bảng 11, nguyên nhân phổ biến nhất để các chị em này không trình báo với cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý vì họ coi đây là vấn đề gia đình và tự giải quyết (29%) hoặc vì coi đây là chuyện nhỏ nhặt. Các chị em cũng không báo vì cảm thấy xấu hổ, tự trách cứ (13%); về vấn đề này, lý do muốn giữ kín chuyện cũng được 12% người trả lời đề cập đến.

Tuy nhiên, việc phân tích gặp khó khăn vì nhiều đối tượng khảo sát trả lời với phương án “lý do khác” (23%) và không biết, không nhớ lý do vì sao không trình báo (32%). Trong số này có thể bao gồm cả những người không biết tới dịch vụ hỗ trợ pháp lý.

Bảng 11. Lý do nạn nhân không trình báo với cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý (% người trả lời)

Lý do	%
Tự giải quyết/Đó là chuyện gia đình	29

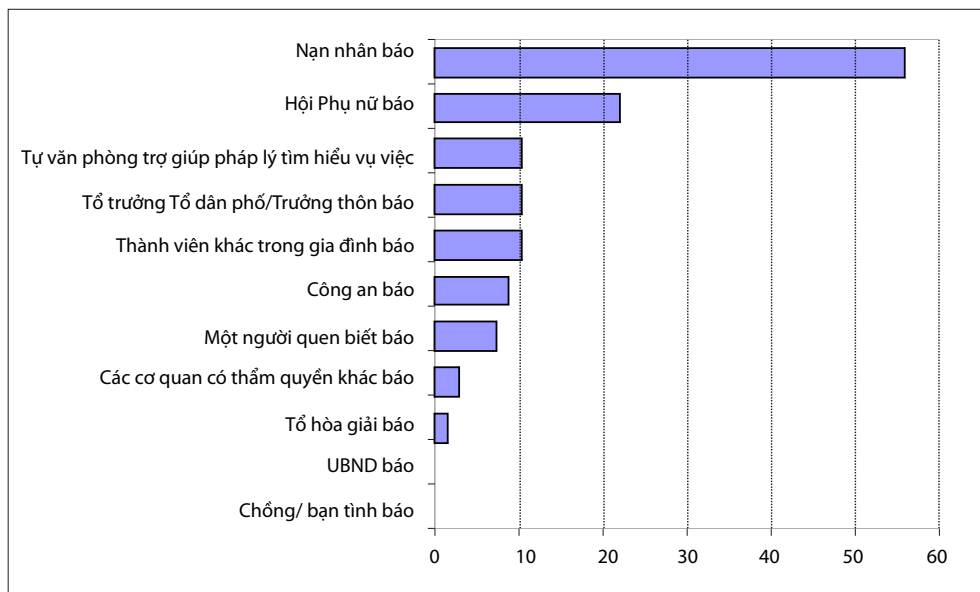
Chuyện quá nhỏ nhặt/Không nghiêm trọng	18
Xấu hổ, lúng túng / Cứ nghĩ là lỗi tại mình	13
Không muốn ai biết / Giữ kín chuyện	12
Sợ kẻ đánh mình / Sợ bị trả thù	11
Báo sự việc với người khác	8
Cho rằng cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý sẽ không làm gì hết	3
Không muốn thủ phạm bị bắt giữ / gặp rắc rối với công an	3
Cho rằng cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý chẳng thể làm được gì	2
Sợ họ không tin mình	1
Không thuộc diện được trợ giúp pháp lý	1
Lý do khác	23
Không biết/Không nhớ	32

Một số phụ nữ sợ bị chồng trả thù nếu chồng phát hiện ra việc họ đến gặp tư pháp/trợ giúp pháp lý như trích dẫn dưới đây từ nghiên cứu định tính.

Đánh 8 năm nay rồi. Từ trước em cứ chịu đựng, em không báo công an. Đợt đánh đập, đập chai bia vào đầu em, em phải đi cấp cứu thì em đến bệnh viện đa khoa. Ở đấy có Trung tâm tư vấn, họ giúp đỡ em, họ bảo là bây giờ có vấn đề gì thì cứ đến hỏi. Em cũng đến, nhưng từ khi chồng em biết em đến Trung tâm tư vấn đấy thì chồng em lại hành hạ em hơn, bảo "Mày bôi nhọ danh dự tao, mày làm tao mất điểm. Mày báo pháp lý này nọ, như thế là làm xấu mặt chồng." (Nạn nhân K)

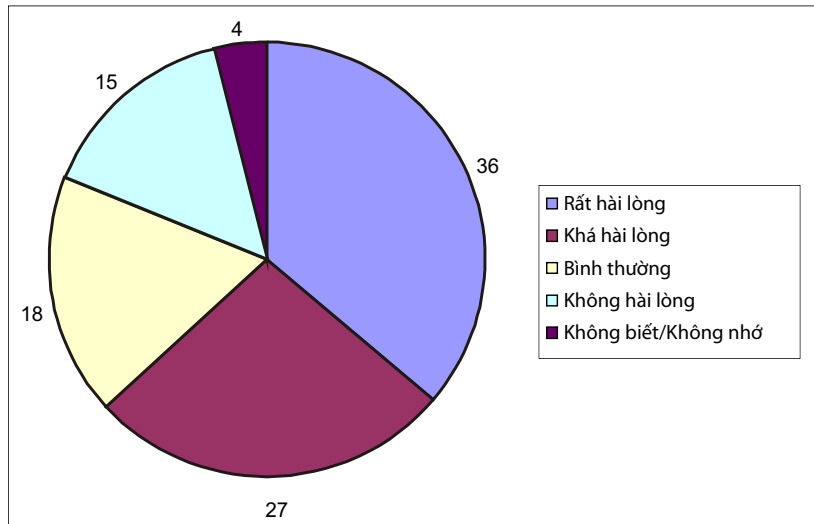
Trong hầu hết các trường hợp, các nạn nhân tự báo cho cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý. Hội phụ nữ báo tin trong 20% các trường hợp.

Hình 22. Ai báo cho cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý biết (% , n=74)



68% các phụ nữ cho biết cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý đã giải thích đầy đủ về quy trình xử lý vụ việc (ví dụ việc gì sẽ được thực hiện, bao giờ thực hiện). 64% các phụ nữ đã tiếp cận cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý thấy rất hài lòng hoặc khá hài lòng với sự trợ giúp. Không có người nào rất không hài lòng, nhưng 15% thấy không hài lòng (hình 23).

Hình 23. Sự hài lòng của người trả lời về dịch vụ tư pháp/trợ giúp pháp lý (% , trong số những người đã sử dụng dịch vụ, n=74)



IV.3. Những thách thức mà cán bộ tư pháp gặp phải

Phát hiện trong phần này được rút ra từ dữ liệu của các cuộc phỏng vấn sâu với cán bộ tư pháp ở 5 tỉnh. Như đã nói ở trên, nhiệm vụ chính của cơ quan tư pháp cấp huyện và cấp xã là tuyên truyền các luật, nhất là các luật mới, thông qua hình thức đại trà, tức là triệu tập các đại diện của các ngành, đoàn thể đến nghe phổ biến luật. Rất ít người dân được tham dự các cuộc họp phổ biến này. Vì vậy luật khó đến với người dân theo kênh của cán bộ tư pháp. Ở nhiều địa phương người dân coi tổ hòa giải là tư vấn pháp lý.

Về phòng chống bạo lực gia đình và bình đẳng giới, huyện đã đặt vào vị trí chú trọng. Chúng tôi đã in 50,000 tờ rơi về Luật Bình đẳng giới gửi tới toàn bộ 24 xã, thị trấn và một số đơn vị trên địa bàn. (...) Nếu có vấn đề gì bạo hành, thông qua các con đường khác nhau, đơn vị tại Trung tâm y tế huyện, hoặc qua Hội phụ nữ, qua công an. Sẽ tư vấn pháp lý, hoặc thông qua điện thoại, không phải trả tiền. Thường nạn nhân đến gặp cán bộ tư pháp cơ sở, hoặc có vấn đề gì vướng thì đến gặp cán bộ tư pháp huyện. (Cán bộ tư pháp H)

Phòng tư pháp quận có 7 người, công việc có 14 nhiệm vụ chủ yếu, trong đó là công tác tuyên truyền, tư vấn, kiểm tra văn bản, chứng thực, hộ tịch, phụ trách hòa giải cơ sở, quản lý văn phòng luật sư. Công việc tư pháp ở quận rất nhiều, tuyên truyền chỉ là một mảng trong công việc hàng ngày. Về Luật phòng chống bạo lực gia đình, đã tổ chức hội thi, hội thảo để tuyên truyền. Nạn nhân bạo lực gia đình chưa thấy trình báo trực tiếp đến quận. Có trình báo họ hay trình báo dưới phường trước. (Cán bộ tư pháp C)

Chức năng, nhiệm vụ của tư pháp xã thì có 12 đầu việc, nếu mà nêu ra thì không nhớ hết được. Ví dụ như là soạn thảo văn bản, giúp UBND kiểm tra văn bản, đăng ký hộ tịch, chứng thực, phổ biến giáo dục pháp luật. Mỗi năm hòa giải khoảng 1 đến 3 vụ xung đột nhưng có nhiều vụ không phải bạo lực gia đình. (Cán bộ tư pháp X)

Các thách thức đối với cán bộ tư pháp cũng rất giống với công an: đó là thiếu cán bộ chuyên trách về bạo lực gia đình, thiếu cán bộ nữ và không được tập huấn đầy đủ về bạo lực gia đình.

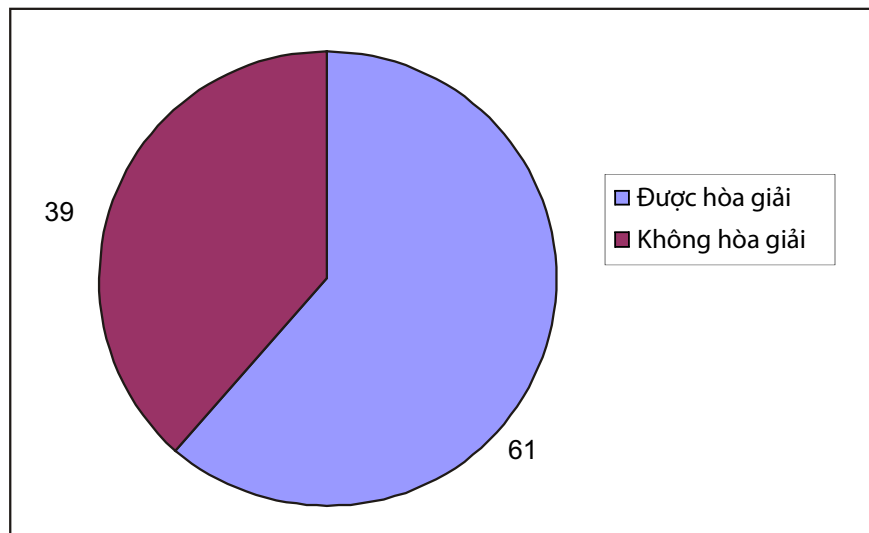
Phần V. Hòa giải như một biện pháp đối với bạo lực gia đình

Phần này tóm tắt những phát hiện liên quan đến hòa giải – một phương thức được sử dụng nhiều nhất trong xử lý bạo lực gia đình ở Việt Nam. Các đối tượng khảo sát được hỏi xem vụ việc của họ đã được hòa giải chưa, ai tiến hành hòa giải, kết quả hòa giải như thế nào và họ có hài lòng về kết quả đó không. Các câu hỏi và trả lời đều liên quan đến vụ việc nghiêm trọng nhất được trình báo công an hoặc vụ việc nghiêm trọng nhất xảy ra hai năm qua chưa được trình báo. Ngoài ra trong quá trình phỏng vấn sâu, cán bộ công an và tư pháp cũng được hỏi một số câu liên quan đến hòa giải.

V.1. Các vụ bạo lực gia đình được hòa giải

Đa số (61%) những phụ nữ được phỏng vấn nói rằng vụ việc của họ đã được hòa giải (hình 24). Bảng 12 cho thấy tổng quan xã hội-nhân khẩu học của những vụ việc được hòa giải, qua đó có thể thấy một số khác biệt giữa các nhóm. Về mặt địa lý, hòa giải được tiến hành phổ biến ở miền Trung hơn (79%), so với 52% ở miền Bắc và 54% ở miền Nam (bảng 12). Đối với nhóm cao tuổi nhất (phụ nữ trên 60 tuổi) và nhóm tuổi từ 51-60, việc hòa giải không phổ biến bằng những nhóm tuổi khác. So với các nhóm trình độ học vấn khác thì hòa giải được tiến hành nhiều hơn ở những nhóm chưa từng đi học, học hết tiểu học và học nghề, hướng nghiệp sơ, trung cấp. Không có sự khác biệt lớn về các tiêu chí dân tộc, nông thôn/thành thị, thu nhập, hộ nghèo hoặc tình trạng hôn nhân.

Hình 24. Tỷ lệ các vụ việc được hòa giải (% tổng số người trả lời)



Bảng 12. Tỷ lệ các vụ việc được hòa giải (%)

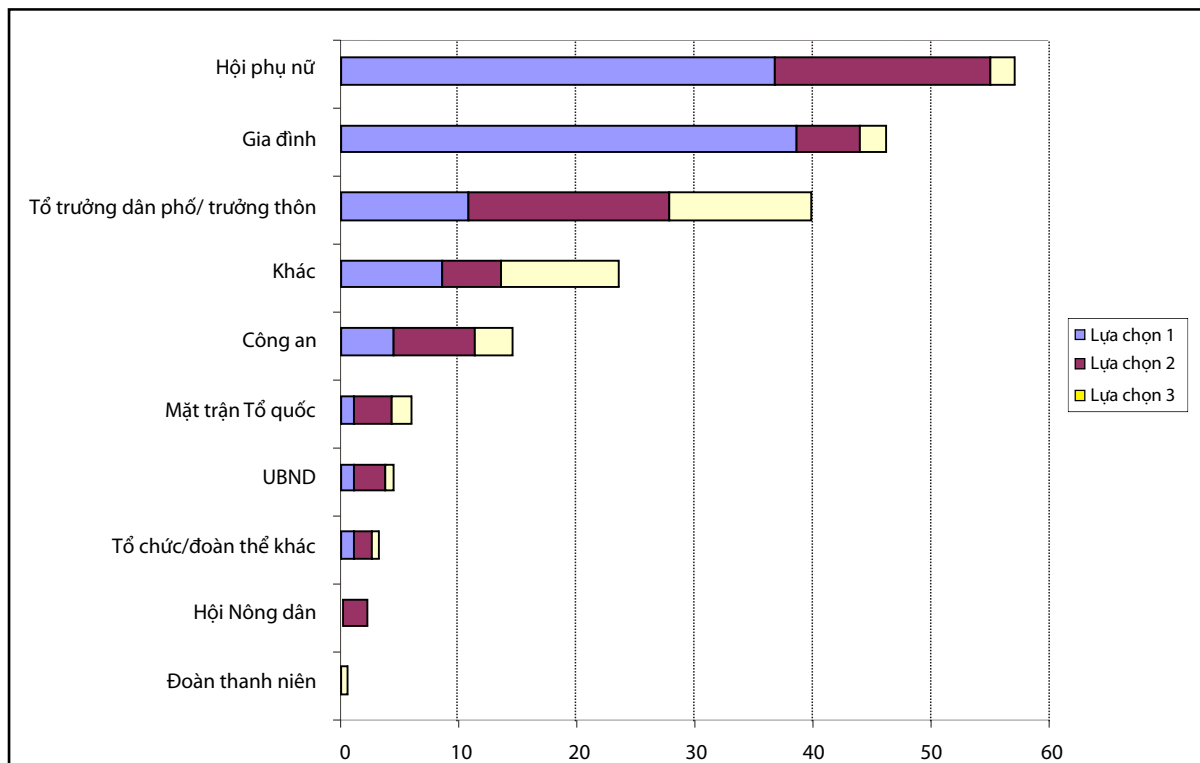
	Hòa giải	Không hòa giải	Tổng	n
Tổng	61	39	100	900
Thành thị-nông thôn				
Thành thị	64	36	100	369
Nông thôn	60	40	100	531
Miền				
Bắc	52	48	100	319
Trung	79	21	100	297
Nam	54	46	100	284

Lứa tuổi				
< 20	56	44	100	9
21-30	61	39	100	114
31-40	63	37	100	348
41-50	63	37	100	316
51-60	54	46	100	106
> 60	29	71	100	7
Dân tộc				
Kinh	61	39	100	828
Khác	62	38	100	71
Từ chối, không trả lời	0	100	100	1
Trình độ học vấn				
Chưa đi học/chưa học xong tiểu học	73	27	100	88
Tiểu học	61	39	100	177
Trung học cơ sở	60	40	100	466
Trung học phổ thông	60	40	100	140
Học nghề/Hướng nghiệp sơ, trung cấp	76	24	100	17
Cao đẳng/Đại học trở lên	30	70	100	10
Không biết /Không nhớ	0	100	100	1
Từ chối, không trả lời	0	100	100	1
Thu nhập				
Có thu nhập đều đặn	64	36	100	682
Thỉnh thoảng có thu nhập	51	49	100	188
Không có thu nhập	63	37	100	30
Quyết định chi tiêu				
Được quyết định toàn bộ	62	38	100	555
Được quyết định một phần	62	38	100	262
Không được quyết định	52	48	100	52
Từ chối, không trả lời	0	100	100	1
Hộ nghèo				
Là hộ nghèo	62	38	100	187
Không là hộ nghèo	61	39	100	710
Không biết /Không nhớ	100	0	100	2
Từ chối, không trả lời	100	0	100	1

Tình trạng hôn nhân				
Đang có chồng	62	38	100	726
Góa chồng	50	50	100	8
Ly hôn	60	40	100	48
Ly thân	60	40	100	110
Sống chung với bạn tình	25	75	100	8

Hình 25 cho thấy tỷ lệ hòa giải được thực hiện cao nhất bởi Hội phụ nữ (56%) và gia đình (45%). Những người trả lời kể ra 3 tổ chức chính đã thực hiện hòa giải: gia đình thường được kể tên đầu tiên, còn tổ trưởng dân phố/trưởng thôn và Hội phụ nữ thường được kể tên thứ 2. Công an tham gia hòa giải 14% vụ việc, còn Ủy ban nhân dân tham gia 4%.

Hình 25. Ai đã tiến hành hòa giải (%)



Trong nghiên cứu định tính, các phụ nữ cho biết công an thường yêu cầu nạn nhân tự giải quyết hoặc cố gắng hòa giải. Khi được hỏi, công an cũng khẳng định họ luôn cố gắng hòa giải và đặt hạnh phúc gia đình lên hàng đầu.

Em ở gần đồn công an nên em hay báo. Công an khuyên này nọ mà ông vẫn vậy thôi. Công an giải hòa cho mình thôi để về vợ chồng về sống với nhau vì công an không biết tội em đã ly thân mười mấy năm nay. (Nạn nhân P)

Tôi có cầu cứu công an, có lần xe zip xuống chở hai vợ chồng lên hỏi. Có chú H. công an ở đây rất thương tôi, thấy bị đánh là vào can, chồng tôi kêu là việc gia đình. Chú H. chỉ vào khuyên, hòa giải. (Nạn nhân X)

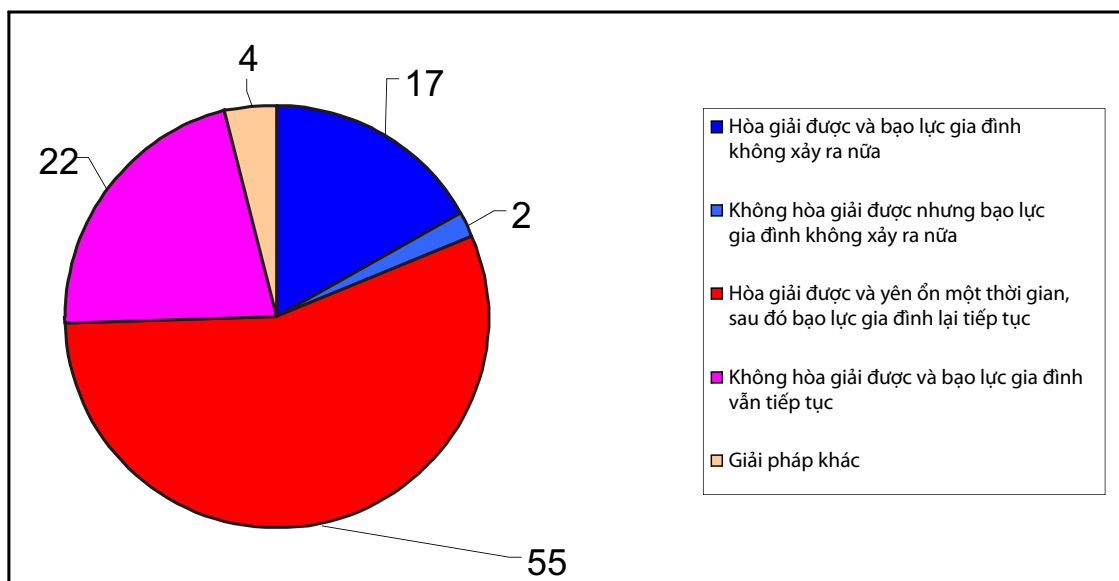
Chúng tôi cố gắng đảm bảo hạnh phúc gia đình và mọi người dân có hạnh phúc. Chúng tôi cũng tác động hòa giải, đảm bảo góc độ tình cảm giữa hai vợ chồng. Một mặt chúng tôi giáo dục người nam giới về vấn đề bạo lực gia đình, hành vi anh làm như thế là sai pháp luật. (Công an B)

Cảnh sát có cân nhắc đến tính nhạy cảm của các vụ việc bạo lực gia đình, đảm bảo yêu cầu của pháp luật, nhưng có cân nhắc đến đảm bảo hạnh phúc của gia đình nạn nhân sau mỗi vụ việc bạo lực gia đình. Nếu mức độ không đến mức truy tố thì hòa giải. (Công an D)

V.2. Kết quả hòa giải và sự hài lòng của nạn nhân

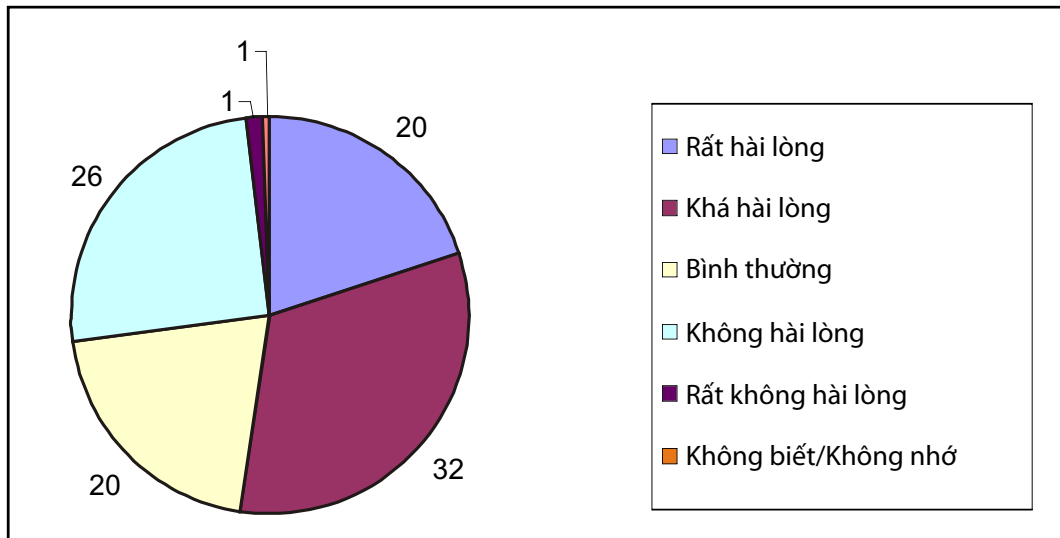
Hình 26 cho thấy trong các vụ bạo lực gia đình được hòa giải, có 17% đã thành công và bạo lực chấm dứt sau khi hòa giải. Tuy nhiên, với đa số người trả lời thì bạo lực vẫn tiếp diễn sau hòa giải. Trong 55% các vụ việc, bạo lực gia đình lại tiếp diễn sau khi hòa giải, yên ổn một thời gian. Với 22% các vụ việc, hòa giải không thành công và bạo lực vẫn tiếp tục. Việc hòa giải được thực hiện với mục đích giảm nhẹ xung đột, giáo dục thủ phạm và gây lại không khí hòa bình của gia đình. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy việc hòa giải hiếm khi đạt được kết quả như mong đợi vì bạo lực vẫn tiếp diễn ở 77% các vụ việc đã được hòa giải.

Hình 26. Kết quả hòa giải (%)



Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết người trả lời đều hài lòng với kết quả hòa giải mặc dù bạo lực vẫn tiếp diễn với tỷ lệ cao. Hình 27 cho thấy 52% người trả lời hài lòng với kết quả hòa giải (20% rất hài lòng và 32% hài lòng) và 27% không hài lòng với kết quả hòa giải (26% không hài lòng và 1% rất không hài lòng). Tỷ lệ hài lòng là khá cao nếu xét đến việc bạo lực vẫn tiếp diễn ở 77% các vụ được hòa giải. Lý do có thể là do nạn nhân coi rằng như vậy là đáng hài lòng rồi, rằng mọi người đã quan tâm đến vấn đề của nạn nhân, mặc dù sau đó bạo lực vẫn tiếp diễn. Một cách lý giải khác là nạn nhân hài lòng với những người tiến hành hòa giải, mặc dù việc hòa giải không giải quyết được vấn đề.

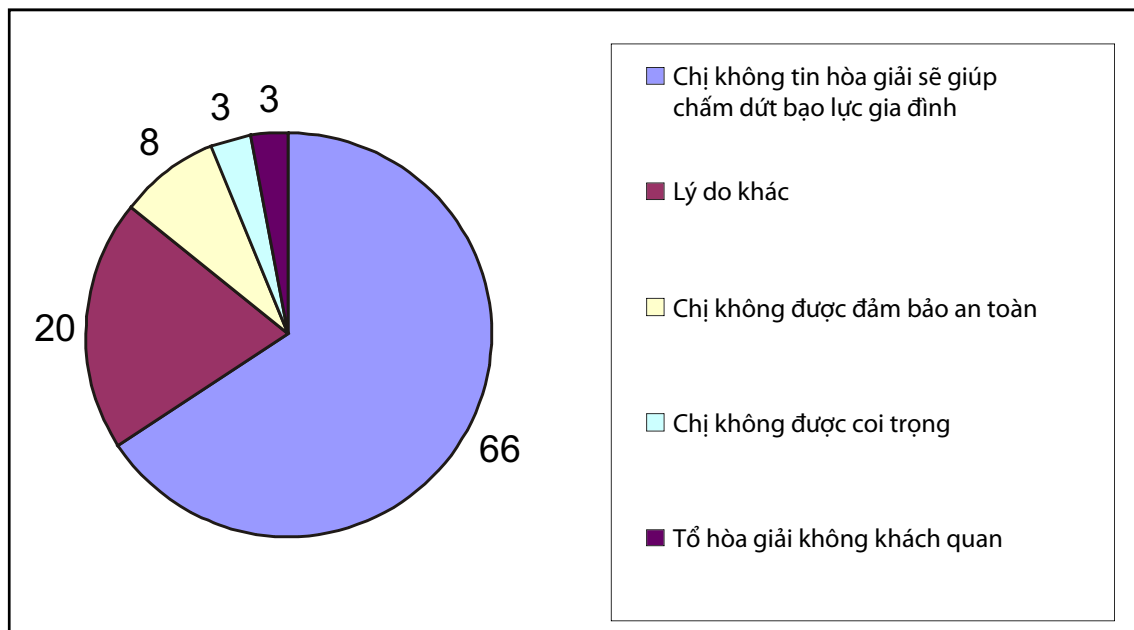
Hình 27. Sự hài lòng của nạn nhân với việc hòa giải (%)



Không có sự khác biệt trong mức độ hài lòng với việc hòa giải giữa các nhóm vùng miền, dân tộc hoặc thu nhập. Tuy nhiên, các phụ nữ đã ly hôn và ly thân tỏ ra kém hài lòng hơn những nhóm khác: 62% các phụ nữ ly hôn và 47% phụ nữ ly thân không hài lòng hoặc rất không hài lòng với kết quả hòa giải. Phụ nữ miền Trung có tỷ lệ không hài lòng cao hơn (40%) so với phụ nữ miền Bắc (19%) và miền Nam (15%).

Trong những người không hài lòng với việc hòa giải, 66% không tin rằng hòa giải có thể giúp chấm dứt bạo lực gia đình. Như đã nêu ở trên, bạo lực vẫn tiếp diễn sau hòa giải ở đa số vụ việc cho thấy đây không chỉ là niềm tin đơn thuần mà là một thực tế đối với nhiều phụ nữ. Những lý do khác khiến các phụ nữ không hài lòng với hòa giải là vì họ thấy mình không được người hòa giải coi trọng (3%) và vì cảm giác mình không được an toàn (8%) (hình 28).

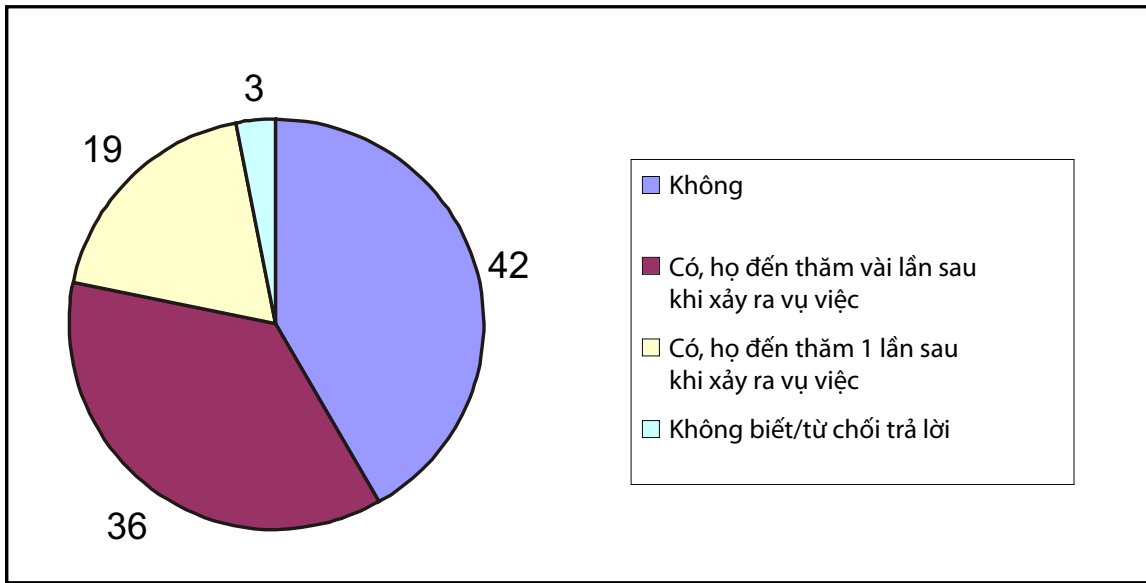
Hình 28. Lý do không hài lòng với hòa giải (% những người trả lời không hài lòng với hòa giải, n=148)



Ngoài ra, phỏng vấn định tính cũng cho thấy một số hạn chế: hòa giải chỉ được thực hiện khi có bạo lực thân thể xảy ra; các nạn nhân thường không dám trình bày vấn đề của mình vì xấu hổ mà vẫn tỏ ra là gia đình êm ấm; những người tiến hành hòa giải thường không được tập huấn đầy đủ, không có đủ kỹ năng để xử lý bạo lực gia đình.

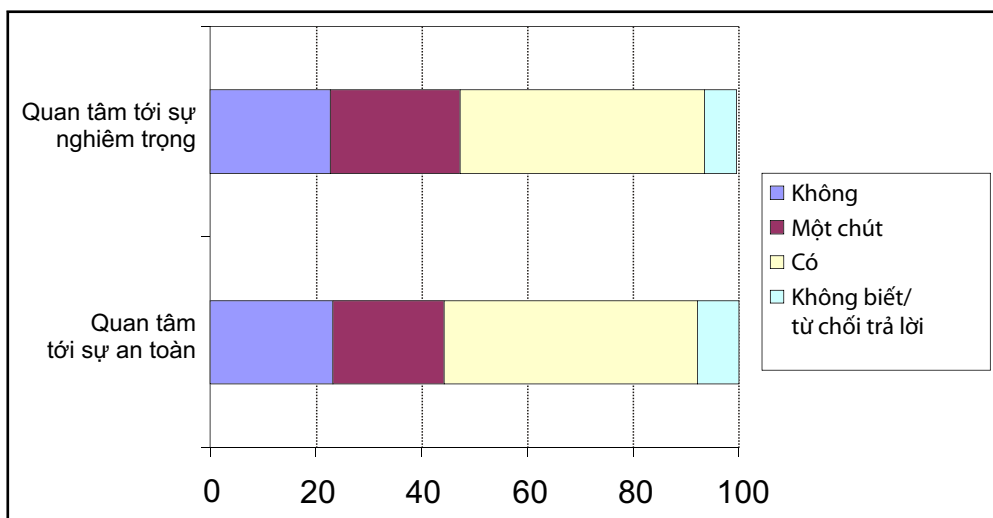
Các nạn nhân giải thích rằng tổ hòa giải hoặc công an sau khi thực hiện công tác hòa giải đã không tiếp tục quan tâm theo dõi gia đình nạn nhân nữa; thực tế tỷ lệ tổ hòa giải không đến thăm gia đình sau khi hòa giải là 42%. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy rằng hơn một nửa (55%) các vụ việc đã được tổ hòa giải đến thăm một lần hoặc một vài lần sau hòa giải (hình 29).

Hình 29. Đến thăm sau hòa giải (%)



Đa số người trả lời cảm thấy rằng tổ hòa giải đã lưu ý tới mức độ nghiêm trọng của vụ việc và tới sự an toàn của nạn nhân. Tuy nhiên, trong 23% các vụ việc, nạn nhân cảm thấy tổ hòa giải chưa quan tâm tới mức độ nghiêm trọng của vụ việc hoặc tới sự an toàn của nạn nhân (hình 30).

Hình 30. Sự quan tâm của tổ hòa giải tới độ nghiêm trọng của vụ việc và sự an toàn của nạn nhân (%)



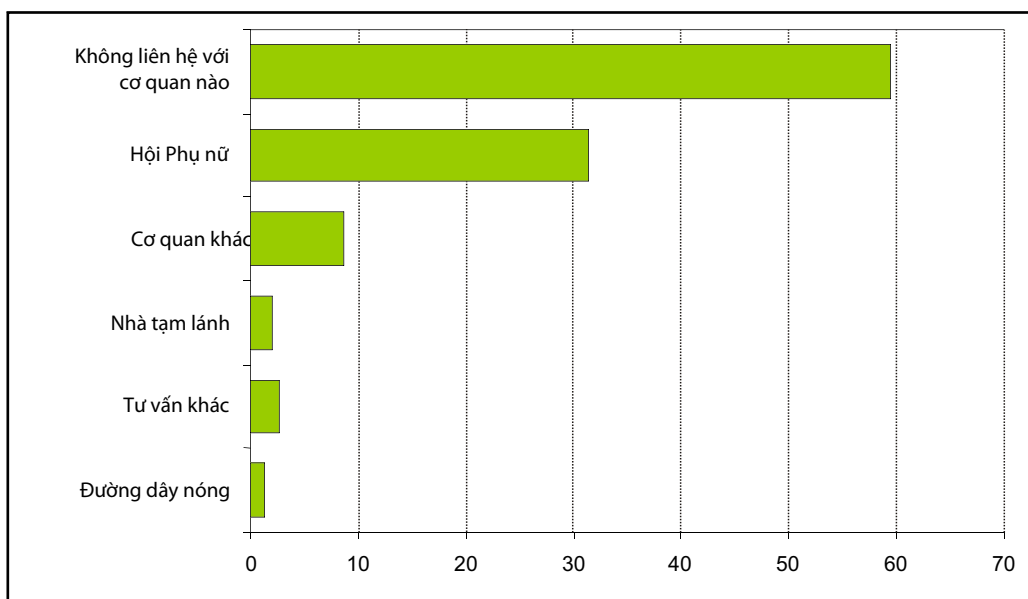
Phần VI. Hỗ trợ của các tổ chức khác cho nạn nhân bạo lực gia đình

Phần này nêu tóm tắt những phát hiện liên quan đến sự hỗ trợ của các tổ chức khác. Nhóm khảo sát hỏi các phụ nữ xem họ đã liên hệ với một tổ chức hoặc cơ quan nào khác không (ngoài công an, cán bộ tư pháp và tổ hòa giải). Thông tin được thu thập bao gồm hình thức hỗ trợ, chất lượng hỗ trợ và sự hài lòng của nạn nhân. Đối với phần này, nhóm khảo sát không thu thập thông tin từ các tổ chức, cơ quan được nêu.

VI.1. Liên hệ với các tổ chức chuyên trách

Tất cả những người trả lời đã được hỏi xem họ đã liên hệ với một tổ chức hoặc cơ quan nào khác không, ngoài công an, cán bộ tư pháp và tổ hòa giải. Họ được yêu cầu nêu tên 3 tổ chức chuyên trách mà họ đã liên hệ. Hình 31 cho thấy 59% người trả lời không liên hệ với bất kỳ tổ chức chuyên trách nào khác. Các phụ nữ chủ yếu liên hệ với Hội phụ nữ - một tổ chức chuyên trách để được hỗ trợ (31%). Có rất ít phụ nữ liên hệ với nhà tạm lánh (2%), tư vấn khác (3%) hoặc đường dây nóng (1%). Tỷ lệ phụ nữ sử dụng các dịch vụ này thấp như vậy có thể được giải thích là do thiếu các dịch vụ chuyên dành cho các nạn nhân bạo lực gia đình.

Hình 31. Liên hệ với các tổ chức chuyên trách (% tất cả những người trả lời)



Phụ nữ miền Bắc ít liên hệ với các cơ quan chuyên trách (66% không liên hệ với cơ quan nào) so với phụ nữ miền Trung (60%) và miền Nam (51%). Các phụ nữ ly hôn và ly thân liên hệ với các cơ quan nhiều hơn phụ nữ đang có chồng – tỷ lệ không liên hệ với cơ quan nào ở 2 nhóm này lần lượt là 42% và 44%.

VI.2. Liên hệ với Hội Phụ nữ

Một phần ba số người trả lời (283 trong tổng số 900 phụ nữ) đã liên hệ với Hội Phụ nữ. Do Hội Phụ nữ đóng vai trò chủ chốt trong việc chọn người trả lời cho cuộc khảo sát nên nhiều người chắc hẳn có liên hệ với Hội phụ nữ từ trước khi nghiên cứu diễn ra. Như đã nêu ở phần trước, rất ít người trả lời có liên hệ với các cơ quan chuyên trách nào khác. Vì vậy những phân tích dưới đây về sự hài lòng của nạn nhân đối với các cơ quan chuyên trách chủ yếu là về Hội Phụ nữ.

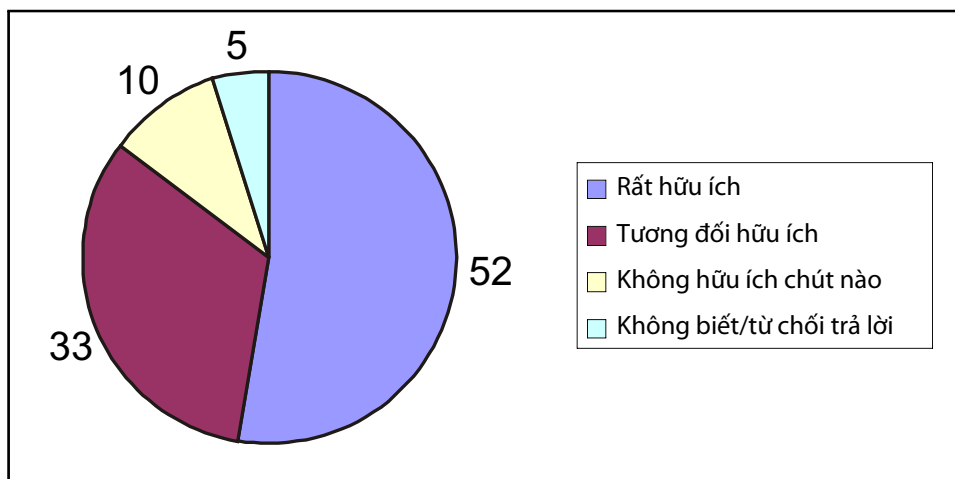
Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là tổ chức đoàn thể đại diện, chăm lo cho quyền của phụ nữ và có một vai trò quan trọng trong phòng chống bạo lực gia đình. Bên cạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, Hội Phụ nữ còn có trách nhiệm thực thi Luật phòng, chống bạo lực gia đình qua những công việc cụ thể như tổ chức cơ sở tư vấn, hỗ trợ nạn nhân; tổ chức các hoạt động dạy nghề, tín dụng, tiết kiệm để hỗ trợ nạn nhân; và phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan để bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân.⁵

⁵ Tỷ lệ này thấp hơn tỷ lệ đã nêu ở hình 11. Hình 11 minh họa kết quả của một câu hỏi khác: nạn nhân đã kể với ai về vụ bạo lực.

⁶ Điều 34, Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2007.

Về độ hài lòng với các hỗ trợ của Hội Phụ nữ, hình 32 cho thấy một nửa (52%) số người trả lời thấy các dịch vụ của Hội là rất hữu ích, 33% thấy tương đối hữu ích và 10% thấy không hữu ích chút nào. Không có sự khác biệt lớn giữa các nhóm người trả lời khác nhau. Tuy nhiên những phụ nữ ly thân ít hài lòng hơn những phụ nữ đang có gia đình (bảng 14).

Hình 32. Đánh giá của nạn nhân về những dịch vụ của Hội Phụ nữ (% những người đã sử dụng dịch vụ)



Bảng 13. Sự hài lòng với các dịch vụ của Hội Phụ nữ (% những người đã liên hệ với Hội, n=275)

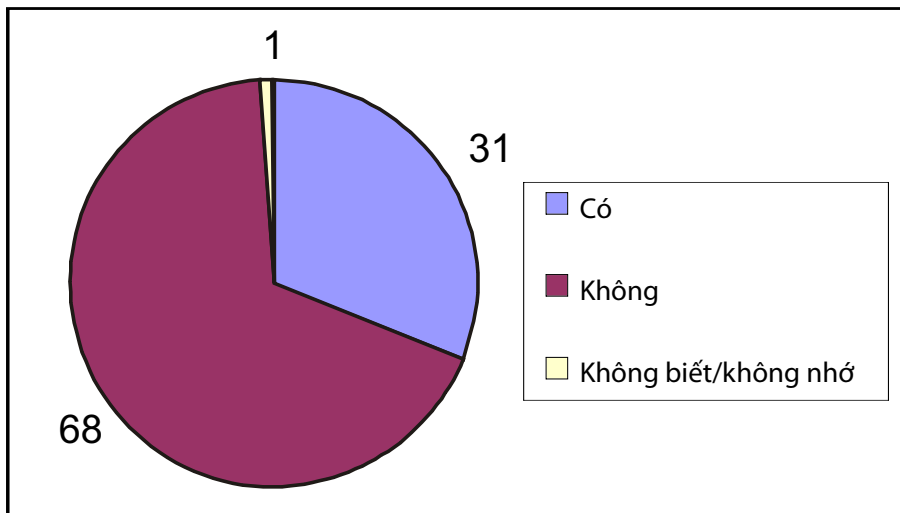
	Rất hữu ích	Tương đối hữu ích	Không hữu ích chút nào	Không biết / Từ chối trả lời	Tổng	n
Tổng	52	33	10	5	100	275
Thành thị-nông thôn						
Thành thị	55	29	10	5	100	119
Nông thôn	50	35	10	5	100	156
Miền						
Bắc	50	37	10	4	100	52
Trung	54	32	12	2	100	103
Nam	52	32	8	8	100	120
Lứa tuổi						
< 20	100	0	0	0	100	2
21-30	48	37	4	11	100	27
31-40	50	33	12	5	100	103
41-50	54	31	10	5	100	105
51-60	51	35	11	3	100	37
> 60	100	0	0	0	100	1

Dân tộc						
Kinh	52	34	9	5	100	257
Khác	65	18	12	6	100	17
Từ chối, không trả lời	0	0	100	0	100	1
Trình độ học vấn						
Chưa đi học/chưa học xong tiểu học	52	33	6	9	100	33
Tiểu học	49	36	10	5	100	61
Trung học cơ sở	51	33	11	5	100	129
Trung học phổ thông	57	31	12	0	100	42
Học nghề/ Hướng nghiệp sơ, trung cấp	83	17	0	0	100	6
Cao đẳng/Đại học trở lên	50	25	0	25	100	4
Không biết /Không nhớ						
Từ chối, không trả lời						
Thu nhập						
Có thu nhập đều đặn	56	32	7	5	100	205
Thỉnh thoảng có thu nhập	40	37	20	3	100	60
Không có thu nhập	60	20	10	10	100	10
Quyết định chi tiêu						
Được quyết định toàn bộ	51	33	8	7	100	165
Được quyết định một phần	56	31	11	1	100	80
Không được quyết định	42	42	16	0	100	19
Từ chối, không trả lời	100	0	0	0	100	1
Hộ nghèo						
Là hộ nghèo	45	45	6	4	100	53
Không là hộ nghèo	54	30	10	5	100	221
Không biết /Không nhớ	0	0	100	0	100	1
Từ chối, không trả lời						
Tình trạng hôn nhân						
Đang có chồng	51	35	7	6	100	203
Góa chồng	0	67	33	0	100	3
Ly hôn	67	33	0	0	100	18
Ly thân	54	21	21	4	100	48
Sống chung với bạn tình	67	0	33	0	100	3

VI.3. Chăm sóc y tế cho các nạn nhân bạo lực gia đình

Như đã nói ở trên, nhiều phụ nữ bị các thương tích về thân thể do bạo lực và họ có thể cần được chăm sóc y tế. Hình 33 cho thấy 31% phụ nữ được chăm sóc y tế sau khi bị bạo lực.

Hình 33. Tỷ lệ nạn nhân được chăm sóc y tế (% người trả lời)



Không có sự khác biệt giữa phụ nữ sống ở thành thị và nông thôn, nhưng có khác biệt theo vùng miền, nhóm tuổi và dân tộc. Phụ nữ ở miền Trung được chăm sóc y tế nhiều hơn (40%) so với phụ nữ ở miền Bắc (25%) và miền Nam (29%). Tỷ lệ phụ nữ được chăm sóc y tế giảm theo lứa tuổi. Số phụ nữ dân tộc thiểu số được chăm sóc y tế bằng 41% số phụ nữ người Kinh.

Dữ liệu của cuộc khảo sát không cho thông tin về những chăm sóc y tế hiện có dành cho nạn nhân bạo lực gia đình cũng như mức độ nghiêm trọng của các thương tích. Tuy nhiên như đã nêu ở phần I, nạn nhân ở miền Trung bị thương tích nhiều hơn nạn nhân các vùng miền khác. Tương tự, phụ nữ trẻ bị thương tích nhiều hơn phụ nữ lớn tuổi, và phụ nữ dân tộc thiểu số bị thương tích nhiều hơn phụ nữ người Kinh. Điều này có thể giúp giải thích sự khác biệt trong tiếp cận với chăm sóc y tế. Có lẽ, hầu hết phụ nữ bị các thương tích nhẹ, không cần sự chăm sóc y tế đặc biệt.

Hầu hết nhân viên y tế đều không báo cáo sự việc với các cơ quan chức trách. Trong số những phụ nữ được chăm sóc y tế, chỉ có 7% nói rằng nhân viên y tế đã báo vụ việc của họ với những cơ quan liên quan (chủ yếu là với công an, Hội phụ nữ hoặc trưởng thôn). Đây là dấu hiệu cho thấy sự hợp tác giữa các cơ quan, đặc biệt giữa y tế và các cơ quan khác còn hạn chế. Mặt khác, cũng cần ghi nhận rằng rất ít phụ nữ cho bác sĩ hoặc y tá biết họ là nạn nhân của bạo lực gia đình (1%).

CHƯƠNG IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Phần I. Kết luận

Trong nghiên cứu này, các nạn nhân bạo lực gia đình đã được trình bày về những trải nghiệm liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ mà họ đã nhận được. Một lý do để tiến hành nghiên cứu này chính sự ra đời của Luật phòng, chống bạo lực gia đình, trong đó quy định chi tiết trách nhiệm của Nhà nước, các Bộ ngành trung ương, chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan cũng như trách nhiệm của gia đình, của người gây bạo lực và của nạn nhân.

Luật phòng, chống bạo lực gia đình có hiệu lực từ tháng 7 năm 2008 và các cuộc phỏng vấn được tiến hành trong tháng 5 năm 2009; vì thế rõ ràng là nhận thức về một đạo luật mới vẫn chưa ảnh hưởng sâu sắc đến các cấp chính quyền và người dân. Thêm vào đó, vì nghiên cứu này tập trung vào những trải nghiệm bạo lực trong 2 năm trước nên số liệu đa phần minh họa cho tình hình trước khi đạo luật mới có hiệu lực. Mặt khác, các cấp chính quyền cũng cần ý thức được việc đã có Luật và hy vọng họ sẽ thực thi những quy định của Luật.

Kết quả được mô tả trong báo cáo không phải là kết quả khảo sát người dân thông thường về bạo lực gia đình mà là khảo sát đối với những nạn nhân đã xác định trước. Các mẫu đại diện về mặt thống kê cho người dân nói chung sẽ đòi hỏi một cỡ mẫu rất lớn thì mới tìm ra đủ số lượng các nạn nhân bạo lực gia đình. Vì vậy, chỉ những nạn nhân bạo lực gia đình đã báo cáo với chính quyền địa phương mới được lựa chọn phỏng vấn. Khảo sát được tiến hành ở 9 tỉnh thuộc 3 miền đất nước. Do vậy, kết quả khảo sát cũng không thể đại diện cho toàn thể dân số cả nước. Tuy nhiên, tính đại diện vùng miền của các mẫu khảo sát và những nguyên tắc về thống kê đã được tuân thủ trong việc lựa chọn đối tượng phỏng vấn, như vậy 900 cuộc phỏng vấn, các cuộc thảo luận nhóm tập trung với nạn nhân và phỏng vấn sâu theo chủ đề với các cán bộ chính quyền địa phương đã mang đến một bức tranh toàn cảnh về chất lượng các dịch vụ trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình.

I.1. Thông tin cơ sở

Báo cáo khảo sát chỉ ra những khác biệt giữa ba miền. Phỏng vấn phụ nữ ở khu vực miền Trung cho thấy họ bị thương tích nhiều hơn, tỷ lệ trình báo công an cao hơn, thấy việc trình báo dễ dàng hơn, tỷ lệ công an đến nhà ngay sau vụ việc cũng cao hơn và tỷ lệ người gây bạo lực bị xử lý hành chính cũng cao hơn. Những người được phỏng vấn có tỷ lệ không hài lòng thấp hơn; tỷ lệ sẽ trình báo những vụ việc tương tự với công an cao hơn; sử dụng sự trợ giúp từ các tổ hoà giải, cơ quan y tế và hỗ trợ pháp lý thường xuyên hơn; và tỷ lệ không hài lòng về kết quả hoà giải cũng cao hơn. Những khác biệt này có thể là do nhận thức tốt hơn của các nạn nhân sống ở khu vực miền Trung, do chất lượng dịch vụ hỗ trợ nạn nhân tốt hơn hoặc do các tiêu chí lựa chọn hoặc khả năng tìm kiếm được đối tượng phỏng vấn. Không thể đánh giá các nhu cầu hỗ trợ cụ thể của 1 vùng miền nếu chỉ dựa trên kết quả khảo sát, vì các dịch vụ hỗ trợ cần được điều chỉnh theo nhu cầu của địa phương.

Có thể có những lý do khác dẫn đến sự khác biệt vùng miền nêu trên nhưng để làm rõ cần phải có những khảo sát tiếp theo. Việc có hoặc không có các chương trình, dự án của Chính phủ hoặc các tổ chức phi chính phủ liên quan đến bạo lực gia đình trên địa bàn có thể lý giải tại sao cộng đồng, trong đó có nạn nhân, công an và cán bộ tư pháp, có nhận thức tốt hơn về vấn đề này. Ngoài ra có thể có những nét khác biệt về văn hoá giữa các vùng miền để giúp lý giải vì sao ở miền Trung phụ nữ trình báo nhiều hơn, cán bộ công an, tư pháp xử lý vấn đề hiệu quả hơn. Thành phố Đà Nẵng thuộc miền Trung Việt Nam đã được biết đến là có một người lãnh đạo rất quan tâm thúc đẩy các nỗ lực phòng chống bạo lực gia đình và có tác động tích cực tới cả hệ thống tư pháp hình sự ở đây.

Nhìn chung, những người dân tộc thiểu số thường có ít khả năng được tiếp cận sự phát triển của xã hội hoặc ít được quan tâm hơn so với dân số nói chung. Trong khảo sát này, kết quả cho thấy phụ nữ các dân tộc thiểu số khi bị bạo lực gia đình có thể gặp khó khăn hơn so với phụ nữ người Kinh để có thể nhận được sự hỗ trợ đầy đủ.

Tuổi tác của những người được phỏng vấn là một tiêu chí cho thấy một số khác biệt. Những phụ nữ trẻ thường bị thương tích do bạo lực gia đình nhiều hơn và phụ nữ trẻ cũng thường được chăm sóc y tế nhiều hơn. Tỷ lệ phụ nữ trẻ trình báo với công an thấp hơn nhưng số người thấy việc trình báo dễ dàng cũng cao hơn mức trung bình. Tỷ lệ công an đến nhà giải quyết sau khi vụ việc xảy ra cũng cao hơn và những phụ nữ trẻ thường cảm thấy hài lòng hơn về kết quả xử lý của công an. Mặt khác, tỷ lệ phụ nữ trẻ sử dụng các dịch vụ pháp lý lại thấp hơn mức trung

bình. Trong các vụ việc được hoà giải, tỷ lệ phụ nữ trẻ được hoà giải ở mức trung bình, còn phụ nữ lớn tuổi ít được hoà giải hơn. Phụ nữ trẻ cũng ít liên hệ với Hội Phụ nữ hơn so với mức trung bình. Những phát hiện này cho thấy những phụ nữ lớn tuổi có thể cần được quan tâm nhiều hơn và cần có những dịch vụ chuyên biệt để giúp họ giải quyết vấn đề bạo lực gia đình.

Tình trạng hôn nhân cũng cho thấy những khác biệt. Những phụ nữ ly hôn hoặc ly thân thường bị thương tích nhiều hơn, tố cáo với các cơ quan tư pháp/ trợ giúp pháp lý nhiều hơn nhưng công an đến nhà giải quyết ít hơn. Có tỷ lệ được hoà giải ở mức độ trung bình nhưng những phụ nữ ly hôn có tỷ lệ không hài lòng với kết quả hoà giải cao hơn. Những phụ nữ ly hôn và ly thân cũng thường liên hệ với các cơ quan chuyên trách khác nhiều hơn. Ở các nước khác, nghiên cứu cho thấy phụ nữ ly hôn và ly thân nằm là nhóm nguy cơ đặc biệt đối với bạo lực gia đình. Một trong những lý giải cho tình trạng này là bạo lực đã từng là nguyên nhân của việc ly hôn. Vì các tổ hoà giải ở Việt Nam hoạt động trên nguyên tắc truyền thống lấy gia đình làm trung tâm và dựa trên những giá trị ủng hộ thiết chế hôn nhân nên những phụ nữ đang ly thân với chồng vì lý do bạo lực có thể thấy quá trình này là đặc biệt khó khăn, nhất là khi xã hội xung quanh phản đối, không ủng hộ những phụ nữ ly hôn hoặc ly thân.

1.2. Trợ giúp của công an cho nạn nhân

Công an là cơ quan nòng cốt trong việc trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình. Trong khảo sát này, những trải nghiệm của nạn nhân về lực lượng công an là rất đối lập; một mặt, phần lớn nạn nhân cho rằng công an đã làm tốt nhiệm vụ của mình; mặt khác, các nạn nhân lại thất vọng về kết quả xử lý của công an. Người ta cũng nhận thấy tình trạng này ở nhiều nước khác. Nghiên cứu quốc tế cho thấy nạn nhân và cảnh sát có thể có quan điểm khác nhau về cùng 1 tình huống. Giữa mong muốn của nạn nhân và quan điểm của cảnh sát về những việc họ cần làm cũng có sự khác biệt. Lực lượng cảnh sát luôn chú ý tới kết quả, họ thường tập trung vào bằng chứng và kết cục của vụ việc. Nạn nhân thì mong muốn được tin tưởng và được xem xét vụ việc một cách nghiêm túc, họ thường mong muốn được cảnh sát bảo vệ và xử phạt người gây bạo lực bằng một hình thức nào đó (ví dụ tham khảo Johnson và cộng sự 2008, 163-165).

Hầu hết các nạn nhân (65%) thấy việc trình báo vụ việc bạo lực gia đình với công an là dễ dàng; họ cũng thấy công an đã tỏ ra lịch sự (76%) và cảm thông (72%). Tuy nhiên nhiều nạn nhân không hài lòng với kết quả giải quyết của công an (47%) và nghĩ rằng các biện pháp xử lý của công an là chưa nghiêm minh (54%). Những phát hiện này khẳng định: một mặt các nạn nhân thấy hài lòng về hành vi của công an, mặt khác họ không hài lòng với kết quả xử lý.

Một điều quan trọng cần chỉ ra là những kết quả của khảo sát có liên quan đến cách đặt câu hỏi và phương pháp thu thập dữ liệu. Các phương pháp định tính và định lượng có thể cho kết quả rất khác nhau về tình trạng của nạn nhân vì các câu hỏi trong bảng hỏi khảo sát định lượng, về bản chất, thường khái quát hóa và có thể không phản ánh chính xác tình huống và hoàn cảnh cụ thể của những người được phỏng vấn. Điều này có nghĩa là những người tham gia khảo sát định lượng có thể nói họ hài lòng với các trợ giúp của công an nói chung, đồng thời trong phỏng vấn định tính lại bày tỏ một quan điểm hoàn toàn trái ngược về những hỗ trợ đó. Ngoài ra, phỏng vấn định tính có thể khai thác được một số thông tin quan trọng, ngay cả khi chỉ có một vài vụ việc trong dàn mẫu. Ví dụ, một số nạn nhân trong khi thảo luận nhóm cho biết công an đã mắng mỏ nạn nhân khi họ đến trình báo. Nếu thông tin về cách hành xử này của công an này lan truyền đi trong nạn nhân thì tỷ lệ trình báo có thể giảm đáng kể. Tương tự, sự lo lắng bị các cơ quan chức năng khác mắng mỏ có thể khiến nạn nhân không dám tìm kiếm giúp đỡ ở bất kỳ đâu.

Công an đã tích cực liên hệ với nạn nhân: họ đã đến nhà nạn nhân trong số 83% các vụ việc. Tuy nhiên, trong 34% các vụ việc, công an đã khuyên nạn nhân nên tự giải quyết trong gia đình hoặc liên hệ với cơ quan khác (như Hội Phụ nữ hoặc tổ hoà giải).

Trong các buổi phỏng vấn sâu với một số cán bộ công an, họ trả lời rằng vai trò và quy trình giải quyết đã quy định rất rõ trong luật. Điều này không có gì ngạc nhiên: ở hầu hết các nước, cảnh sát nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của họ. Tuy nhiên, những cán bộ công an được phỏng vấn cho rằng các vụ bạo lực gia đình thường phức tạp và khó giải quyết. Điều này phản ánh thực tế nêu trên, tức là công an thường quan tâm thu thập các chứng cứ (các bằng chứng và xác minh) về tội phạm, nhưng tính chất phức tạp của các vụ việc bạo

lực gia đình là rất khó giải quyết. Các kết quả cũng chỉ ra sự khác biệt thường có giữa nhu cầu và mong muốn của nạn nhân với các mục tiêu của công an. Cách tiếp cận của công an – và hệ thống tư pháp hình sự nói chung – thường cứng nhắc, hướng về kết quả và thường không cân nhắc đến những nhu cầu có thể thay đổi trong quá trình giải quyết từ phía nạn nhân. Thông thường các nạn nhân đều mong muốn được bảo vệ khỏi tình trạng bạo lực đang xảy ra. Một số nạn nhân cũng mong muốn thực thi công lý và trừng phạt thủ phạm, trong khi đó những nạn nhân khác chỉ muốn bạo lực chấm dứt (xem Johnson và đồng sự 2008, 163-164).

Các cán bộ công an được phỏng vấn trong khảo sát này cho biết các vụ bạo lực gia đình chỉ chiếm một phần nhỏ trong công việc của họ và họ hiện có quá nhiều nhiệm vụ. Họ cho biết có rất ít phụ nữ nộp đơn tố cáo, trong khi đây là một thủ tục cần thiết để có thể tiến hành điều tra. Công an cũng phàn nàn về việc thiếu cán bộ chuyên trách và không được tập huấn đầy đủ về bạo lực gia đình. Mặc dù công an khẳng định rằng vai trò và trách nhiệm của họ đã được quy định rõ về nguyên tắc nhưng nghiên cứu cũng cho thấy thực tế là lực lượng công an chưa nắm rõ trách nhiệm của họ trong vấn đề bạo lực gia đình.

Việc xác định các dạng khác nhau của bạo lực gia đình là điều khó khăn đối với lực lượng công an – các nạn nhân cũng gặp khó khăn tương tự. Kết quả là công an chỉ ghi nhận các trường hợp bạo lực thân thể. Công an đã hỏi han về thương tích của nạn nhân trong số 50% các vụ việc nhưng chỉ đánh giá mức độ thương tích của 5% các vụ việc. Chỉ khi tỷ lệ thương tật được xác định trên 11%⁷ thì mới đủ dấu hiệu của tội phạm để tiến hành điều tra vụ án, do vậy tất cả các vụ bạo lực gia đình trình báo đều phải được giám định thương tích (thông qua hội đồng giám định y) để có thể lập hồ sơ vụ án và để đảm bảo rằng nạn nhân được chăm sóc y tế thỏa đáng. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu cho thấy thực tế không diễn ra như vậy. Trái lại, hầu hết các cán bộ y tế không thông báo vụ việc đến các cơ quan chức năng như công an. Đòi hỏi bức thiết hiện nay là phải cải thiện chất lượng hệ thống chuyển gửi nạn nhân thông qua tăng cường sự hợp tác giữa cơ quan thực thi pháp luật và ngành y tế.

Chỉ có 2% các vụ việc công an đã hỏi nạn nhân về bạo lực tình dục, mặc dù 36% người trả lời cho biết họ từng bị bạo lực tình dục. Bạo lực tình dục là vấn đề nhạy cảm. Nó gây chấn thương cho nạn nhân và nạn nhân cũng rất khó trình bày việc này với công an. Điều này càng chứng tỏ sự cần thiết phải có tập huấn chi tiết về bạo lực gia đình, và bản thân cán bộ công an cũng bày tỏ mong muốn như vậy.

Theo những cán bộ công an được phỏng vấn trong khảo sát này thì về nguyên tắc, tất cả các vụ việc hình sự và dân sự đều phải được điều tra. Tuy nhiên, trong thực tế, có rất ít các vụ việc được điều tra và xét xử. Trong nghiên cứu này, thì chỉ có 1 vụ trong số 100 vụ việc bạo lực gia đình, thủ phạm bị kết án tại tòa. Công an thường tuân thủ quy định tỷ lệ thương tật 11%: chỉ những trường hợp nào đáp ứng quy định này thì thủ phạm mới bị bắt giữ để điều tra. Tuy nhiên, như đã chỉ ra ở trên, công an ít khi đánh giá mức độ nghiêm trọng của thương tích và chỉ một số ít các vụ việc, nạn nhân mới được đưa tới y tế.

Ngoài ra, Bộ luật Hình sự còn có một chế định về khởi tố theo yêu cầu người bị hại trong trường hợp tỷ lệ thương tật dưới 31%. Khi tỷ lệ thương tật bằng hoặc cao hơn 31%, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có thể tiến hành khởi tố vụ án bất kể nạn nhân có đồng ý hay không. Do vậy, trong trường hợp tỷ lệ thương tật trên 11% và dưới 31%, nạn nhân cần sự giúp đỡ để quyết định có yêu cầu khởi tố người gây bạo lực hay không.

Một vấn đề được ghi nhận trong thảo luận nhóm với các nạn nhân là cán bộ công an có thể là bạn bè hoặc người quen của thủ phạm và vì thế không muốn tiến hành điều tra. Những cán bộ công an được phỏng vấn khẳng định thực tế có xảy ra vấn đề này và nói rằng nếu hành vi này xảy ra, nạn nhân có thể khiếu nại lên cơ quan cấp trên và cơ quan cấp trên này có trách nhiệm phải xem xét vụ việc, tuy nhiên trong trường hợp này nạn nhân phải có đơn khiếu nại. Rõ ràng là trong nhiều trường hợp nạn nhân không sẵn sàng hoặc không biết cách tự viết đơn khiếu nại. Hoạt động trợ giúp pháp lý (và nâng cao nhận thức) về những việc cần làm để theo đuổi vụ kiện là cần thiết đối với các nạn nhân bạo lực gia đình.

1.3. Trợ giúp pháp lý cho nạn nhân

Tư vấn pháp luật cho nạn nhân bạo lực gia đình ở cấp xã hay huyện do cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý đảm nhiệm. Đây chỉ là một trong nhiều nhiệm vụ của cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý, những người chịu trách nhiệm

⁷ Điều 104, Bộ luật Hình sự 1999.

đối với trung bình từ 5,000 đến 6,000 dân. Kết quả là những cán bộ này khó mà cung cấp tư vấn đầy đủ về pháp luật cho nạn nhân bạo lực gia đình. Những cán bộ được phỏng vấn phàn nàn về việc thiếu cán bộ chuyên trách và không được tập huấn đầy đủ về bạo lực gia đình.

Các cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý cũng chịu trách nhiệm tuyên truyền phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành. Tuy nhiên, chỉ có 24% những người trả lời nói rằng họ được biết về một văn bản pháp luật về bạo lực gia đình.

Chỉ có 8% nạn nhân đã được cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý trợ giúp. So với được công an trợ giúp thì đây là con số thấp hơn nhiều. Nhiều người được phỏng vấn có lẽ còn chưa biết rõ về những dịch vụ trợ giúp pháp lý này vì có 15% nạn nhân không biết (hoặc không nhớ) rằng vụ việc nghiêm trọng nhất xảy ra với họ trong 2 năm qua có được các cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý giải quyết hay không. Ngoài ra, hai phần ba (32%) những người không trình báo vụ việc đến cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý không biết hoặc không nhớ lý do vì sao họ không trình báo. Từ những số liệu này có thể kết luận là cần đẩy mạnh tuyên truyền để nạn nhân nắm rõ hơn về vai trò của cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý trong việc trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình.

Chiếm đa số (trên 70%) các vụ việc mà cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý đã biết đến là ở khu vực miền Trung. Phụ nữ ly hôn (25%) và ly thân (14%) sử dụng các dịch vụ hỗ trợ tư pháp nhiều hơn. Hầu hết (64%) các phụ nữ yêu cầu hỗ trợ pháp lý cảm thấy hài lòng với chất lượng dịch vụ.

1.4. Hoà giải

Hoà giải là biện pháp được tiến hành thường xuyên ở Việt Nam để giải quyết bạo lực gia đình. Phần lớn (61%) những phụ nữ được phỏng vấn nói rằng vụ việc bạo lực gia đình của họ đã được tiến hành hoà giải. Tỷ lệ được hoà giải cao như vậy có thể là do quá trình chọn mẫu, tức là những nạn nhân bạo lực gia đình được biết đến là những nạn nhân đã tham gia vào quá trình hoà giải.

Công tác hoà giải chủ yếu do Hội Liên hiệp Phụ nữ, gia đình nạn nhân, tổ trưởng dân phố hoặc trưởng thôn đảm nhận. Công an, Mặt trận Tổ quốc, Ủy ban nhân dân, Hội Nông dân và các tổ chức khác cũng tham gia nhưng chỉ với số lượng nhỏ các vụ việc. Việc hoà giải được thực hiện với mục đích giảm nhẹ xung đột, giáo dục thủ phạm và gây dựng lại không khí hòa bình của gia đình. Dữ liệu ở đây không cho biết hoà giải có ý nghĩa cụ thể như thế nào trong từng trường hợp: là trao đổi ở trụ sở công an hay trao đổi trong phạm vi gia đình, hay là một quá trình hoà giải lâu dài và có hệ thống hơn.

Theo kết quả nghiên cứu, công an thường cho nạn nhân và thủ phạm hòa giải nếu thấy vụ việc chưa đến mức phải khởi tố. Ở các nước mà hoà giải được áp dụng như một biện pháp để giải quyết các vấn đề pháp lý thì hoà giải được tiến hành chủ yếu trong các vụ tội phạm liên quan đến tài sản ít giá trị, các vụ tấn công và /hoặc các vụ mà thủ phạm là trẻ vị thành niên; công việc này hầu hết là tự nguyện và độc lập với quá trình tư pháp hình sự (nếu có); công việc này cũng được đảm nhận bởi những nhân viên chuyên nghiệp hoặc những người tình nguyện đã qua đào tạo. Tuy nhiên, ở các nước này, hoà giải thường không được áp dụng đối với các vụ bạo lực gia đình.

Nghiên cứu này chỉ ra rằng trong hầu hết các vụ việc, công tác hoà giải không thành công vì bạo lực tiếp tục xảy ra trong số 77% các vụ việc được hoà giải. Dường như các tổ hoà giải không đủ kiến thức và kỹ năng để tư vấn phòng chống bạo lực gia đình về lâu dài. Do đó, cần phải tập huấn cho các tổ hoà giải. Một điều đặc biệt quan trọng là các tổ hoà giải cần phải quan tâm tới nhu cầu an toàn của nạn nhân, đến thăm gia đình nạn nhân sau khi hòa giải và theo dõi xem các cơ quan tư pháp hình sự có vào cuộc hay không nếu thủ phạm tiếp tục gây bạo lực.

Một điểm đáng chú ý trong kết quả nghiên cứu là, mặc dù kết quả đạt được còn hạn chế nhưng đại bộ phận (52%) số người được phỏng vấn hài lòng với công tác hoà giải, 20% thấy bình thường và chỉ có 27% không hài lòng. Lý do có thể là chị em phụ nữ thấy hài lòng với công tác hoà giải, hoà giải là cơ hội để trao đổi về vấn đề của họ mặc dù bạo lực có thể lại tái diễn sau đó - bạo lực có thể tạm thời chấm dứt một thời gian sau đó lại tiếp tục. Nạn nhân cũng có thể cảm thấy hài lòng với những cá nhân trong tổ hoà giải, mặc dù hòa

giải không mang lại kết quả tích cực về lâu dài. Công tác hoà giải được thực hiện dựa trên những giá trị lấy gia đình là trung tâm; điều này được thể hiện qua số liệu vì những phụ nữ không còn chung sống với chồng thường có tỷ lệ không hài lòng với công tác hòa giải cao hơn (62% số phụ nữ ly hôn và 47% số phụ nữ ly thân) so với những nhóm phụ nữ khác.

I.5. Các hỗ trợ khác:

Nhìn chung, có rất ít các hoạt động trợ giúp chuyên biệt dành cho các vụ bạo lực gia đình nghiêm trọng, như nhà tạm lánh, đường dây nóng hoặc tư vấn đặc biệt. Những người tham gia hỗ trợ nạn nhân nhiều nhất như công an cho rằng cán bộ của họ chưa đủ chuyên sâu để có thể giải quyết vấn đề bạo lực gia đình và cho rằng bạo lực gia đình chỉ là một phần nhỏ trong khối lượng công việc hàng ngày của họ. Điều đáng lo ngại là rất ít nạn nhân được chăm sóc y tế và có rất ít nạn nhân chia sẻ với cán bộ nhân viên y tế về vấn đề của họ. Nghiên cứu cho thấy cần phải nâng cao nhận thức về bạo lực gia đình không chỉ đối với cán bộ tư pháp hình sự mà cả những cán bộ nhân viên y tế.

Phần II. Khuyến nghị

Phòng chống bạo lực gia đình đòi hỏi một sự thay đổi về quan điểm thái độ và hành động của lực lượng công an, cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý và các tổ hòa giải cơ sở trong việc giải quyết bạo lực gia đình, cũng như sự thay đổi về quan điểm thái độ và hành vi của người dân.

Có một số vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng xử lý bạo lực gia đình của công an và cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý. Hiểu biết và nhận thức về bạo lực gia đình của các cán bộ công an và tư pháp/trợ giúp pháp lý còn hạn chế. Nhiều người vẫn cho rằng bạo lực gia đình nảy sinh chủ yếu là do cách cư xử của người phụ nữ. Các vai trò và giá trị văn hóa truyền thống cũng ảnh hưởng đến cách những cán bộ này giải quyết vấn đề bạo lực gia đình.

Cán bộ công an và tư pháp/trợ giúp pháp lý chưa hiểu thấu đáo về Luật phòng, chống bạo lực gia đình và theo đó tiếp tục xử lý vấn đề bạo lực gia đình theo cách họ đã làm trước đây. Họ chủ yếu mới chỉ điều tra các vụ việc “nghiêm trọng” (là những vụ có thương tích thể chất đáng kể) và coi những vụ bạo lực ít nghiêm trọng là vấn đề riêng tư của gia đình và chỉ cần hòa giải là xong. Luật phòng, chống bạo lực gia đình đã quy định biện pháp cấm tiếp xúc nạn nhân cũng như các biện pháp an toàn khác như nhà tạm lánh cho nạn nhân. Tuy nhiên, các biện pháp này chưa được triển khai.

Ở cấp thôn, xã, tổ hòa giải là những người làm công tác tư vấn cho nạn nhân nhưng họ chưa chuyên nghiệp và chưa được tập huấn đầy đủ. Nhiều tổ hòa giải cố gắng thay đổi thái độ của nạn nhân nhằm phòng ngừa bạo lực gia đình trong khi cần phải thay đổi thái độ của người gây bạo lực thì mới có thể phòng ngừa bạo lực.

Cán bộ công an và tư pháp/trợ giúp pháp lý coi việc can thiệp xử lý bạo lực gia đình là để duy trì hạnh phúc gia đình và đảm bảo trật tự xã hội. Mặc dù có nhiều vụ hòa giải có vẻ thành công, các gia đình dường như hạnh phúc trở lại sau khi hòa giải, nhưng rồi bạo lực vẫn tái diễn. Nạn nhân tiếp tục chịu đựng trong im lặng và không muốn trình báo công an để bảo vệ danh dự gia đình. Hòa giải cũng có thể dẫn đến bạo lực gia đình leo thang nếu thủ phạm tìm cách trả thù nạn nhân.

Nhận thức cộng đồng về bạo lực gia đình còn rất hạn chế. Nhận thức về Luật phòng, chống bạo lực gia đình, các dịch vụ trợ giúp và trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong phòng chống bạo lực gia đình của cộng đồng cũng chưa đầy đủ. Cần phải nâng cao nhận thức cộng đồng cũng như nhận thức của các cơ quan chức năng có trách nhiệm hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Trong một số trường hợp, các nạn nhân đã có hiểu biết tốt về Luật nhưng vụ việc của họ cũng không xử lý được vì khi trình báo công an xã, công an không muốn thụ lý vụ việc và đề nghị nạn nhân tự giải quyết vấn đề của mình.

Thông qua đào tạo, tập huấn và tuyên truyền phổ biến Luật phòng, chống bạo lực gia đình, vấn đề bạo lực gia đình dần dần sẽ xã hội, các cấp chính quyền và các gia đình nhìn nhận rõ ràng hơn.

Để giải quyết những khó khăn thách thức nêu trên, nhóm nghiên cứu xin đưa ra các khuyến nghị như sau:

II.1. Khuyến nghị với lực lượng công an

1. Cần xây dựng lực lượng chuyên trách phòng, chống bạo lực gia đình. Các cán bộ chuyên trách này phải là nữ để có thể thấu hiểu được nạn nhân và do đó có thể đạt được những kết quả mong muốn trong công tác điều tra. Những cán bộ này cần phải có đầy đủ thẩm quyền và hiểu biết pháp luật để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ.
2. Cán bộ công an ở thôn, xã và huyện cần được tập huấn đầy đủ, nhất là về các khái niệm, các dạng bạo lực gia đình (bạo lực tâm lý, tình dục, thân thể và kinh tế) cũng như hậu quả của bạo lực gia đình. Họ cần học các kỹ năng làm việc với nạn nhân và thủ phạm bạo lực gia đình.
3. Cần tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Công an, Hội Liên hiệp Phụ nữ và các tổ chức hỗ trợ nạn nhân khác để đảm bảo tất cả các vụ việc bạo lực gia đình đều được xem xét, xử lý thỏa đáng.
4. Công an cần phải áp dụng các biện pháp được quy định trong luật đối với thủ phạm như biện pháp tạm giữ, tạm giam, cấm tiếp xúc. Tất cả những biện pháp này cần xem xét đến nhu cầu an toàn của nạn nhân.
5. Công an cần có thêm nguồn lực để có thể phòng chống bạo lực gia đình một cách hiệu quả. Trong đó có vấn đề hậu cần như phải có phòng riêng để lấy lời khai của nạn nhân.
6. Luật phòng, chống bạo lực gia đình cần được tuyên truyền phổ biến rộng rãi hơn nữa trong lực lượng công an. Cần cung cấp thêm các tài liệu, trong đó có tài liệu tập huấn. Một điều tối quan trọng là công an phải đảm bảo thực thi được Luật trong thực tiễn, ví dụ như việc đánh giá tương tích của nạn nhân.
7. Để đảm bảo rằng tất cả các nạn nhân đều được chăm sóc y tế đầy đủ và có thể tiếp tục theo đuổi vụ việc điều tra nếu cần, phải có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các cơ quan thực thi pháp luật, các cơ quan xử lý ban đầu với các cơ sở y tế, bao gồm cả việc triển khai một cơ chế chuyển gửi nạn nhân hiệu quả.
8. Nhìn chung, các cán bộ cao cấp ngành công an cần phải cam kết triển khai Luật phòng, chống bạo lực gia đình và áp dụng những biện pháp cụ thể để triển khai Luật đến tất cả các cấp của ngành công an. Điều này bao gồm cả việc phải xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể cho cán bộ công an về việc xử lý các khía cạnh của vấn đề bạo lực gia đình như việc rút đề nghị truy tố và công tác thu thập chứng cứ.

II.2. Khuyến nghị với cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý

1. Cần phải phổ biến rộng rãi để cộng đồng, nhất là các nạn nhân bạo lực gia đình, biết đến các hoạt động hỗ trợ của cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý.
2. Cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý cần được tập huấn đầy đủ, nhất là các khái niệm, các dạng bạo lực gia đình và hậu quả của bạo lực gia đình. Trong một số trường hợp nên có các cán bộ chuyên trách để giải quyết các vụ việc bạo lực gia đình. Các cán bộ chuyên trách này phải là nữ để có thể thấu hiểu nạn nhân.
3. Một trong những nhiệm vụ của cán bộ tư pháp/trợ giúp pháp lý là tuyên truyền phổ biến pháp luật. Họ cần đặc biệt quan tâm tuyên truyền và phổ biến kiến thức về Luật bình đẳng giới và Luật phòng, chống bạo lực gia đình, bao gồm cả vấn đề quyền của phụ nữ. Việc nâng cao nhận thức cần tập trung vào việc thay đổi quan niệm xã hội về bạo lực gia đình và tăng cường năng lực cho phụ nữ để họ có đủ tự tin trình báo với công an. Các phương tiện truyền thông đại chúng, bao gồm cả truyền hình và phát thanh, cần tham gia tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và đưa ra những thông điệp hướng tới nam giới. Các thông điệp truyền thông cũng cần hướng đến các trường học để giáo dục cho thế hệ trẻ. Các tài liệu tuyên truyền cần ngắn gọn, có các hình ảnh minh họa dễ hiểu.
4. Cần tăng cường mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với công an và các tổ chức đoàn thể trong việc giải quyết vấn đề bạo lực gia đình.

II.3. Khuyến nghị với các tổ chức khác

1. Ủy ban nhân dân: Cần có cán bộ phụ trách trách về công tác phòng, chống bạo lực gia đình.
2. Tổ hòa giải: Tổ hòa giải cần được tập huấn đầy đủ, nhất là về các khái niệm, các dạng bạo lực gia đình (bạo lực tâm lý, tình dục, thân thể và kinh tế) và hậu quả của bạo lực gia đình. Họ cần có khả năng xác định được vụ việc có nên hòa giải hay không, cần nhắc đến những rủi ro liên quan và sự an toàn cho nạn nhân. Công tác giám sát và hỗ trợ tài chính cũng cần thiết đối với các tổ hòa giải cơ sở. Các tổ hòa giải cũng cần được cung cấp tài liệu tham khảo về tất cả các văn bản pháp luật liên quan, các văn bản hướng dẫn và cần được tập huấn định kỳ (ít nhất là hàng năm).
3. Cán bộ y tế: Cần triển khai tập huấn và nâng cao nhận thức cho cán bộ y tế các cấp về vai trò của họ trong công tác phòng ngừa bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật, bao gồm công tác xác định nạn nhân

- bạo lực gia đình và giới thiệu họ đến các dịch vụ trợ giúp phù hợp khác.
4. Các dịch vụ chuyên biệt: Cần xây dựng thêm các dịch vụ hỗ trợ chuyên biệt như nhà tạm lánh và đường dây nóng cho các nạn nhân bạo lực gia đình.
 5. Cơ chế cộng tác và phối hợp: Cần xây dựng một hệ thống quản lý chặt chẽ các vụ việc bạo lực gia đình để đảm bảo khi có các vụ việc xảy ra, có thể có báo cáo đầy đủ và có thể tiến hành điều tra, với sự phối hợp của các dịch vụ trợ giúp liên quan để đảm bảo vụ việc bạo lực gia đình đó được giải quyết hiệu quả.

II.4. Khuyến nghị về nghiên cứu tiếp theo

1. Nghiên cứu này được tiến hành với ý tưởng là một cuộc khảo sát tương tự sẽ được thực hiện trong khoảng 10 năm nữa để đánh giá những thay đổi có thể có trong dịch vụ tư pháp hình sự trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình. Theo kết quả khảo sát, có rất nhiều vấn đề trong hệ thống dịch vụ này - những vấn đề có thể giám sát đánh giá chi tiết sau một khoảng thời gian ngắn hơn thời hạn 10 năm đề ra ban đầu. Tuy nhiên, một khảo sát chung như khảo sát này được thực hiện với mục đích so sánh cũng vẫn sẽ rất quan trọng.
2. Ngoài ra, những kết quả khảo sát này cần tiếp tục phân tích sâu hơn, vì báo cáo này hầu như mới chỉ mô tả những phản hồi của khảo sát mà chưa phân tích chi tiết theo những chủ đề nghiên cứu chuyên sâu khác nhau.

PHỤ LỤC 1. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thu Hằng (2001), Bạo lực trong gia đình, Tập san khoa học về Phụ nữ, số 2/2001.
2. Cao Huyền Nga (2002), Bất bình đẳng giới Nguồn gốc của những xung đột tâm lý trong mối quan hệ vợ chồng. Tập san khoa học về Phụ nữ, số 1/2002.
3. Trung tâm nghiên cứu thị trường và phát triển (2001), Bạo lực gia đình lên phụ nữ Việt Nam, Các kết quả nghiên cứu tại Thái Bình, Lạng Sơn và Tiền Giang. Hội phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.
4. Đặng Cảnh Khanh (2003), Gia đình, trẻ em và những người thừa kế các giá trị truyền thống. Nhà xuất bản Lao động-Xã hội, Hà Nội.
5. Đặng Cảnh Khanh và các tác giả khác (2000), Kinh nghiệm của trẻ em về các hình phạt của bố mẹ. Báo cáo nghiên cứu cấp bộ, Hà Nội.
6. Đặng Vũ Cảnh Linh (2004), Các vấn đề bạo lực gia đình ngày nay, Tập san Báo và Tuyên truyền, số 3/2000
7. Đặng Vũ Cảnh Linh (2003), Thanh thiếu niên và các chính sách về Thanh thiếu niên. Nhà xuất bản Lao động-Xã hội, Hà Nội.
8. Eileen Skinnider và Nhóm làm việc (2009), Tập huấn về bạo lực gia đình cho cơ quan hành pháp và tư pháp – Tài liệu tập huấn, Hà Nội 2009.
9. GenComNet (2006), Báo cáo của NGO về việc thực thi Công ước về loại bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) tại Việt Nam, Hà Nội.
10. Hoàng Gia Trang, Dương Thị Xuân, Đặng Phương Kiệt (2001), Nạn nhân của các vụ tự tử và Bạo lực gia đình: Sơ lược, Hà Nội
11. Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2000), Dữ liệu thống kê và Hồ sơ các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình từ năm 1998-2000.
12. Viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1999), Quyền trẻ em và Bình đẳng dành cho phụ nữ. Viện thông tin khoa học và trung tâm nghiên cứu quyền con người, Hà Nội.
13. Keathlee Barry Ed. (1996), Phụ nữ Việt Nam trong Thời kỳ quá độ. Macmillian Press LTD, London and St. Martin's Press, New York.
14. Lê Thị Quý (1993), Phòng chống bạo lực ở Việt Nam. Tập san Khoa học và Phụ nữ số 3 (13), 1993.
15. Lê Thị Quý (1994), Bạo lực vô hình trong các gia đình, Tập san Khoa học và Phụ nữ, số 1 (15), 1994.
16. Lê Thị Quý (1999), Bạo lực gia đình và Sự ảnh hưởng lên việc Hình thành nhân cách của trẻ. Tập san Khoa học và Phụ nữ, số 4 (38) 1999.
17. Lê Thị Quý (2000a), Bạo lực gia đình và Bất bình đẳng giới. Tập san Khoa học và Phụ nữ, số 4 (42), 2000.
18. Lê Thị Quý (2000b), Nỗi đau của thời đại, Nhà xuất bản, Hà Nội
19. Lê Thị Quý (2006), Bạo lực gia đình ở Việt Nam và những nỗ lực hạn chế nó. Hội thảo Châu á Thái Bình Dương về phụ nữ, luật và phát triển, Thái Lan.
20. Lê Thị Quý (2007), Bạo lực gia đình: Một sự nhầm lẫn về giá trị. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2007.
21. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2000), Luật hôn nhân và gia đình, Nhà xuất bản Chính trị, Hà Nội
22. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2000), Luật hình sự nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị, Hà Nội.
23. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2006), Luật Bình đẳng giới, Nhà xuất bản Chính trị, Hà Nội.
24. Radika Coomaraswamy (2000), trích từ "Lý thuyết về Bạo lực gia đình". Trình bày tại hội thảo về dự án Luật phòng chống bạo lực gia đình, Hà Nội ngày 28/9/2006 của Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội
25. Tòa án tối cao (2006), Dữ liệu thống kê và Hồ sơ các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình từ năm 1995 đến 2006, Hà Nội
26. UNDP (2004), Tiếp cận tư pháp: Khảo sát dựa trên quan điểm của người dân, UNDP, Hà Nội
27. UNESCO Messenger (1994), Ấn bản về bạo lực, Hà Nội
28. UNFPA (2007), Phòng chống bạo lực gia đình: tình trạng, nhu cầu và những ưu tiên về việc can thiệp tại Phú Thọ và Bến Tre, UNFPA, Hà Nội.
29. Vũ Tuấn Huy (2003), Mẫu thuẫn vợ chồng trong gia đình và những nhân tố bị ảnh hưởng. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Tài liệu khác

1. Ana Maria Brasileiro Ed. (1997), Phụ nữ chống lại bạo lực Phá vỡ im lặng, UNIFEM, New York, USA.
2. Deirdre Lashgari Ed. (1995), *Violence, Silence, and Anger: Women's Writing as Transgression*. Bạo lực, Im lặng và Sự giận dữ: Phụ nữ viết về đề tài vượt lên số phận. University Press, Virginia.
3. Dee L. R Graham, Edna I. Rawlings và Roberta K. Rigsby (1994), *Yêu để sống: Sự khiếp sợ về tình dục: Sự bạo lực của đàn ông và Cuộc sống của Phụ nữ*, New York University Press.
4. Holly Johnson, Natalia Ollus và Sami Nevala (2008), Bạo lực lên phụ nữ: *Quan điểm quốc tế*. HEUNI, Springer, New York.
5. Margaret Schuler Ed. (1992), Thoát khỏi bạo lực: *Chiến lược về phụ nữ trên toàn thế giới*. Luật phụ nữ và phát triển, OEF International, UNIFEM.
6. Markku Heiskanen và Minna Pllspa (1998), Niềm tin, *Hy vọng, Sự phá bỏ: Khảo sát về đàn ông bạo lực lên phụ nữ ở Phần Lan*. Statistics Finland, Helsinki.
7. Markku Heiskanen và Minna Pllspa (2002), Chi phí liên quan đến bạo lực tại khu vực thành thị: Ví dụ điển hình về bạo lực lên phụ nữ và các chi phí liên quan tại thành phố Hameenlinna 2001, dựa trên con số dự tính của người đại diện cho chính quyền, Helsinki.
8. Mary Ellsberg và Lori Heise (2005), Nghiên cứu bạo lực lên phụ nữ: *Hướng dẫn thực tiễn dành cho người nghiên cứu và các nhà hoạt động*. WHO và PATH, Washington D.C. trên trang web: www.path.org/files/GBV_rvaw_front.pdf
9. Minna Pllspa, Markku Heiskanen (2001), *Cái giá của bạo lực: The Costs of Men's Violence Against Women in Finland Chi phí dành cho đàn ông gây bạo lực lên phụ nữ tại Phần Lan*. Thống kê tại Phần Lan và Hội đồng về Bình đẳng, Helsinki.
10. Liên hiệp quốc (1979), *Công ước về loại bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử lên phụ nữ* (CEDAW).
11. Liên hiệp quốc (1995), *Tuyên ngôn hoạt động và Tuyên bố của Bắc Kinh*. Hội thảo thế giới về phụ nữ lần thứ 4, Bắc Kinh, Trung Quốc.
12. Liên hiệp quốc (2006), *Chấm dứt bạo lực lên phụ nữ: Từ lời nói đến hành động. Nghiên cứu của Tổng thư ký*. New York. <http://www.un.org/womenwatch/daw/vaw/publications/English%20Study.pdf>
13. UNIFEM (1998), *Cuộc sống không có bạo lực: Đó là quyền của chúng ta - Chiến dịch UNIFEM Châu Á-Thái bình dương về xóa bỏ bạo lực lên phụ nữ*, Bangkok.
14. WHO (2002), Báo cáo thế giới về Bạo lực và Sức khỏe của Etienne G. Krug và cộng sự, WHO, Geneva.
15. WHO (2005), Nghiên cứu đa quốc gia của WHO về sức khỏe phụ nữ và bạo lực gia đình lên phụ nữ. Những kết quả ban đầu về sự phổ biến, kết quả liên quan đến sức khỏe và phản ứng của phụ nữ, WHO, Geneva.

PHỤ LỤC 2. HỘI THẢO LẬP KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU – CHƯƠNG TRÌNH

CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO “NGHIÊN CỨU VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TƯ PHÁP HÌNH SỰ CHO NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH”

Hà Nội, 30.03 – 03.04.2009

Đơn vị tổ chức: UNODC, VWU, RCGAD, GSO, HEUNI

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
Thứ Hai 30.03.2009		
09.00 – 09.15	Đăng ký đại biểu	UNODC
09.15 – 09.25	Khai mạc	Jenni Viitala, UNODC
09.25 – 09.35	Giới thiệu đại biểu	Toàn thể
09.35 – 10.00	Giới thiệu về dự án VNM/T28 tại Việt Nam	UNODC
10.00 – 10.15	Nghỉ giải lao	
10.15 – 11.15	Tình hình bạo lực gia đình và các văn bản pháp luật về bạo lực gia đình tại Việt Nam	RCGAD
11.15 – 12.00	Mô hình nhà hỗ trợ “Ngôi nhà bình yên” cho phụ nữ và trẻ em bị bạo lực gia đình	VWU
12.00 – 13.30	Nghỉ trưa	
13.30 – 14.00	Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình – Tiến hành bởi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Tổng Cục thống kê và Bộ Y tế trong khuôn khổ chương trình hợp tác giữa Chính phủ VN và LHQ về Bình đẳng Giới	Sarah De Hovre, WHO
14.00 – 15.30	Thảo luận: Các nghiên cứu quốc tế về bạo lực gia đình	HEUNI
15.30 – 15.50	Nghỉ giải lao	
15.50 – 16.30	Một số điển hình thực hiện tốt công tác phòng chống bạo lực gia đình tại các nước	HEUNI
16.30 – 17.00	Cảnh sát và Bạo lực gia đình	HEUNI, UNODC
Thứ Ba 31.03.2009		
09.00 – 09.30	Phương pháp tiến hành điều tra khảo sát	HEUNI
09.30 – 10.00	Kết quả và phát hiện từ Thảo luận nhóm nạn nhân sau điều tra thử	RCGAD
10.00 – 10.20	Thảo luận	HEUNI, UNODC
10.20 – 10.40	Nghỉ giải lao	
10.40 – 11.10	Kết quả và phát hiện từ Phòng vấn cảnh sát và cán bộ trợ giúp pháp lý sau điều tra thử	RCGAD
11.10 – 11.30	Thảo luận	HEUNI, UNODC
11.30 – 13.00	Nghỉ trưa	
13.00 – 13.30	Kết quả Phỏng vấn nạn nhân bạo lực gia đình sau điều tra thử	VWU, GSO

13.30 – 14.00	Thảo luận	HEUNI, UNODC
14.00 – 14.20	Nghỉ giải lao	HEUNI, Toàn thể
14.20 – 16.00	Góp ý sửa đổi nội dung bản Thảo luận nhóm nạn nhân và Phòng vấn cảnh sát và cán bộ trợ giúp pháp lý	
16.00 – 17.00	Nội dung chi tiết Bảng câu hỏi phỏng vấn nạn nhân bạo lực gia đình và Góp ý sửa đổi	HEUNI, Toàn thể
Thứ Tư 01.04.2009		
9.00 – 10.45	Nội dung chi tiết Bảng câu hỏi phỏng vấn nạn nhân bạo lực gia đình và Góp ý sửa đổi (tiếp)	
10.45 – 11.00	Nghỉ giải lao	
11.00 – 12.00	Chọn mẫu trong điều tra khảo sát các dịch vụ tư pháp	VWU, GSO, RCGAD, HEUNI
12.00 – 13.30	Nghỉ trưa	
13.30 – 14.15	Các hướng dẫn cho người phỏng vấn dựa trên điều tra quốc tế về bạo lực đối với phụ nữ và các khuyến nghị của UNODC	HEUNI
14.15 – 14.50	Các cân nhắc về khía cạnh đạo đức khi tiến hành điều tra khảo sát	HEUNI
14.50 – 15.05	Nghỉ giải lao	
15.05 – 15.40	Kế hoạch triển khai khảo sát phỏng vấn nạn nhân tại thực địa	VWU, GSO, HEUNI
15.40 – 16.15	Kế hoạch triển khai phỏng vấn cảnh sát và cán bộ trợ giúp pháp lý tại thực địa	UNODC, RCGAD
16.15 – 17.00	Tổng kết và thảo luận	HEUNI, UNODC
Thứ Năm 02.04.2009: Đi thực tế		
09.30 – 11.30	Thăm quan nhà hỗ trợ	HEUNI, VWU, UNODC
11.30 – 13.00	Nghỉ trưa	
13.00 – 15.00	Thăm đồn công an, trao đổi với các cán bộ công an chuyên trách về bạo lực gia đình	HEUNI, RCGAD, UNODC
15.00 – 17.00	Thăm TT Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA), gặp gỡ thành viên CLB nạn nhân bạo lực gia đình	CSAGA
Friday 03.04.2009		
09.00 – 10.15	Thảo luận và đề xuất Đề cương báo cáo	Toàn thể
10.15 – 10.30	Nghỉ giải lao	
10.30 – 12.00	Xử lý số liệu	GSO, HEUNI
12.00 – 13.30	Nghỉ trưa	
13.30 – 15.00	Phân tích và báo cáo số liệu	RCGAD, GSO, HEUNI
15.00 – 15.15	Nghỉ giải lao	
15.15 – 17.00	Thảo luận, tổng kết và bế mạc	UNODC, HEUNI, Toàn thể

PHỤ LỤC 3. TẬP HUẤN CÁN BỘ KHẢO SÁT – CHƯƠNG TRÌNH

CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ - HỘI LHPNVN

27 – 29.04.2009

Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, 20 Thụy Khê, Hà Nội

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
Thứ Hai, 27-4-2009		
8h30-9h00	Đăng ký đại biểu	UNODC
9h00-9h15	Giới thiệu, Phát biểu của đại diện TCTK	Ông Nguyễn Phong, Vụ trưởng Vụ XHMT- TCTK
9h15-9h30	Phát biểu của đại diện Trung tâm Phụ Nữ và Phát triển	Bà Lê Thị Thuỷ Giám đốc Trung tâm PNPT
9h30-10h	Phát biểu của đại diện UNODC	Jenni Viitala, Cán bộ Chương trình, UNODC
10h-10h15	NGHỈ GIẢI LAO	
10h15-10h30	Giới thiệu luật PCBLGD. Định nghĩa và các kiểu bạo lực gia đình	Chị Nguyễn Thị Việt Nga, Chuyên viên Vụ XHMT- TCTK
10h30-11h30	Thông tin chung về cuộc điều tra. <i>Mục đích, nội dung khảo sát</i> <i>Mẫu khảo sát</i> <i>Qui định về bảo mật</i> <i>Phương pháp thu thập thông tin</i> <i>Tổ chức thực hiện và hợp tác trong điều tra</i>	Chị Đoàn Thuận Hoà- Chuyên viên Vụ XHMT- TCTK
11h30-1h30	NGHỈ TRƯA	
1h30-3h00	Nội dung bảng câu hỏi	Chị. Nguyễn Thị Loan Chuyên viên Vụ XHMT- TCTK
3h-3h15	NGHỈ GIẢI LAO	
3h15-3h45	Thực hành phỏng vấn.	Tập thể lớp học
3h45-4h30	Thảo luận, tóm tắt ngày 1	Tập thể lớp học
Thứ Ba, 28-4-2009		
8h30-9h30	Nội dung bảng câu hỏi (tiếp theo)	Chị. Nguyễn Thị Loan Chuyên viên Vụ XHMT- TCTK
9h30-9h45	NGHỈ GIẢI LAO	
9h45-10h15	Thực hành phỏng vấn.	Tập thể lớp học
10h15-10h45	Đóng vai để thực hành bảng hỏi.	Tập thể lớp học
10h45-11h30	Thảo luận Nhận xét về đóng vai và thực hành bảng hỏi.	Tập thể lớp học

11h30-1h30	NGHỈ TRƯA	
1h30-3h15	Hoàn thiện nội dung bảng hỏi Các ý kiến đóng góp về nội dung bảng hỏi	Tập thể lớp học
3h15-3h30	NGHỈ GIẢI LAO	
3h30-4h15	Thông tin chung cho điều tra viên. <i>Phòng vấn thân thiện</i> <i>Cần nhắc về đạo đức và an toàn cho các thành viên tham gia cuộc điều tra.</i> <i>Đáp ứng tổn thương tình cảm (của điều tra viên và người được phỏng vấn)</i> <i>Khuyến khích trả lời trung thực</i>	Chị Nguyễn Thị Việt Nga, Chuyên viên Vụ XHMT- TCTK
4h15-4h30	Thảo luận, tóm tắt ngày 2	
Thứ Tư, 29-4-2009		
8h30-9h30	Kế hoạch tổ chức điều tra tại 9 tỉnh	Chị Lê Phương Thủy, Trưởng phòng Tư vấn, TT PNPT
9h30-10h00	Tổ chức và ghép đội	TT PNPT & TCTK
10h00-10h15	NGHỈ GIẢI LAO	
10h15-11h00	Thành viên các đội họp nhóm và trao đổi thông tin, kế hoạch làm việc thực địa	TT PNPT & TCTK
	NGHỈ TRƯA	
1h30-3h	Giao nhận tài liệu và trang thiết bị điều tra	TCTK & các điều tra viên

PHỤ LỤC 4. MẪU BẢNG HỎI PHÒNG VẤN CÓ CẤU TRÚC VỚI CÁC NẠN NHÂN

Phần do điều tra viên thực hiện phỏng vấn điền trước khi tiến hành phỏng vấn

1. Ngày phỏng vấn ____ / ____ 2009

2. Họ và tên điều tra viên: _____ Mã số: _____

3. Thuộc tổ chức

1. Tổng cục Thống kê (GSO)
2. Hội LHPNVN

4. Tỉnh/thành phố

1. Hà Nội
2. Phú Thọ
3. Thái Nguyên
4. Đà Nẵng
5. Gia Lai
6. Ninh Thuận
7. TP Hồ Chí Minh
8. An Giang
9. Cần Thơ

Quận/Huyện: _____ Mã số: _____

Phường/Xã: _____ Mã số: _____

5. Địa bàn cư trú của người
được phỏng vấn

1. Thành phố (quận/huyện)
2. Thị trấn
3. Làng, nông thôn

6. Mã phiếu điều tra: _____

GIỚI THIỆU

Trong khuôn khổ hợp tác nghiên cứu giữa Trung tâm Phụ nữ và Phát triển và Tổng cục Thống kê về dịch vụ dành cho các nạn nhân về bạo lực gia đình tại 9 tỉnh, thành phố trên cả nước, chúng tôi đang tiến hành khảo sát tìm hiểu kinh nghiệm của chị em về những dịch vụ mà các cơ quan có thẩm quyền tổ chức cho nạn nhân bạo lực gia đình. Mục đích của việc khảo sát là nhằm cải thiện các dịch vụ dành cho nạn nhân bạo lực gia đình. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã lựa chọn 900 chị em từ 9 tỉnh tại các vùng miền khác nhau trên cả nước để tham gia cuộc khảo sát này.

Bây giờ tôi muốn hỏi chị một vài câu hỏi về kinh nghiệm và ý kiến cá nhân. Tên của chị sẽ không xuất hiện tại bất cứ bảng hỏi nào của cuộc khảo sát này. Tất cả các câu trả lời của chị sẽ được giữ bí mật hoàn toàn và khi báo cáo kết quả khảo sát chúng tôi sẽ không để lộ danh tính của chị. Sự tham gia của chị là hoàn toàn tự nguyện, nhưng rất quan trọng để đảm bảo thành công của cuộc khảo sát.

MỤC 1. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN

Trước tiên tôi muốn hỏi một số điều về bản thân chị.

Câu 1. Chị sinh năm nào (năm dương lịch)?

--	--	--	--

Câu 2. Chị thuộc dân tộc nào?

1. Kinh
2. Dân tộc khác
98. Không biết/Không nhớ
99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 3. Trình độ văn hóa/chuyên môn nghiệp vụ của chị là gì?

- | | |
|----------------------------|--|
| 00. Không/chưa từng đi học | 1. Lớp 9 |
| 0. Lớp 1 | 2. Lớp 10 |
| 1. Lớp 2 | 3. Lớp 11 |
| 2. Lớp 3 | 4. Lớp 12 |
| 3. Lớp 4 | 5. Học nghề/Hướng nghiệp sơ, trung cấp |
| 4. Lớp 5 | 6. Cao đẳng/Đại học trở lên |
| 5. Lớp 6 | 98. Không biết/Không nhớ |
| 6. Lớp 7 | 99. Từ chối trả lời/Không trả lời |
| 7. Lớp 8 | |

Câu 4. Trong hai năm qua, Chị có nguồn thu nhập nào không?

- | | |
|-----------------------------------|-------------------|
| 1. Có, suốt cả quãng thời gian | |
| 2. Có, thỉnh thoảng | |
| 3. Không | => Hỏi tiếp Câu 6 |
| 98. Không biết/Không nhớ | => Hỏi tiếp Câu 6 |
| 99. Từ chối trả lời/Không trả lời | => Hỏi tiếp Câu 6 |

Câu 5. Chị có được tự quyết định cách chi tiêu toàn bộ hay một phần thu nhập của chị không?

1. Được tự quyết định toàn bộ
2. Được quyết định một phần
3. Không được
98. Không biết/Không nhớ
99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 6. Hộ gia đình chị có được xếp vào diện hộ nghèo tại cộng đồng hay không?

1. Có
2. Không
98. Không biết/Không nhớ
99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 7. Tình trạng hôn nhân hiện tại của chị?

1. Đang có chồng
2. Góa chồng
3. Ly dị
4. Ly thân
4. Độc thân
5. Sống chung với bạn tình
6. Có quan hệ với một người đàn ông nhưng không chung sống (ví dụ hẹn hò)
98. Không biết/Không nhớ được
99. Từ chối trả lời/Không trả lời



MỤC 2. NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH

2.1 Vụ việc bạo lực gia đình xảy ra

Tiếp theo tôi sẽ hỏi chị một số câu hỏi về sự đối xử ngược đãi mà bản thân chị đã từng phải chịu. Một số câu hỏi có thể khó trả lời đối với chị và chị không bắt buộc phải trả lời. Tuy nhiên câu trả lời của chị rất quan trọng đối với chúng tôi. Trả lời của chị sẽ giúp chúng tôi hiểu hơn về tình trạng bạo lực gia đình mà phụ nữ Việt Nam phải gánh chịu và tìm biện pháp ngăn ngừa bạo lực đối với phụ nữ.

Câu 8. Trong 2 năm qua, chồng/bạn tình, chồng cũ/bạn tình cũ, hay thành viên trong gia đình chồng có đối xử với chị theo cách sau đây không?

ĐỌC TO LẦN LƯỢT TỪNG PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN VÀ ĐÁNH DẤU TẤT CẢ CÁC CÁCH BẠO HÀNH DÙ CÁCH ĐÓ ĐÃ TỪNG XẢY RA HAY KHÔNG VÀ ĐÁNH DẤU CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ THỂ LÀ THỦ PHẠM

STT		Câu trả lời 1. Có 2. Không 98. Không biết/Không nhớ 99. Từ chối trả lời/Không trả lời	Bị bạo lực bởi người nào? ĐÁNH DẤU TẤT CẢ 1=chồng 2=chồng cũ 3=bạn trai 4=bạn trai cũ 5=bố/mẹ chồng 6=anh/chị em chồng 7=họ hàng
1	Dọa đánh?		
2	Ném đồ đạc vào chị hoặc dùng vật gì đó đánh chị đau hoặc làm chị sợ hãi?		
3	Xô đẩy hay vặn tay, túm tóc chị làm chị đau hoặc sợ hãi?		
4	Tát, đá, đánh, đấm chị?		
5	Bóp cổ làm chị ngạt thở, cố ý làm chị bị bỏng?		
6	Dùng hay dọa dùng dao/kiếm/súng để tấn công chị?		

7	Có những hành động bạo lực khác? NẾU CÓ: Nêu cụ thể: _____		
8	Ép buộc hoặc tìm cách bắt chị quan hệ tình dục?		
9	Đụng chạm sinh lý mặc dù chị không đồng ý?		
10	Bóc lột chị về mặt kinh tế?		
11	Làm hại hay dọa làm hại con chị hoặc người thân của chị?		

Câu 9. Trong (những) lần bị bạo lực đó, chị có bị thương tích gì không?

1. Có
2. Không => Hỏi tiếp Câu 11
98. Không biết/Không nhớ => Hỏi tiếp Câu 11
99. Từ chối trả lời/Không trả lời => Hỏi tiếp Câu 11

Câu 10. Chị bị những thương tích như thế nào?

ĐÁNH DẤU 3 PHƯƠNG ÁN MÀ NẠN NHÂN CHO LÀ NGHIÊM TRỌNG NHẤT

1. Thâm tím, bầm dập
2. Rách da/xây sát/bỏng, v.v.
3. Rạn xương
4. Chấn thương đầu hay não
5. Gãy xương, vỡ mũi
6. Tổn thương nội tạng
7. Sảy thai
8. Tổn thương cơ quan sinh dục
9. Tổn thương khác. Nêu cụ thể: _____
98. Không biết/Không nhớ
99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 11. Chị có phải chịu các hậu quả về tâm lý do vụ việc đó gây ra không, ví dụ như sợ hãi, xấu hổ hay chán nản, trầm uất?

1. Có
2. Không => Hỏi tiếp Câu 13
98. Không biết/Không nhớ => Hỏi tiếp Câu 13
99. Từ chối trả lời/Không trả lời => Hỏi tiếp Câu 13

Câu 12. Chị phải chịu những hậu quả về tâm lý như thế nào?

ĐÁNH DẤU 3 PHƯƠNG ÁN MÀ NẠN NHÂN CHO LÀ NGHIÊM TRỌNG NHẤT

1. Giận dữ hoặc cáu bẳn
2. Sợ hãi, lo lắng hoặc hoảng loạn
3. Xấu hổ
4. Cảm thấy tội lỗi
5. Trầm uất

- 6 Mất tự tin
- 7 Mất ngủ/ khó ngủ
- 8 Khó tập trung
- 9 Các hậu quả khác. Nêu cụ thể: _____
- 98 Không biết/Không nhớ
- 99 Từ chối trả lời/Không trả lời

2.2 Chăm sóc y tế

Câu 13. Chị có được chăm sóc y tế không?

- 1. Có
- 2. Không => Hỏi tiếp Câu 16
- 98. Không biết/Không nhớ => Hỏi tiếp Câu 16
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời => Hỏi tiếp Câu 16

Câu 14. Nhân viên y tế có trình báo vụ việc cho các cơ quan có thẩm quyền khác không?

- 1. Có
- 2. Không => Hỏi tiếp Câu 16
- 98. Không biết/Không nhớ => Hỏi tiếp Câu 16
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời => Hỏi tiếp Câu 16

Câu 15. Nhân viên y tế trình báo vụ việc của chị cho cơ quan có thẩm quyền nào?

ĐÁNH DẤU 3 PHƯƠNG ÁN MÀ NẠN NHÂN CHO LÀ QUAN TRỌNG NHẤT

- 1. Tổ trưởng tổ dân phố/ Trưởng thôn
- 2. Cảnh sát
- 3. Women's Union
- 4. Cán bộ trợ giúp pháp lý/ Cán bộ tư pháp
- 5. Các cơ quan thuộc UBND (không phải cảnh sát)
- 6. Mặt trận Tổ quốc
- 7. Hội Nông dân
- 8. Các cơ quan có thẩm quyền khác. Nêu cụ thể? _____
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

2.3 Phản ứng của cảnh sát

Câu 16. Cảnh sát có biết vụ việc bạo lực nào trong số các vụ việc mà chị vừa kể không?

TRONG 2 NĂM GẦN ĐÂY

- 1. Có
- 2. Không => Hỏi tiếp Câu 35
- 98. Không biết/Không nhớ => Hỏi tiếp Câu 35
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời => Hỏi tiếp Câu 35

Câu 17. Vụ việc đó liên quan đến loại bạo lực nào dưới đây?

NẾU NHIỀU VỤ VIỆC BẠO LỰC ĐƯỢC CẢNH SÁT BIẾT ĐẾN THÌ HỎI VỀ VỤ VIỆC NGHIÊM TRỌNG NHẤT XẢY RA TRONG 2 NĂM GẦN ĐÂY.

ĐỌC TO LẦN LƯỢT TỪNG PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN VÀ ĐÁNH DẤU TẤT CẢ CÁC CÁCH BẠO HÀNH XẢY RA TRONG VỤ VIỆC VÀ ĐÁNH DẤU CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ THỂ LÀ THỦ PHẠM

STT		Câu trả lời 1. Có 2. Không 98. Không biết/ Không nhớ 99. Từ chối trả lời/ Không trả lời	Bị bạo lực bởi người nào? ĐÁNH DẤU TẤT CẢ 1=chồng 2=chồng cũ 3=bạn trai 4=bạn trai cũ 5=bố/mẹ chồng 6=anh/chị em chồng 7=họ hàng
1	Dọa đánh?		
2	Ném đồ đặc vào chị hoặc dùng vật gì đó đánh chị đau hoặc làm chị sợ hãi?		
3	Xô đẩy hay vặn tay, túm tóc chị làm chị đau hoặc sợ hãi?		
4	Tát, đá, đánh, đấm chị?		
5	Bóp cổ làm chị ngạt thở, cố ý làm chị bị bỏng?		
6	Dùng hay dọa dùng dao/kiếm/súng để tấn công chị?		
7	Có những hành động bạo lực khác? NẾU CÓ: Nêu cụ thể: _____		
8	Ép buộc hoặc tìm cách bắt chị quan hệ tình dục?		
9	Đụng chạm sinh lý mặc dù chị không đồng ý?		
10	Bóc lột chị về mặt kinh tế?		
11	Làm hại hay dọa làm hại con chị hoặc người thân của chị?		

Câu 18. Nhờ đâu mà sảnh sát biết đến vụ việc đó?

ĐÁNH DẤU 3 PHƯƠNG ÁN MÀ NẠN NHÂN CHO LÀ QUAN TRỌNG NHẤT

1. Nạn nhân báo
2. Chồng/bạn tình báo
3. Thành viên khác trong gia đình báo
4. Hàng xóm báo
5. Tự cảnh sát tìm hiểu vụ việc
6. Tổ hòa giải báo
7. Tổ trưởng Tổ dân phố/ Trưởng thôn báo
8. Cán bộ tư pháp báo
9. UBND báo
10. Hội Phụ nữ báo

- 11. Các cơ quan có thẩm quyền khác báo. Nêu cụ thể: _____
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 19. Vụ việc được báo cho cảnh sát bằng cách nào?

ĐÁNH DẤU 3 PHƯƠNG ÁN MÀ NẠN NHÂN CHO LÀ QUAN TRỌNG NHẤT

- 1. Gọi 113
- 2. Gọi đến đồn cảnh sát khu vực
- 3. Đến đồn cảnh sát khu vực
- 4. Bằng cách khác. Cách nào? _____
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 20. Cảnh sát phản ứng như thế nào khi được đề nghị giúp đỡ?

ĐÁNH DẤU 3 PHƯƠNG ÁN MÀ NẠN NHÂN CHO LÀ QUAN TRỌNG NHẤT

- 1. Đến thăm gia đình nạn nhân sau khi vụ việc được trình báo
- 2. Yêu cầu liên hệ với các cơ quan sở tại khác ví dụ như một tổ chức xã hội
- 3. Yêu cầu nạn nhân cố gắng tự giải quyết vụ việc trong nội bộ gia đình
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 21. Chị có đến đồn cảnh sát ngay sau khi sự việc xảy ra không?

- 1. Có
- 2. Không
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 22. Cảnh sát có đến nhà chị ngay sau khi sự việc xảy ra không?

- 1. Có
- 2. Không
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 23. Chị thấy việc trình báo với cảnh sát là dễ dàng hay phiền hà?

- 1. Dễ dàng
- 2. Phiền hà
- 3. Dễ dàng nhưng cũng phiền hà
- 98. Không biết/Không nhớ => hỏi tiếp câu 25
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời => hỏi tiếp câu 25

Câu 24. Vì sao chị thấy việc trình báo với cảnh sát là phiền hà/ dễ dàng?

- 1. Phiền hà, vì cách cảnh sát đối xử hoặc vì cách tiến hành trình báo
- 2. Phiền hà, vì địa điểm của đồn cảnh sát
- 3. Phiền hà, vì tôi không có đầy đủ thông tin về quy trình thủ tục/ về quyền lợi
- 4. Dễ dàng, vì cách cảnh sát đối xử hoặc vì cách tiến hành trình báo

5. Dễ dàng, vì địa điểm của đồn cảnh sát
6. It was easy, vì tôi không có đầy đủ thông tin về quy trình thủ tục/ về quyền lợi
7. Lý do khác. Nêu cụ thể: _____
98. Không biết/Không nhớ
99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 25. Bây giờ tôi sẽ hỏi chị một số câu hỏi liên quan đến việc cảnh sát xử lý vụ của chị như thế nào. Cảnh sát có:

STT		1 = Có	2 = Không	98 = KB/ KN	99 = TC/ KTL
1	Đảm bảo rằng chị có thể kể câu chuyện của chị một cách thoải mái bằng việc cho chị đủ thời gian?				
2	Quan tâm đến sự riêng tư của chị?				
3	Bày tỏ sự thông cảm với chị?				
4	Lịch sự với chị?				
5	Hỏi chị về tiền sử ngược đãi trong mối quan hệ của chị				
6	Hỏi những thông tin cụ thể về bất kỳ mối đe dọa nào đối với chị?				
7	Hỏi xem chồng/bạn tình của chị đã bao giờ ép buộc chị quan hệ tình dục khi chị không muốn?				
8	Hỏi về các thương tích của chị?				
9	Đánh giá xem thương tích của chị có ở mức độ nghiêm trọng > 11% hay không?				
10	Chụp ảnh các thương tích của chị hay sắp xếp để chụp ảnh các thương tích của chị?				
11	Hỏi chị về những người có thể làm chứng?				
12	Hỏi chị xem chị có cần được bảo vệ không?				
13	Hỏi chị xem con chị có thể làm chứng không?				
14	Giải thích cho chị điều gì sẽ diễn ra và khi nào diễn ra một cách thỏa đáng?				
15	Chị hay người thân của chị có quen biết nhân viên cảnh sát đó không?				
16	Cảnh sát có bắt giữ thủ phạm không?				
17	Cảnh sát có cung cấp cho chị văn bản báo cáo về vụ vi phạm không?				

Câu 26. Báo cáo của cảnh sát có đúng với câu chuyện mà chị kể cho họ nghe không?

1. Có
2. Không
98. Không biết/Không nhớ
99. Từ chối trả lời/Không trả lời



Câu 27. Dư luận có phê phán thủ phạm không?

- 1. Có
- 2. Không
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 28. Thủ phạm có bị xử lý vi phạm hành chính không?

- 1. Có
- 2. Không
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 29. Theo chị, các biện pháp xử lý của cảnh sát có nghiêm minh không?

- 1. Các biện pháp xử lý nghiêm minh
- 2. Các biện pháp xử lý chưa nghiêm minh
- 3. Các biện pháp quá khắt khe
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 30. Thủ phạm có bị buộc tội sau vụ việc xảy ra với chị không?

- 1. Có
- 2. Không => Hỏi tiếp Câu 32
- 3. Vụ việc vẫn trong quá trình điều tra => Hỏi tiếp Câu 32
- 98. Không biết/Không nhớ => Hỏi tiếp Câu 32
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời => Hỏi tiếp Câu 32

Câu 31. Những lời buộc tội đó có dẫn đến sự kết án chính thức của tòa không?

- 1. Có
- 2. Không
- 3. Quá trình xử án vẫn đang tiếp tục
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 32. Chị có thấy hài lòng với kết quả làm việc của cảnh sát không? Chị:

ĐỌC TO CÁC PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI, NẾU CẦN THIẾT

- 1. Rất hài lòng => Hỏi tiếp Câu 34
- 2. Khá hài lòng => Hỏi tiếp Câu 34
- 3. Tương đối không hài lòng
- 4. Rất không hài lòng
- 98. Không biết/Không nhớ => Hỏi tiếp Câu 34
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời => Hỏi tiếp Câu 34

Câu 33. Vì sao chị không hài lòng với kết quả làm việc của cảnh sát?

- 1. Cảnh sát khiến chị cảm thấy có lỗi/có trách nhiệm trong vụ việc đó
- 2. Cảnh sát không tiến hành điều tra vụ việc

- 3 Cảnh sát không bắt giữ thủ phạm
- 4 Thủ phạm không bị buộc tội gì
- 5 Chẳng có gì thay đổi
- 6 Lý do khác? Nêu cụ thể: _____
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 34. Liệu có còn điều gì khác nữa mà lẽ ra cảnh sát cần phải làm?

ĐÁNH DẤU 3 PHƯƠNG ÁN MÀ NẠN NHÂN CHO LÀ QUAN TRỌNG NHẤT

- 1 Thông báo cho chị biết về điều gì đang diễn ra
- 2 Cung cấp thông tin về các thủ tục hay dịch vụ pháp lý
- 3 Đáp ứng nhanh hơn
- 4 Buộc tội / bắt giữ anh ta
- 5 Cảnh cáo anh ta
- 6 Ghi nhận những lời than phiền của chị một cách nghiêm túc hơn/ lắng nghe chị / giúp đỡ hơn
- 7 Giải anh ta đi/ giải anh ta đi khỏi gia đình/ ra lệnh cấm anh ta không được lại gần chị
- 8 Đưa chị tới nhà tạm lánh hoặc một cơ sở dịch vụ
- 9 Có biện pháp bảo vệ chị / giúp chị rời khỏi gia đình
- 10 Đưa chị đến bệnh viện / cơ sở y tế
- 11 Khác, Nêu cụ thể: _____
- 12 Không, không cần gì nữa
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

=> HỎI TIẾP CÂU 36

Câu 35. Vì sao chị không trình báo sự việc xảy ra với cảnh sát?

ĐÁNH DẤU 3 PHƯƠNG ÁN MÀ NẠN NHÂN CHO LÀ QUAN TRỌNG NHẤT

- 1. Chị tự giải quyết/ Đó là chuyện gia đình
- 2. Chuyện quá nhỏ nhặt/ Không nghiêm trọng/ Không hề nghĩ đến chuyện báo cảnh sát
- 3. Cho rằng cảnh sát sẽ không làm gì hết
- 4. Cho rằng cảnh sát chẳng thể làm được gì
- 5. Sợ kẻ đánh mình/ Sợ bị trả thù
- 6. Xấu hổ, lung túng/ Cứ nghĩ là lỗi tại mình
- 7. Không muốn ai biết/ Giữ kín chuyện
- 8. Không muốn thủ phạm bị bắt giữ/ bị rắc rối với cảnh sát
- 9. Sợ cảnh sát không tin mình
- 10. Báo sự việc với người khác. Nêu cụ thể _____
- 11. Lý do khác. Nêu cụ thể: _____
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 36. Ngoài những người đã nhắc đến ở trên chị có từng kể chuyện đã xảy ra với ai không, ví dụ như với:

ĐÁNH DẤU 3 PHƯƠNG ÁN MÀ NẠN NHÂN CHO LÀ QUAN TRỌNG NHẤT
(ĐỌC TO CÁC PHƯƠNG ÁN NẾU CẦN THIẾT)

- 1. Người thân trong gia đình
- 2. Họ hàng khác

- 3. Bạn bè/hàng xóm
- 4. Người của Tổ hòa giải
- 5. Đồng nghiệp/sếp/bạn học
- 6. Hội phụ nữ
- 7. UBND
- 8. Bác sĩ, y tá,
- 9. Chuyên gia tâm lý, chuyên gia tâm thần, hay
- 10. Người khác? Nếu cụ thể: _____
- 11. Không ai trong những người kể trên
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 37. Chị coi chuyện xảy ra là hành động phạm tội, hành động sai trái nhưng không phải là phạm tội, hay là chuyện bình thường?

ĐỐI VỚI VỤ VIỆC NGHIÊM TRỌNG NHẤT

- 1. Hành động phạm tội
- 2. Sai trái, nhưng không phải là hành động phạm tội
- 3. Chỉ là chuyện bình thường xảy ra
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 38. Nói chung chị tin cậy cảnh sát đến mức nào? Chị tin cậy cảnh sát:

- 1. Rất nhiều
- 2. Khá nhiều
- 3. Không nhiều cũng không ít
- 4. Khá ít
- 5. Rất ít
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 39. Xét từ kinh nghiệm mà chị có về cung cách làm việc của cảnh sát, nếu chuyện tương tự xảy ra, chị có đi trình báo cảnh sát không?

- 1. Có
- 2. Không
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

2.4. Phản ứng của trợ giúp pháp lý

Câu 40. Văn phòng trợ giúp pháp lý có biết đến vụ việc của chị không?

VỤ VIỆC NGHIÊM TRỌNG NHẤT ĐƯỢC TRÌNH BÁO CẢNH SÁT (HOẶC NẾU KHÔNG TRÌNH BÁO CẢNH SÁT THÌ LÀ VỤ VIỆC NGHIÊM TRỌNG NHẤT XẢY RA TRONG 2 NĂM QUA)

- 1. Có
- 2. Không => Hỏi tiếp Câu 44
- 98. Không biết/Không nhớ => Hỏi tiếp Câu 44
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời => Hỏi tiếp Câu 44

Câu 41. Nhờ đâu mà văn phòng trợ giúp pháp lý biết đến vụ việc đó?

ĐÁNH DẤU 3 PHƯƠNG ÁN MÀ NẠN NHÂN CHO LÀ QUAN TRỌNG NHẤT

1. Nạn nhân báo
2. Cảnh sát báo
3. Chồng/ bạn tình báo
4. Thành viên khác trong gia đình báo
5. Một người quen biết báo
6. Tổ trưởng Tổ dân phố/ Trưởng thôn
7. Tự văn phòng trợ giúp pháp lý tìm hiểu vụ việc
8. Tổ hòa giải báo
9. UBND báo
10. Hội Phụ nữ báo
11. Các cơ quan có thẩm quyền khác báo. Nếu cụ thể: _____
98. Không biết/Không nhớ
99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 42. Cán bộ trợ giúp pháp lý có giải thích cho chị một cách thoả đáng về điều gì sẽ diễn ra tiếp theo và bao giờ sẽ diễn ra?

1. Có
2. Không
98. Không biết/Không nhớ
99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 43. Chị có thấy hài lòng với dịch vụ trợ giúp pháp lý không? Chị:

ĐỌC TO CÁC PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI, NẾU CẦN THIẾT

- | | |
|-----------------------------------|--------------------|
| 1. Rất hài lòng | => Hỏi tiếp Câu 61 |
| 2. Khá hài lòng | => Hỏi tiếp Câu 61 |
| 3. Tương đối không hài lòng | => Hỏi tiếp Câu 61 |
| 4. Rất không hài lòng | => Hỏi tiếp Câu 61 |
| 98. Không biết/Không nhớ | => Hỏi tiếp Câu 62 |
| 99. Từ chối trả lời/Không trả lời | => Hỏi tiếp Câu 62 |

=> HỎI TIẾP CÂU 45

Câu 44. Vì sao chị không trình báo với văn phòng trợ giúp pháp lý?

ĐÁNH DẤU 3 PHƯƠNG ÁN MÀ NẠN NHÂN CHO LÀ QUAN TRỌNG NHẤT

1. Họ không đủ trình độ để trợ giúp
2. Tự giải quyết/Đó là chuyện gia đình
3. Chuyện quá nhỏ nhặt/Không nghiêm trọng/Không hề nghĩ đến chuyện báo cán bộ trợ giúp pháp lý
4. Cho rằng cán bộ trợ giúp pháp lý sẽ không làm gì hết
5. Cho rằng cán bộ trợ giúp pháp lý chẳng thể làm được gì
6. Sợ kẻ đánh mình / Sợ bị trả thù
7. Xấu hổ, lúng túng / Cứ nghĩ là lỗi tại mình
8. Không muốn ai biết / Giữ kín chuyện
9. Không muốn thủ phạm bị bắt giữ / gặp rắc rối với cán bộ trợ giúp pháp lý

- 10. Sợ cán bộ trợ giúp pháp lý không tin mình
- 11. Bảo sự việc với người khác.
Nêu cụ thể _____
- 12. Lý do khác
Nêu cụ thể: _____
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

2.5. Hòa giải

Câu 45. Vụ việc đó có được hòa giải không?

VỤ VIỆC NGHIÊM TRỌNG NHẤT ĐƯỢC TRÌNH BÁO CẢNH SÁT (HOẶC NẾU KHÔNG TRÌNH BÁO CẢNH SÁT THÌ LÀ VỤ VIỆC NGHIÊM TRỌNG NHẤT XẢY RA TRONG 2 NĂM QUA)

- 1. Có
- 2. Không => hỏi tiếp câu 53
- 98. Không biết/Không nhớ => hỏi tiếp câu 53
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời => hỏi tiếp câu 53

Câu 46. Ai là người thực hiện hòa giải?

ĐÁNH DẤU 3 PHƯƠNG ÁN MÀ NẠN NHÂN CHO LÀ QUAN TRỌNG NHẤT

- 1. Gia đình
- 2. Hội Phụ nữ
- 3. Hội Nông dân
- 4. Mặt trận Tổ quốc
- 5. Tổ trưởng Tổ dân phố/ Trưởng thôn
- 6. UBND
- 7. Đoàn Thanh niên
- 8. Tổ chức/ Đoàn thể khác. Nêu cụ thể: _____
- 9. Cảnh sát
- 10. Khác. Nêu cụ thể: _____
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 47. Kết quả hòa giải như thế nào?

- 1. Hòa giải được và chuyện bạo lực gia đình không xảy ra nữa
- 2. Hòa giải được và yên ổn một thời gian, sau đó lại tiếp tục xảy ra bạo lực gia đình
- 3. Không hòa giải được nhưng bạo lực gia đình không xảy ra nữa
- 4. Không hòa giải được và vẫn tiếp tục xảy ra bạo lực gia đình
- 5. Giải pháp khác. Nêu cụ thể: _____
- 98. Không biết/Không nhớ
- 99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 48. Chị có hài lòng với kết quả hòa giải không?

ĐỌC CÁC PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

- 1. Rất hài lòng => hỏi tiếp câu 50
- 2. Khá hài lòng => hỏi tiếp câu 50

- | | | |
|-----|-------------------------------|--------------------|
| 3. | Không hài lòng lắm | => hỏi tiếp câu 49 |
| 4. | Rất không hài lòng | => hỏi tiếp câu 49 |
| 98. | Không biết/Không nhớ | => hỏi tiếp câu 50 |
| 99. | Từ chối trả lời/Không trả lời | => hỏi tiếp câu 50 |

Câu 49. Vì sao chị không hài lòng với hòa giải?

- | | | |
|---|--|--------------------------|
| 1 | Chị không được coi trọng | <input type="checkbox"/> |
| 2 | Chị không được đảm bảo an toàn | |
| 3 | Chị không tin hòa giải sẽ giúp chấm dứt bạo lực gia đình | |
| 4 | Tổ hòa giải không khách quan | |
| 5 | Lý do khác? Nêu cụ thể: _____ | |

Câu 50. Sau đó, tổ hòa giải có tiếp tục đến thăm gia đình chị không?

- | | | |
|-----|--|--------------------------|
| 1. | Có, họ đến thăm 1 lần sau khi xảy ra vụ việc | <input type="checkbox"/> |
| 2. | Có, họ đến thăm vài lần sau khi xảy ra vụ việc | |
| 3. | Không | |
| 98. | Không biết/Không nhớ | |
| 99. | Từ chối trả lời/Không trả lời | |

Câu 51. Chị có thấy tổ hòa giải đã lưu ý tới mức độ nghiêm trọng của vụ việc?

- | | | |
|-----|-------------------------------|--------------------------|
| 1. | Có | <input type="checkbox"/> |
| 2. | Một chút | |
| 3. | Không | |
| 98. | Không biết/Không nhớ | |
| 99. | Từ chối trả lời/Không trả lời | |

Câu 52. Chị có thấy tổ hòa giải đã lưu ý tới sự an toàn của chị?

- | | | |
|-----|-------------------------------|--------------------------|
| 1. | Có | <input type="checkbox"/> |
| 2. | Một chút | |
| 3. | Không | |
| 98. | Không biết/Không nhớ | |
| 99. | Từ chối trả lời/Không trả lời | |

Câu 53. Liên quan đến vụ việc này, chị có liên hệ với một tổ chức chuyên trách nào không, ví dụ như:

ĐỌC TO, ĐÁNH DẤU TẤT CẢ CÁC PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC LỰA CHỌN

- | | | | |
|-----|---------------------------------|--------------------|--------------------------|
| 1. | Nhà tạm lánh | => hỏi tiếp câu 54 | <input type="checkbox"/> |
| 2. | Đường dây nóng | => hỏi tiếp câu 54 | |
| 3. | Tư vấn khác | => hỏi tiếp câu 54 | |
| 4. | Hội Phụ nữ | => hỏi tiếp câu 54 | |
| 5. | Cơ quan khác? Nêu cụ thể: _____ | => hỏi tiếp câu 54 | |
| 6. | Không liên hệ với cơ quan nào | => hỏi tiếp câu 55 | |
| 98. | Không biết/Không nhớ | => hỏi tiếp câu 55 | |
| 99. | Từ chối trả lời/Không trả lời | => hỏi tiếp câu 55 | |

Câu 54. Dịch vụ ở những cơ quan/nơi sau đây hữu ích đến mức nào?

HỎI RIÊNG CHO TỪNG MỤC

Rất hữu ích, tương đối hữu ích hay không hữu ích chút nào?

		Trả lời	Mã
1	Nhà tạm lánh		1. Rất hữu ích
2	Đường dây nóng		2. Tương đối hữu ích
3	Tư vấn khác		3. không hữu ích chút nào
4	Hội phụ nữ		98. KB/KN
5	Cơ quan khác? Nếu cụ thể		99. TC/KTL

Câu 55. Chị có biết về một văn bản pháp luật hiện hành nào liên quan đến phòng chống bạo lực gia đình không? Nếu biết, mời chị kể tên:

NẾU NGƯỜI ĐƯỢC PHÒNG VẤN ĐỀ CẬP ĐẾN LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH, ĐÁNH DẤU CÓ.

1. Có
2. Không
98. Không biết/Không nhớ
99. Từ chối trả lời/Không trả lời



2.6. Các loại hình bạo lực khác

Câu 56. Bây giờ tôi muốn hỏi chị về một vài tình huống đôi khi xảy ra trong các mối quan hệ và giữa các thành viên cùng sống dưới một mái nhà. Chồng/bạn tình, chồng/bạn tình cũ, bố/mẹ chồng, anh/chị/em chồng có:

ĐỌC TO LẦN LƯỢT TỪNG MỤC

STT		Trả lời 1. Có 2. No 98. KB/KN 99. TC/KTL	Ai? CÓ THỂ NHIỀU HƠN 01 MÃ 1=chồng 2=chồng cũ 3=bạn trai 4=bạn trai cũ 5=bố/mẹ 6=anh/chị/em chồng 7=họ hàng
1	Nổi giận nếu chị trò chuyện với những người đàn ông khác?		
2	Tìm cách ngăn cản chị tham gia các hoạt động bên ngoài như học tập, làm việc?		
3	Tìm cách hạn chế việc chị tiếp xúc với gia đình và bạn bè?		
4	Đi theo hay theo dõi xem chị đi đâu, làm gì khiến chị cảm thấy bị giám sát hay sợ hãi?		
5	Mắng chửi, lăng nhục chị, hay cư xử theo cách làm cho chị bị bẽ mặt hay khiến chị cảm thấy tồi tệ?		
6	Làm hỏng hay phá hoại tài sản của cải của chị?		

7	Kiểm soát tài sản hợp pháp thuộc về chị?		
8	Luôn luôn nghi ngờ chị không chung thủy?		
9	Luôn khẳng khẳng đòi biết chị đi đâu, gặp ai?		
10	Dọa tự tử?		
11	Dọa làm đau chị hay con chị nếu chị bỏ anh ta?		

Câu 57. Chồng/bạn tình của chị đã bao giờ sử dụng vũ lực với người ngoài gia đình chưa, ví dụ như ở nơi làm việc hay ở quán nhậu?

1. Có
2. Không
98. Không biết/Không nhớ được
99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 58. Chồng/bạn tình của chị đã bao giờ gặp rắc rối với cảnh sát vì có hành vi bạo lực chưa?

1. Có
2. Không
98. Không biết/Không nhớ được
99. Từ chối trả lời/Không trả lời

Câu 59. Buổi phỏng vấn kết thúc ở đây. Tôi xin cảm ơn chị vì đã trả lời những câu hỏi khó nói vừa rồi. Nếu chị vẫn còn có ý kiến hay nhận xét gì liên quan đến vấn đề chúng tôi vừa phỏng vấn, chúng tôi rất hoan nghênh đón nhận để ghi vào bản câu hỏi này.

XIN CẢM ƠN!

3. PHẦN DÀNH CHO ĐIỀU TRA VIÊN ĐIỂN SAU KHI KẾT THÚC PHỎNG VẤN

Câu 60. Cuộc phỏng vấn kéo dài trong bao lâu?

Thời gian dành cho phỏng vấn từ câu 1 đến câu 59 là: _____ phút

Câu 61. Người được phỏng vấn có gặp khó khăn gì với một số câu hỏi không? Ví dụ họ không hiểu câu hỏi hoặc cảm thấy một số câu hỏi quá riêng tư hay nhạy cảm?

1. Có => trả lời câu 62
2. Không

Câu 62. Đây là (những) câu nào?

Câu 63. Chữ ký của Điều tra viên: _____

PHỤ LỤC 5. HƯỚNG DẪN THẢO LUẬN NHÓM CÁC NẠN NHÂN

Nhóm nạn nhân trọng điểm

Những điểm cần lưu ý từ đầu

- mỗi nhóm nên gồm khoảng 5 nạn nhân có hoàn cảnh giống nhau nhưng không quen biết nhau;
- có thể ghi âm phỏng vấn được không? Nếu có: thực hiện việc chép lại nội dung các cuộc phỏng vấn được ghi âm như thế nào?;
- phỏng vấn nhóm trọng điểm do hai thành viên của nhóm nghiên cứu thực hiện: một người điều khiển dẫn dắt cuộc phỏng vấn; người kia quan sát và ghi chép nội dung thảo luận. Cần trao đổi về các kết luận để xem kết luận có phù hợp với nội dung thảo luận hay không, có bỏ qua vấn đề gì không;
- phải đảm bảo bảo mật thông tin: không hỏi tên người tham gia phỏng vấn, không để danh tính người được phỏng vấn có thể bị tìm ra sau khi tham gia thảo luận. Chỉ những người trong nhóm nghiên cứu mới được có thông tin về họ.
- trong quá trình trao đổi không để xảy ra việc chia sẻ kinh nghiệm cá nhân về bạo lực gia đình (BLGD), người điều khiển thảo luận có thể buông lỏng vai trò dẫn dắt thảo luận nếu không khí trong nhóm trở nên quá nhạy cảm vì đề cập đến kinh nghiệm riêng. Người điều khiển thảo luận không phải là nhà tư vấn và phỏng vấn nhóm trọng điểm không phải là buổi tư vấn: tất cả những người tham gia phải được biết rằng đó là buổi thảo luận chuyên đề vì mục đích nghiên cứu để có thể hiểu rõ hơn về bạo lực gia đình từ góc độ của nạn nhân;
- không cho phép người ngoài tham dự (không để đồng nghiệp, sếp hay những người khác giám sát cuộc phỏng vấn)
- môi trường tự nhiên 'thường ngày': có trà/cà phê, đồ ăn nhẹ, v.v.
- mọi người tham gia phỏng vấn đều có thể bày tỏ ý kiến (nhiệm vụ của người điều khiển là đảm bảo cho mọi người đều có cơ hội và vị trí như nhau);
- mỗi buổi thảo luận từ 45-60 phút, tránh những câu trả lời có/không.
- có thể hỏi thăm dò, tức là người điều khiển có thể hỏi thêm, ví dụ "còn gì nữa không?" nếu thấy mọi người có vẻ muốn tiếp tục thảo luận về một chủ đề cụ thể nào đó.

Chủ đề thảo luận

Bắt đầu từ những chủ đề sau:

- Bạo lực là gì? Có những hình thức/loại hình bạo lực nào? (nếu mọi người không nêu được, thì đặt câu hỏi thăm dò: thể xác, tình dục, tâm lý, kinh tế)?
- Bạo lực gia đình có phải là tội phạm không? Liệu có những tình huống mà BLGD có thể dễ/khó được chấp nhận hơn bạo lực nói chung hay không?
- Có nên để tất cả các vụ BLGD cho hệ thống tòa án hình sự giải quyết hay để cho các cơ quan có thẩm quyền khác xử lý, hay chỉ nên giải quyết trong nội bộ gia đình? Liệu có giải pháp nào khác / hữu hiệu hơn để giải quyết vụ việc hay không?
- Ai/tổ chức nào là nơi cần liên hệ đầu tiên trong các vụ BLGD? Gia đình, Hội Liên hiệp Phụ nữ, cảnh sát hay ngành y tế?

BLGD và cơ quan có thẩm quyền:

Cảnh sát

- Nạn nhân BLGD có thể dễ dàng trình báo cảnh sát hay không? So với việc trình báo các loại tội phạm khác, ví dụ như tội trộm cắp tài sản chẳng hạn, thì thế nào? Những yếu tố gây phức tạp trong việc trình báo là gì? Vì sao nạn nhân cần phải trình báo BLGD với cảnh sát?
- Cảnh sát có tôn trọng nạn nhân BLGD và coi BLGD là 'tội phạm thực sự' hay không? = có đáng mất thời gian điều tra, HAY: có phải cảnh sát không quan tâm đến BLGD không? Thái độ của cảnh sát đối với BLGD như thế nào?
- Vấn đề bảo mật thông tin thực hiện thế nào? Nhất là ở làng/thị trấn nhỏ?
- Sự nhạy bén của cảnh sát trong những trường hợp CS đến nhà giải quyết vụ việc về BLGD và trong việc điều tra ra sao? Cảnh sát có thường đến gia đình có BLGD để giải quyết vụ việc hay không? Họ thường làm gì khi đến gia đình xảy ra BLGD để giải quyết vụ việc?

- Nhân viên cảnh sát có được đào tạo/tập huấn để hiểu/điều tra về BLGD không?
- Nhân viên cảnh sát có tin lời kể của người phụ nữ hay họ dễ dàng tin kẻ bạo hành hơn? Thủ phạm có thể thuyết phục cảnh sát hay hối lộ để thoát tội hay không?
- Có nên dùng nữ cảnh sát để điều tra về BLGD hay không? Hay trình bày sự việc với một cảnh sát nam sẽ dễ dàng hơn? Hay nam hoặc nữ cảnh sát cũng chẳng có gì khác nhau?
- Cảnh sát có thể ngăn chặn hay làm giảm bớt tình trạng BLGD không?
- Cảnh sát cần phải làm gì trong các vụ BLGD? Ngoài việc bắt giữ thủ phạm và viết báo cáo về vụ việc, còn có cách nào khác để cảnh sát giúp nạn nhân nữa không? Ví dụ về cách làm tốt?

Tư vấn pháp lý

- Mọi người nói chung và nhất là nạn nhân BLGD có biết gì về tư vấn pháp lý không?
- Các dịch vụ tư vấn pháp lý có dễ tiếp cận không, hay có các hạn chế về dịch vụ/nhóm đối tượng được trợ giúp? Còn có những hạn chế gì khác của dịch vụ tư vấn pháp lý?
- Việc tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp lý và được trợ giúp có dễ dàng đối với nạn nhân BLGD không? So sánh việc trợ giúp về BLGD với các loại hình tội phạm khác, như tội trộm cắp tài sản chẳng hạn, thì thế nào? Những yếu tố gây phức tạp trong tìm kiếm tư vấn pháp lý là gì?
- Cán bộ tư vấn pháp lý có tôn trọng nạn nhân BLGD và coi BLGD là 'tội phạm thực sự' hay không? = có đáng nhận giải quyết, HAY: có phải họ không quan tâm đến BLGD không?
- Thái độ của cán bộ tư vấn pháp lý đối với BLGD như thế nào?
- Vấn đề bảo mật thông tin về giải quyết vụ việc BLGD thực hiện thế nào? Nhất là ở làng/thị trấn nhỏ?
- Sự nhạy cảm của cán bộ tư vấn pháp lý đối với nạn nhân BLGD?
- Cán bộ tư vấn pháp lý có được đào tạo để hiểu/điều tra về BLGD không?
- Cán bộ tư vấn pháp lý có tin lời kể của người phụ nữ hay họ dễ dàng tin thru phạm hơn? Thủ phạm có thể thuyết phục cán bộ tư vấn pháp lý hay hối lộ để thoát tội hay không?
- Có khác biệt gì trong trợ giúp nạn nhân BLGD nếu cán bộ tư vấn pháp lý là nam hay nữ hay không?
- Cán bộ tư vấn pháp lý có thể ngăn chặn hay làm giảm bớt tình trạng BLGD không?

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

- Hội LHPNVN có thể giúp đỡ nạn nhân BLGD bằng cách nào?
- Việc tiếp cận Hội LHPNVN địa phương để tìm kiếm trợ giúp trong những trường hợp BLGD có dễ dàng hay không?
- Vấn đề bảo mật thông tin về giải quyết vụ việc BLGD thực hiện thế nào? Nhất là ở làng/thị trấn nhỏ?
- Sự nhạy cảm của cán bộ Hội LHPNVN đối với nạn nhân BLGD?
- BLGD có được cán bộ Hội LHPNVN coi là tội phạm hay không?
- Cán bộ Hội LHPNVN có khuyên nạn nhân đến đồn cảnh sát/cơ sở y tế/cơ quan tư vấn pháp lý hay không? Hay họ khuyên nạn nhân đừng đến những nơi đó.

Hòa giải

- Có dịch vụ hòa giải cho các vụ BLGD không? Ai làm việc hòa giải đó? Thành viên tổ hòa giải là nam hay nữ?
- Những vụ BLGD như thế nào thường được hòa giải? những vụ nghiêm trọng hay không nghiêm trọng?
- Theo các chị thế nào là vụ BLGD nghiêm trọng/ không nghiêm trọng?
- Việc hòa giải có hiệu quả không? tức là sau đó không xảy ra bạo lực gia đình giữa vợ chồng nữa. Tổ hòa giải có đến nhà thăm/kiểm tra sau lần hòa giải đầu tiên không?
- Trong trường hợp hòa giải không có kết quả, bước tiếp theo là gì? Cán bộ hòa giải có cố gắng hòa giải lần nữa không. Những cơ quan có thẩm quyền khác (VD: cảnh sát) có tham gia giải quyết vụ việc khi hòa giải lần đầu không có kết quả không?
- Tổ hòa giải có chú ý tới an toàn của nạn nhân BLGD không? Họ có làm gì tiếp theo việc hòa giải không?
- Tổ hòa giải có tôn trọng nạn nhân BLGD và coi BLGD là "tội phạm thực sự" không?
- Sự nhạy cảm của Tổ hòa giải đối với nạn nhân BLGD?

Nhìn nhận về các cơ quan có thẩm quyền

- Các chị có tin tưởng/đánh giá cao cảnh sát nói chung hay không?

Luật Phòng chống Bạo lực gia đình

- Những người tham gia thảo luận có biết về Luật Phòng chống Bạo lực gia đình không? (NẾU HỌ KHÔNG BIẾT, HÃY GIẢI THÍCH NGẮN GỌN NỘI DUNG LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN)
- Các chị có nghĩ rằng những biện pháp đưa ra trong Luật PCBLGD sẽ có hiệu quả trong việc xử lý và ngăn chặn BLGD không? Ví dụ như hòa giải mâu thuẫn/xung đột và bất đồng tại cộng đồng (tham khảo §12-15); Góp ý và phê bình trong cộng đồng (§16-17); Cấm tiếp xúc (§20-22); các biện pháp cải tạo kẻ bạo hành (§43)
- Trong cộng đồng liệu có đủ các cơ chế hỗ trợ cho nạn nhân BLGD không?

Những vấn đề hỏi trước khi kết thúc thảo luận

- Các chị có cảm thấy là tình trạng bạo lực gia đình đang ngày càng tăng trong cộng đồng của mình không? Vì sao?
- Nguyên nhân dẫn đến BLGD là gì? Có thể biện hộ cho BLGD trong một số trường hợp nhất định hay không? Vì sao?
- Làm thế nào để giảm bớt tình trạng BLGD?

PHỤ LỤC 6. HƯỚNG DẪN PHÒNG VẤN SÂU DÀNH CHO CÔNG AN VÀ CÁN BỘ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Những điểm cần lưu ý từ đầu

- phỏng vấn định tính: trao đổi về các chủ đề tập trung vào người được phỏng vấn
- có thể ghi âm phỏng vấn được không? thực hiện việc chép lại nội dung các cuộc phỏng vấn được ghi âm như thế nào?
- nếu không ghi âm; phải có tài liệu ghi chép cuộc phỏng vấn (càng chi tiết càng tốt)
- phải đảm bảo bảo mật thông tin tuyệt đối: không ghi tên vào bản ghi chép hay băng ghi âm, không để danh tính người được phỏng vấn có thể bị tìm ra.
- không cho phép người ngoài tham gia (không để đồng nghiệp, sếp hay những người khác giám sát cuộc phỏng vấn)
- mỗi buổi thảo luận từ 30-60 phút, tránh những câu trả lời có/không.
- có thể lựa chọn gợi ý thăm dò: “còn về vấn đề/việc khác thì sao” thêm vào các mục cần hỏi;

Danh sách chủ đề: CẢNH SÁT

1. Tình hình và mức độ điều tra tội phạm bạo lực gia đình (BLGD) so với toàn bộ khối lượng công việc

- trong công việc hàng ngày của anh/chị
- trong công tác giữ gìn trật tự an ninh của đơn vị anh/chị (cảnh sát có đơn vị chuyên trách về bạo lực không, có bao nhiêu chiến sĩ chịu trách nhiệm giải quyết vấn đề bạo lực, %, v.v.)
- trong công tác giữ gìn trật tự an ninh của lực lượng cảnh sát huyện (đơn vị tổ chức lớn hơn của cảnh sát)
- ở cấp độ cả nước (những đề xuất thông thường, v.v.)

2. Vai trò của BLGD

- trong công việc của anh/chị. Kinh nghiệm điều tra/ngăn ngừa BLGD của anh/chị trong công việc giữ gìn trật tự an ninh của đơn vị anh/chị (có bao nhiêu người làm việc đó, số vụ việc BLGD, %, v.v.)
- trong công việc giữ gìn trật tự an ninh của lực lượng cảnh sát huyện (đơn vị tổ chức lớn hơn của cảnh sát)
- ở cấp độ cả nước
- BLGD như một tội phạm. Các hình thức BLGD (thể xác, tình dục, tâm lý, kinh tế); Những hình thức đó biểu hiện như thế nào trong các vụ BLGD? Có số liệu thống kê/số liệu thống kê có đáng tin cậy không? Có phải tất cả các vụ BLGD đều thực sự bạo lực/là tội phạm và phải được xử lý trong hệ thống toàn án hình sự không?
- Trong 12 tháng vừa qua anh/chị có được đào tạo/tập huấn về cách giải quyết BLGD không? Hình thức đào tạo/tập huấn như thế nào? Trong 5 năm vừa qua? Các vấn đề về BLGD có được đưa vào chương trình đào tạo cảnh sát không?
- dự đoán của anh/chị về sự phát triển của BLGD/hoạt động trình báo/báo cáo/công tác giữ gìn trật tự an ninh trong khu vực của mình

3. Cách tổ chức và thực hiện điều tra BLGD ở đơn vị anh/chị thế nào?

- phần thời gian làm việc dành cho BLGD (%)
- những kỹ năng/nghiệp vụ/trang thiết bị đặc biệt cần có?
- luôn có nữ cảnh sát để thực hiện giải quyết/điều tra vụ việc tại nhà
- những vấn đề đặc biệt trong điều tra BLGD là gì?

4. Cảnh nhắc về nạn nhân

- bạo lực/ BLGD có phải là vi phạm bị kiện không? Nạn nhân có cần phải tích cực trong vụ việc của mình không? Trong thực tế thì thế nào?
- bảo vệ nạn nhân trước (những) kẻ bạo hành – trong thực tế việc đó được thực hiện như thế nào?
- cảnh sát có cần nhắc đến tính nhạy cảm của vụ việc không?
- trong thực tế việc bảo mật thông tin cho các vụ BLGD được thực hiện như thế nào, có thể thực hiện được không?

- anh/chị có thông báo cho nạn nhân biết về những dịch vụ do các cơ quan có thẩm quyền hay tổ chức khác cung cấp không (VD: Hội LHPNVN, tư vấn pháp lý, ngành y tế, khu vực xã hội, các tổ chức trợ giúp nạn nhân BLGD)?
- nạn nhân có thể dễ dàng trình báo về BLGD không? Việc đó so với trình báo các loại hình tội phạm khác như thế nào? Những yếu tố gây khó khăn cho việc trình báo là gì (Lý lẽ: nhiều vụ BLGD vẫn bị giấu không trình báo)?

5. Quan hệ nạn nhân – thủ phạm trong BLGD

- vai trò của nạn nhân trong điều tra vụ việc BLGD. Thực hiện phỏng vấn nạn nhân và thủ phạm như thế nào (hỏi riêng từng người hay hỏi cùng một lúc?)
- có thể xin bãi nại trong các vụ BLGD/việc bãi nại có phổ biến/ không?
- tổ chức hòa giải/điều đình xung đột/mâu thuẫn tại cộng đồng?
- lệnh cấm thủ phạm tiếp xúc với nạn nhân/các biện pháp bảo vệ nạn nhân khác? Những biện pháp đó có thường được áp dụng/áp dụng trong những trường hợp nào? Trong trường hợp cấm thủ phạm tiếp xúc với nạn nhân thì nạn nhân hay kẻ bạo hành rời khỏi gia đình?

6. Điều tra

- có phải cảnh sát chịu trách nhiệm hoàn toàn về quá trình điều tra không? Nếu không phải như thế/ không phải trong tất cả các vụ BLGD, thì ai/cơ quan nào chịu trách nhiệm?
- mục đích chính trong điều tra các vụ BLGD là gì?
- trong thực tế công việc điều tra tiến hành như thế nào?
- sử dụng các bằng chứng kỹ thuật và người làm chứng

7. Sự phối hợp của cảnh sát với các cơ quan chức năng (trợ giúp nạn nhân) khác

- y tế: Nhân viên y tế tự động báo/không báo các vụ BLGD nghiêm trọng với cảnh sát? Trong thực tế việc phối hợp được thực hiện thế nào? Có văn bản qui định cách thực hiện không? Những qui định đó có được tuân thủ không? khó khăn trong công tác phối hợp?
- tư vấn pháp lý: có phải cảnh sát và tư vấn pháp lý có cùng mục đích/mục đích xung đột nhau? Sự tham gia của bên tư vấn pháp lý có giúp ích cho cảnh sát hay không?
- các đoàn thể dân sự: HLHPN. Phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương? Cách làm thông thường. Vấn đề. Các cơ quan chức năng khác?

8. Công tác ngăn chặn BLGD

- trong công việc của anh/chị hay của đơn vị/ở cấp độ cả nước
- ngăn chặn tái phạm hành vi BLGD /công cụ đánh giá nguy cơ?
- các công tác chủ động ngăn chặn khác

9. Luật phòng chống BLGD

- kiểm tra xem người được phỏng vấn có biết nội dung của Luật PCBLGD không, nếu họ chưa biết thì giới thiệu ngắn gọn cho họ biết
- Luật PCBLGD có tác động gì tới việc trình báo/báo cáo BLGD không?
- Luật PCBLGD có tác động gì tới cách làm việc của cảnh sát không?
- tác động của Luật PCBLGD trong tương lai?

10. Những vấn đề khác về BLGD mà người được phỏng vấn sẽ trao đổi/báo cáo?

Danh sách chủ đề: TƯ VẤN PHÁP LÝ

1. Tình hình và mức độ tội phạm BLGD trong các vụ tư vấn pháp lý so với toàn bộ khối lượng công việc

- trong công việc hàng ngày của anh/chị
- trong công việc của đơn vị anh/chị (chỗ anh/chị có đơn vị chuyên trách về bạo lực không, có bao nhiêu nhân viên chịu trách nhiệm giải quyết vấn đề bạo lực, %, v.v.)
- trong công tác tư vấn pháp lý trong huyện (đơn vị tổ chức lớn hơn)
- ở cấp độ cả nước (những đề xuất thông thường, v.v.)

2. Vai trò của BLGD

- trong công việc của anh/chị. Kinh nghiệm giải quyết các vụ BLGD (số vụ)
- trong công việc của đơn vị anh/chị (có bao nhiêu người làm việc, số vụ phải giải quyết, %, v.v.)
- trong công tác tư vấn pháp lý trong huyện (đơn vị tổ chức lớn hơn)
- ở cấp độ cả nước
- BLGD như một tội phạm. Các hình thức BLGD (thể xác, tình dục, tâm lý, kinh tế); Những hình thức đó biểu hiện như thế nào trong các vụ BLGD? Có số liệu thống kê về BLGD không? Có phải tất cả các vụ BLGD đều thực sự bạo lực/là tội phạm cần phải được xử lý trong hệ thống toàn án hình sự không?
- Trong 12 tháng vừa qua anh/chị có được đào tạo/tập huấn về cách giải quyết BLGD không? Hình thức đào tạo/tập huấn như thế nào? Trong 5 năm vừa qua? Giải quyết BLGD có trong chương trình đào tạo luật cơ bản của anh/chị không?
- dự đoán của anh/chị về sự phát triển của BLGD/hoạt động trình báo trong khu vực của mình

3. Cách tổ chức và thực hiện điều tra BLGD ở đơn vị anh/chị thế nào?

- phần thời gian làm việc dành cho BLGD (%)
- những kỹ năng/nghịệp vụ/trang thiết bị đặc biệt cần có?
- có cán bộ tư vấn pháp lý nữ để giải quyết các vụ BLGD
- những vấn đề đặc biệt trong xử lý các vụ BLGD là gì?

4. Cần nhắc về nạn nhân

- anh/chị nhận tư vấn pháp lý cho một vụ BLGD trên cơ sở nào?
- bạo lực/ BLGD có phải là vi phạm bị kiện không? Nạn nhân có cần phải tích cực trong vụ việc của mình không? Trong thực tế thì thế nào?
- bảo vệ nạn nhân trước (những) kẻ bạo hành – trong thực tế việc đó được thực hiện như thế nào?
- tính nhạy cảm của vụ việc?
- trong thực tế việc bảo mật thông tin cho các vụ BLGD được thực hiện như thế nào, có thể thực hiện được không?
- anh/chị có thông báo cho nạn nhân biết về những dịch vụ do các cơ quan có thẩm quyền hay tổ chức khác cung cấp không (VD: khu vực xã hội, các tổ chức trợ giúp nạn nhân BLGD)? Những cơ quan chức năng hay tổ chức nào?
- nạn nhân có thể dễ dàng trình báo về BLGD không? Việc đó so với trình báo các loại hình tội phạm khác như thế nào? Những yếu tố gây khó khăn cho việc trình báo là gì (Lý lẽ: nhiều vụ BLGD vẫn bị giấu không trình báo)?

5. Quan hệ nạn nhân – thủ phạm trong BLGD

- vai trò của nạn nhân trong điều tra vụ việc BLGD. Thực hiện phỏng vấn nạn nhân và thủ phạm như thế nào (hỏi riêng từng người hay hỏi cùng một lúc?)
- có thể xin bãi nại trong các vụ BLGD/việc bãi nại có phổ biến không?
- tổ chức hòa giải/điều đình xung đột/mâu thuẫn tại cộng đồng?
- lệnh cấm thủ phạm tiếp xúc với nạn nhân/các biện pháp bảo vệ nạn nhân khác? Những biện pháp đó có thường được áp dụng/áp dụng trong những trường hợp nào? Trong trường hợp cấm thủ phạm tiếp xúc với nạn nhân thì nạn nhân hay kẻ bạo hành rời khỏi gia đình?
- hối lộ (ví dụ: liệu thủ phạm có thể hối lộ cảnh sát/cán bộ tư vấn pháp lý/tòa án để hủy bỏ lời buộc tội không)

6. Công tác đại diện pháp lý

- mục đích chính của việc thu thập tài liệu cho vụ BLGD
- trong thực tế công việc đó tiến hành thế nào
- sử dụng các bằng chứng kỹ thuật và người làm chứng

7. Phối hợp với cảnh sát và các cơ quan chức năng (trợ giúp nạn nhân) khác

- Y tế: anh/chị có phối hợp với nhân viên y tế không? Những khó khăn trong việc phối hợp là gì?
- Cảnh sát: trong thực tế việc phối hợp được thực hiện thế nào? Sự tham gia của bên tư vấn pháp lý có được cảnh sát hoan nghênh hay không?

- các đoàn thể dân sự: HLHPN. Phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương? Cách làm thông thường. Vấn đề. Các cơ quan chức năng khác?

8. Công tác ngăn chặn BLGD

- trong công việc của anh/chị, trong công việc của đơn vị anh, chị/ở cấp độ quốc gia
- ngăn chặn tái phạm hành vi BLGD / đánh giá nguy cơ?
- các công tác chủ động ngăn chặn khác

9. Nhìn nhận của công chúng về tư vấn pháp lý

- ý kiến của anh/chị về cách cảnh sát xử lý các vụ BLGD: cách họ giải quyết BLGD tại gia đình xảy ra vụ việc; báo cáo về vụ việc (viết báo cáo về vi phạm); giải quyết nạn nhân và thủ phạm?

10. Luật phòng chống BLGD

- kiểm tra xem người được phỏng vấn có biết nội dung của Luật PCBLGD không, nếu họ chưa biết thì giới thiệu ngắn gọn cho họ biết
- Luật PCBLGD có tác động gì tới công tác báo cáo BLGD của anh/chị không?
- Luật PCBLGD có tác động gì tới cách làm việc của cảnh sát/công việc của anh/chị không?
- tác động của Luật PCBLGD trong tương lai?

11. Những vấn đề khác về BLGD mà người được phỏng vấn sẽ trao đổi/báo cáo?



UNODC

United Nations Office on Drugs and Crime

United Nations Office on Drugs and Crime Ha Noi, Vietnam
41A Ly Thai To Str., Hoan Kiem Dist., Hanoi